



Giao trình Electric guitar

- NHẠC LÝ
- ÂM GIAI
- KỸ THUẬT
- ÂM THANH
- GUITAR RIFFS

CẤP ĐỘ CĂN BẢN

NỀN TẢNG CẦN THIẾT CHO NGƯỜI BẮT ĐẦU

Biên soạn:

Phúc Nguyễn & Lâm Quốc Khanh

Lời giới thiệu :

Khi mới cầm cây đàn điện, bản thân mình cũng từng loay hoay với vô số câu hỏi: “Bắt đầu từ đâu?”, “Học kỹ thuật gì trước?”, “Làm sao để âm thanh nghe hay hơn?”... Chính vì vậy, sau 10 năm trau dồi và rèn luyện không ngừng nghỉ, mình muốn soạn ra một cuốn giáo trình rõ ràng, dễ hiểu, nhưng vẫn đủ chi tiết để bạn không bị bỏ sót bất kỳ nền tảng quan trọng nào.

Trong sách này, bạn sẽ được hướng dẫn:

- Tư thế và kỹ thuật cơ bản để chơi thoải mái và chính xác.
- Các kỹ thuật chơi guitar điện thiết yếu như alternate picking, bending, slide, vibrato, hammer-on, pull-off, power chord...
- Nhạc lý, nhịp, phách căn bản áp dụng ngay vào thực hành.
- Bài tập luyện ngón và luyện tiết tấu: giúp cải thiện phần tốc độ.
- Ứng dụng thực tế: chơi riff, giai điệu và hợp âm trong nhiều phong cách.
- Giới thiệu thiết bị: amp, pedal, effect – để bạn hiểu cách tạo ra âm thanh đúng chất mình muốn.

Mỗi bài học đều được sắp xếp theo trình tự và độ khó tăng dần. Mục tiêu của mình là giúp bạn vừa học vừa ứng dụng được, vừa biết mình đang đánh trên thang âm nào, kỹ thuật gì, không chỉ đơn thuần là tập một đoạn giai điệu bằng cách nhìn theo thế tay mẫu.

Hãy coi cuốn sách này như tấm bản đồ chỉ dẫn hướng đi cho bạn trên hành trình tập guitar.

Chúc các bạn luôn vui và giữ được lửa đam mê mới âm nhạc.

Phúc Nguyễn.

Phu_luc:

Chương I : Nhạc lý, kỹ thuật căn bản :

- Cách sử dụng phím
- Cách đọc TABS
- Nhịp - Phách
- Tiết tấu

Chương II : Âm giai

- Cung và nửa cung
- Âm giai trưởng
- Dấu #, ♫
- Dấu chấm dôi, dấu nối

Chương III : Pentatonic

- Pentatonic Trưởng, Thứ
- Pentatonic licks

Chương IV : Pickups, Amplifier, Pedal...

- Giới thiệu các loại pickups, amplifier và các thông số tinh chỉnh cơ bản
- Mô tả khái quát về pedal, "phơ", các loại pedal và nguyên lí hoạt động.

Chương V : Hammer-on, Pull-off, Slide

- Pentatonic Slide licks
- Rock licks

Chương VI : Bending - Vibrato

- Neo-Soul licks

Chương VII : Ứng dụng

- 3 tác phẩm vận dụng các kỹ thuật đã học

Chương VIII : Âm giai, Hoá biến

- Các âm giai khác dựa trên C Major Scale

Chương IX : Liên 3, Nốt móc kép

- Ballad licks

Chương X : Các dạng tiết tấu khác

- Blues licks
- Rock Ballad licks

Chương XI : Hợp âm, Riff, Palm Mute

Chương XII : Legato

Chương XIII : Melodic Ballad

CHƯƠNG I : Nhạc Lý, Kỹ Thuật Căn Bản.

Trong chương I, chúng ta cùng tìm hiểu về :

- Cách sử dụng phím gảy (pick)
- Cách đọc TAB
- Nhịp, phách, nốt nhạc, dấu lặng
- Tempo - Metronome
- Kỹ thuật alternate picking
- Bài tập luyện ngón

Dưới đây là các kiến thức và thuật ngữ chuyên môn quan trọng các bạn sẽ thường xuyên gặp cũng như sử dụng trong suốt quá trình chơi guitar, đồng thời là bước đầu giúp các bạn có được nền tảng vững chắc về nhạc lý.

Song song với đó, ngón tay của bạn dần quen, có lực và linh hoạt hơn thông qua các bài tập ngón. Böyle giờ, chúng ta cùng bắt đầu nhé.

Pick (Phím)

Pick (phím) là công cụ giúp người chơi guitar tạo ra âm thanh rõ ràng và mạnh mẽ, đặc biệt khi chơi solo. Cầm pick đúng sẽ giúp bạn cải thiện tốc độ, độ chính xác và lực đánh.

Cách cầm pick:

- Đầu tiên, hãy cầm pick giữa ngón cái và ngón trỏ của tay phải (đối với người thuận tay phải).
- Đặt pick nằm ngang trên ngón trỏ, sao cho phần nhọn hướng ra ngoài, rồi dùng ngón cái giữ phím với lực vừa phải.



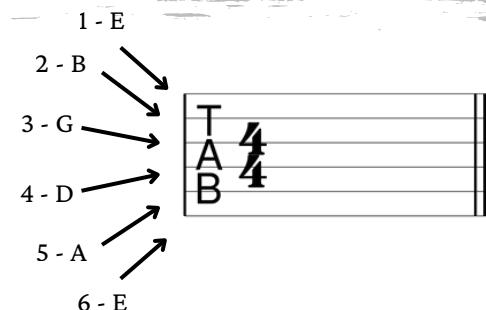
Lưu ý khi cầm pick:

- Phần đầu nhọn của pick nên lộ ra khoảng 0.5–1 cm để gảy dây dễ dàng.
- Giữ tay và cổ tay thư giãn, tránh siết chặt quá mức để không gây mỏi.
- Khi mới tập, để dễ điều khiển các bạn nên sử dụng những dạng pick mỏng (0.8 → 1.14mm) - thông tin này có ghi trên pick.
- Với cách cầm đúng, bạn sẽ cảm thấy việc gảy dây trở nên nhẹ nhàng, linh hoạt và chính xác hơn.

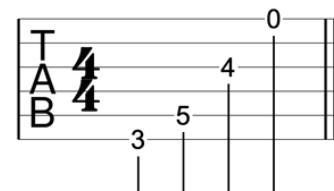
TAB:

TAB là hệ thống ký hiệu được sử dụng để ghi lại cách chơi các bản nhạc trên guitar, khác với bản nhạc truyền thống dùng nốt nhạc, TAB sử dụng các con số và đường kẻ để biểu thị vị trí ngón tay trên cần đàn.

- TAB có 6 dòng tương trưng cho 6 dây đàn, dây số 1 ở trên cùng (là dây nhỏ nhất trên đàn guitar) lần lượt đến dây số 6 ở dưới cùng (dây to nhất trên đàn guitar)



- Các con số được viết trên các dòng này cho biết ngắn (phím) đàn mà bạn cần bấm. Ví dụ, số "3" trên dòng thứ 6 nghĩa là bạn cần bấm ngắn số 3 trên dây số 6,...



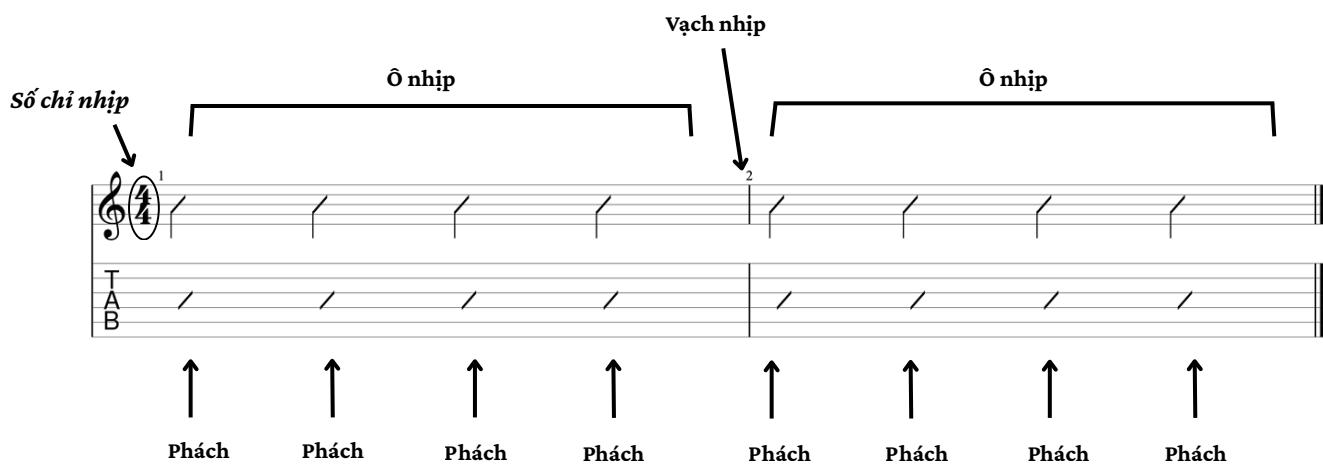
→ Nhờ vào tính trực quan và dễ học, TAB là công cụ lý tưởng cho người mới bắt đầu học guitar và cả những người chơi nâng cao muốn ghi lại hoặc học các bản nhạc có độ khó cao, tốc độ và sử dụng nhiều kỹ thuật một cách nhanh chóng.

Nhịp (Beat):

Trong âm nhạc, **nhip (Rhythm)** và **phách (beat)** là hai yếu tố nền tảng giúp tổ chức và xác định cấu trúc thời gian của một bản nhạc.

- **Phách (beat)** là đơn vị đo thời gian trong âm nhạc. Mỗi phách giống như một nhịp đậm đà – như nhịp chân hay tiếng vỗ tay. Trong một bản nhạc, các phách được chia đều và lặp lại liên tục.
- **Ô nhịp** là đơn vị cơ bản trong âm nhạc dùng để chia dòng nhạc thành các phần nhỏ đều nhau bằng vạch nhịp. Mỗi ô nhịp chứa một số phách nhất định và được xác định bởi chỉ số nhịp (time signature) như 4/4, 3/4, 6/8,...

VD: Có 2 ô nhịp 4/4, mỗi ô nhịp gồm 4 phách



Số chỉ nhịp:

Số chỉ nhịp dùng để biểu thị số phách và giá trị của mỗi phách trong một ô nhịp, thường được ghi dưới dạng một phân số – ví dụ như $2/4$ - $3/4$ - $4/4$ - $6/8$ - $12/8$... Trong đó:

- **Số phía trên** cho biết số phách có trong mỗi ô nhịp.



Ví dụ:

→ Nhịp $4/4$: Có **4 phách** trong mỗi ô nhịp

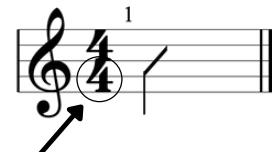
→ Nhịp $3/4$: Có **3 phách** trong mỗi ô nhịp

- **Số phía dưới** biểu thị giá trị trường độ (độ dài) của mỗi phách, được quy ước theo đơn vị nốt nhạc.

Số 4: mỗi phách có giá trị bằng **nốt đen** - $1/4$ nốt tròn

Số 2: mỗi phách tương ứng **nốt trắng** - $1/2$ nốt tròn

Số 8: mỗi phách tương ứng **nốt móc đơn** - $1/8$ nốt tròn



Ví dụ:

→ Nhịp $4/4$: Có 4 phách, mỗi phách có giá trị bằng một **nốt đen**

→ Nhịp $3/4$: Có 3 phách, mỗi phách có giá trị bằng một **nốt đen**

Nốt Nhạc + Dấu Lặng:

Nốt nhạc là ký hiệu thể hiện độ dài (trường độ) và độ cao của âm thanh. Mỗi nốt có một giá trị thời gian khác nhau, giúp người biểu diễn biết được âm thanh đó cần kéo dài trong bao lâu.

- **Nốt tròn (●)** – Là nốt có giá trị dài nhất, tương đương 4 phách trong nhịp $4/4$. Được viết bằng một đầu nốt rỗng, không có thân.

1 2 3 4

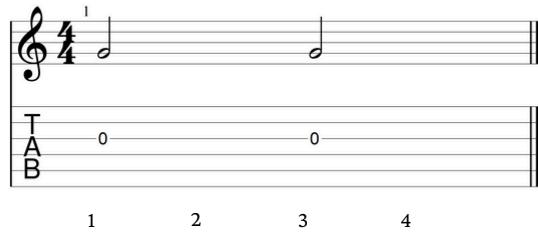
Dấu lặng là ký hiệu trong bản nhạc dùng để biểu thị **khoảng nghỉ**, tức là **thời gian không phát ra âm thanh**. Cũng giống như các nốt nhạc, mỗi dấu lặng có trường độ riêng.

- **Dấu lặng tròn (—)** – biểu thị khoảng nghỉ trong 4 phách. Kí hiệu bằng 1 gạch ngang in đậm nằm dưới dòng kẻ thứ 2

1 2 3 4

6

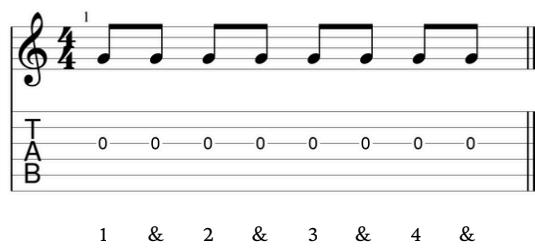
- Nốt trắng (♩)** – Có giá trị 2 phách, bằng 1/2 nốt tròn. Gồm đầu nốt rỗng và một thân thẳng đứng.



- Nốt đen (♪)** – Giá trị 1 phách, bằng 1/4 nốt tròn, là dạng nốt rất phổ biến. Gồm đầu nốt tó kín và một thân.



- Nốt móc đơn (♪)** – Có giá trị 1/2 phách, bằng 1/8 nốt tròn, giống với nốt đen nhưng có thêm một móc cong. Khi viết nhiều nốt móc liền nhau, chúng thường được nối bằng gạch ngang (—)



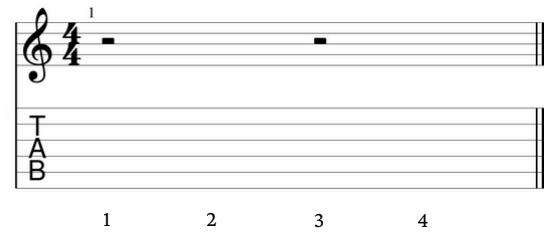
Nốt móc đơn có giá trị nhỏ hơn một phách, có tốc độ gấp đôi nốt đen và có thể chia đều 1 phách ra làm 2 nửa. Ta gọi là “&” khi đếm các nốt nằm giữa 2 phách.

Lắng nghe 2 ô nhịp bên dưới để cảm nhận sự khác biệt giữa nốt đen và nốt móc đơn

Lưu ý cách đậm chân

Khi đậm chân xuống theo nốt đen, chân của bạn nhấc lên để đập xuống vào nhịp tiếp theo, điều này sẽ đồng thời chia đều mỗi phách ra làm 2 nửa. Chu kì từ lúc chân đang chạm đất (↓) đến khi nhấc lên cao hết cỡ (↑) sẽ có độ dài 1/2 phách, tương tự đối với chu kì từ lúc chân đang ở trên cao (↑) đến lúc đậm chân xuống vào nhịp tiếp theo (↓).

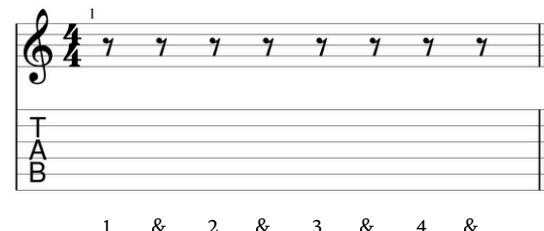
- Dấu lặng trắng (—)** – nghỉ 2 phách. Kí hiệu bằng 1 gạch ngang in đậm nằm trên dòng kẻ thứ 3



- Dấu lặng đen (♪)** – nghỉ 1 phách. Được viết giống như một dấu ngoặc nhọn cách điệu



- Dấu lặng đơn (γ)** – nghỉ 1/2 phách. có hình dạng giống như một số 7 cách điệu



Bài Tập

5 bài tập bên dưới có kết hợp giữa các nốt và dấu lăng, hãy đậm chân đều và đếm từng phách “1,2,3,4”. Luyện tập các bài tập này cùng máy đếm nhịp sẽ giúp bạn giữ được nhịp độ ổn định, hiểu rõ về sự khác nhau giữa các dạng hình nốt tròn, trăng, đen và móc đơn.

Bài 1.1:

$\text{♩} = 80$

1 2 3 4 1 2 3 4 1 2 3 4 1 & 2 & 3 & 4 &

Bài tập 1.2 → 1.4, các nốt móc đơn, nốt đen.....

Bài 1.2:

$\text{♩} = 80$

Bài 1.3:

$\text{♩} = 80$

Bài 1.4:

$\text{♩} = 80$

Bài 1.5:

$\text{♩} = 80$

Bài 1.6

 $\text{♩} = 80$
Kỹ Thuật Alternate Picking:

Kỹ thuật Alternate picking yêu cầu người chơi sử dụng pick theo **hướng xuống và lên xen kẽ** liên tục (downstroke và upstroke), thay vì chỉ gảy theo một chiều.

Kí hiệu Alternate Picking:

Đánh xuống (downstroke):

Đánh lên (upstroke):

→ Nhờ sự luân phiên đều đặn, alternate picking giúp tăng tốc độ và độ chính xác khi chơi các đoạn giai điệu nhanh, đồng thời tiết kiệm sức lực cho tay phải. Việc luyện tập thành thạo alternate picking không chỉ giúp bạn cải thiện khả năng kiểm soát và nhịp phách, mà còn mở rộng phạm vi biểu cảm trong cách trình bày bản nhạc.

Tempo:

Tempo là thuật ngữ trong âm nhạc dùng để chỉ **tốc độ** của bản nhạc, được đo bằng đơn vị **phách mỗi phút (beat per minute - BPM)**

Ký hiệu tempo thường được ghi ở phía trên đầu bản nhạc.

VD: $\text{♩} = 60 \rightarrow$ Tempo 60bpm

Metronome:

Metronome (máy đếm nhịp) là thiết bị dùng để giúp người chơi nhạc duy trì tốc độ nhịp ổn định trong quá trình luyện tập hoặc biểu diễn. Máy đếm nhịp tạo ra các tiếng "tick" đều đặn theo một Tempo đã được cài đặt trước.

Có hai loại máy đếm nhịp phổ biến là máy cơ học truyền thống và máy điện tử hiện đại, ngày nay còn có ứng dụng đếm nhịp trên điện thoại (Tempo, GuitarTuna,...)

→ Việc sử dụng máy đếm nhịp giúp người học nhạc rèn luyện khả năng giữ nhịp chính xác, cải thiện kỹ thuật và nâng cao hiệu quả luyện tập.

Bài Tập:

Bài tập bên dưới sẽ giúp bạn làm quen với kỹ thuật Alternate Picking, đi kèm với kỹ năng đọc Tab và bấm dây. Mỗi bài sẽ chia ra làm 2 dạng tiết tấu (nốt đen và nốt móc đơn) ở nhịp 4/4. Chính máy đếm nhịp với Tempo được ghi ở đầu bài để duy trì nhịp độ ổn định khi thể hiện các bài tập.

Alternate Picking:

Bài 1.7

 $\downarrow = 80$

Bài 1.8

 $\downarrow = 80$

Bài tập 1.9 được biến thể từ 1.7 với các dây được chơi ngẫu nhiên hơn. Hãy tăng độ linh hoạt và chính xác của tay phải dựa trên bài tập này.

Bài 1.9

 $\text{♩} = 80$

Bài 1.10

 $\text{♩} = 80$

Tập bấm nốt nhạc + Alternate picking

Bài 1.11

 $\text{♩} = 80$

Bài 1.11

$\text{♩} = 80$

4/4 time signature.

String fingering:

- Measure 1: 5-6-7-8
- Measure 2: 5-6-7-8
- Measure 3: 5-6-7-8
- Measure 4: 5-6-7-8

String labels: T (Top), A (Bottom).

Bài 1.12

 $\text{♩} = 80$

Bài 1.12

$\text{♩} = 80$

4/4 time signature.

String fingering:

- Measure 1: 5-6-7-8
- Measure 2: 5-6-7-8
- Measure 3: 5-6-7-8
- Measure 4: 5-6-7-8

String labels: T (Top), A (Bottom).

Bài 1.13

 $\text{♩} = 60$

Bài 1.13

$\text{♩} = 60$

1 2 3 4
5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8

5 6 7 8
5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8

9 10 11
5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8 ||

T A B T A B T A B

Bài 1.14

 $\text{♩} = 60$

Bài 1.14

$\text{♩} = 60$

1 2 3 4
5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8 | 5 7 6 8

5 6 7 8
5 7 6 8 | 5 7 6 8 | - ||

T A B T A B

Bài 1.15

 $\text{♩} = 60$

Bài 1.15

$\text{♩} = 60$

T A B

5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 |

5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 |

5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 |

Bài 1.16

 $\text{♩} = 60$

Bài 1.16

$\text{♩} = 60$

T A B

5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 |

5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 |

5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 | 5 8 6 7 |

Bài 1.17

 $\text{♩} = 60$

1 2 3 4

T A B
5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6

5 6 7 8

T A B
5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6

9 10 11

T A B
5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6 ||

Bài 1.18

 $\text{♩} = 60$

1 2 3 4

T A B
5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6 | 5 8 7 6

5 6 -

T A B
5 8 7 6 | 5 8 7 6 ||

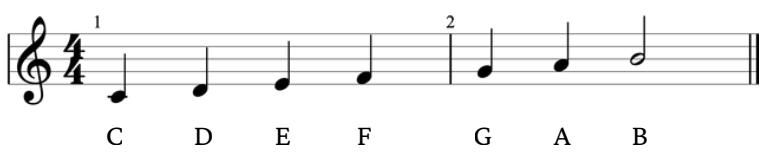
CHƯƠNG II : Âm Giai

Nốt Nhạc (Cao Độ):

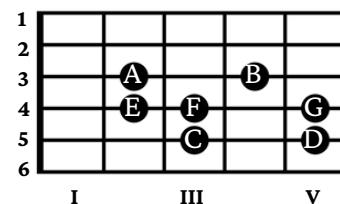
Để biểu diễn cao độ (độ trầm hay bổng của âm thanh), chúng ta sử dụng 7 nốt nhạc cơ bản theo hệ thống âm nhạc phương Tây gồm:

→ Đô (C) - Rê (D) - Mi (E) - Fa (F) - Sol (G) - La (A) - Si (B)

Vị trí 7 nốt nhạc trên bản nhạc:

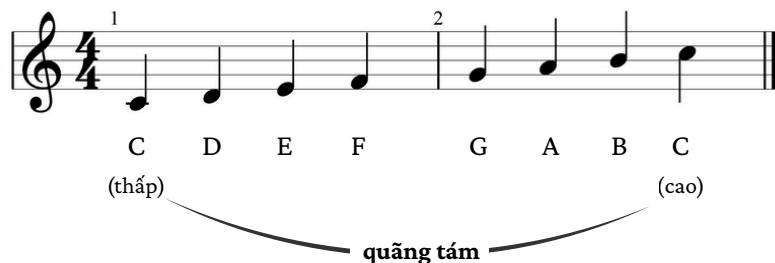


Vị trí 7 nốt nhạc trên cần đàn:

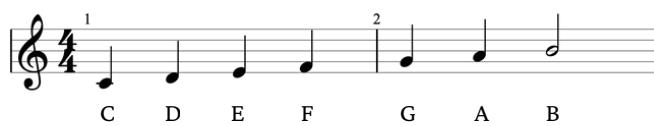


Sau nốt Si (B), dãy nốt lặp lại bắt đầu từ Đô (C), khoảng cách giữa hai nốt nhạc cùng tên (C thấp → C cao) được gọi là một **quãng tám**.

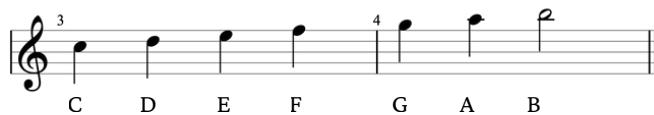
→ Hai nốt cách nhau một quãng tám nghe rất giống nhau về âm sắc, chỉ khác nhau về cao độ.



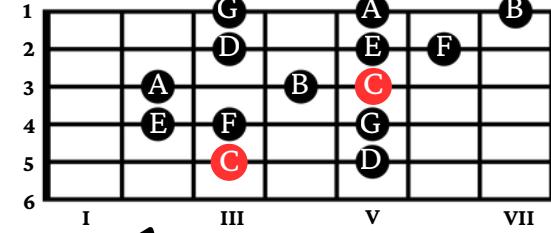
Quãng tám thứ 1



Quãng tám thứ 2



Quãng tám thứ 2



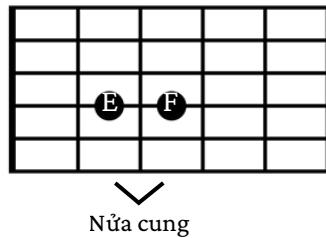
Quãng tám thứ 1

Cung Và Nửa Cung:

Cung và nửa cung thể hiện **khoảng cách** giữa hai nốt nhạc.

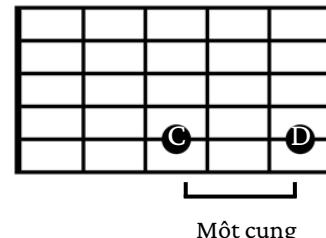
- Nửa cung :** Trên đàn Guitar, 2 nốt cách nhau nửa cung nằm liền kề nhau

VD: E-F = nửa cung



- Một cung** bằng hai nửa cung. Trên đàn Guitar, 2 nốt cách nhau 1 cung nằm cách nhau 1 ngăn

VD: C-D = một cung

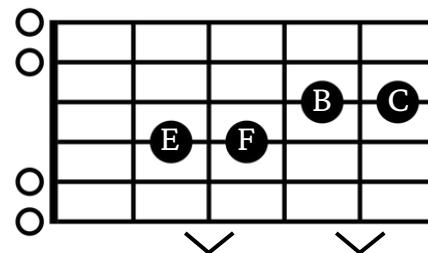


Dấu Thăng và Dấu Giáng:

Giữa một số cặp nốt nhạc có tồn tại các nốt nằm giữa, gọi là **nốt thăng (#)** và **giáng (♭)**:

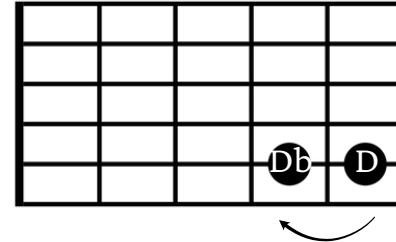
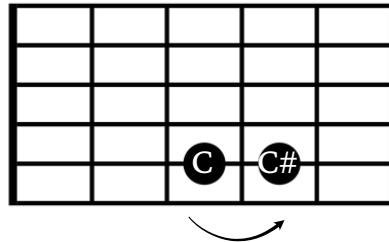
Dấu thăng (#) nâng nốt lên nửa cung.
Dấu giáng (♭) hạ nốt xuống nửa cung.

- Một số cặp nốt như **Mi (E)** và **Fa (F)**, **Si (B)** và **Đô (C)** không có nốt xen ở giữa, tức là chúng cách nhau đúng nửa cung.

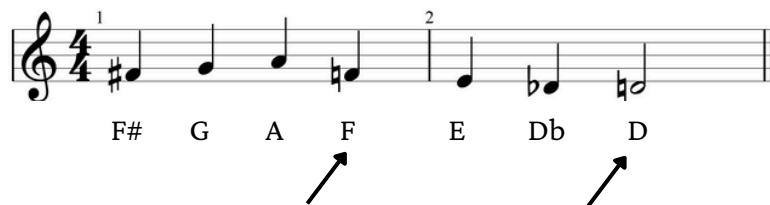


Lưu ý :

- Giữa Đô (C) và Rê (D) là **Đô thăng (C#)** hoặc **Rê giáng (D ♭)** – hai nốt này có cao độ giống nhau nhưng tên gọi khác nhau gọi là nốt đồng âm nhưng khác tên gọi (**enharmonic**).



*Dấu bình (\natural): dùng để **hủy bỏ tác dụng của dấu thăng (#)** hoặc **dấu giáng (b)** trước đó, và đưa nốt nhạc trở về **cao độ gốc** ban đầu.



Dấu bình xuất hiện ở nốt F và D cho biết 2 nốt này được chơi ở trạng thái tự nhiên (không thăng - không giáng)

*Lưu ý: Dấu bình chỉ có tác dụng trong một ô nhịp

• Âm Giai:

Âm giai là một **dãy các nốt nhạc** được sắp xếp theo **thứ tự tăng dần hoặc giảm dần** theo **một quy luật nhất định** về khoảng cách giữa các nốt. Âm giai là nền tảng quan trọng của âm nhạc, bởi nó là cơ sở để hình thành giai điệu, hợp âm, tông và hòa âm.

• Cấu trúc của âm giai

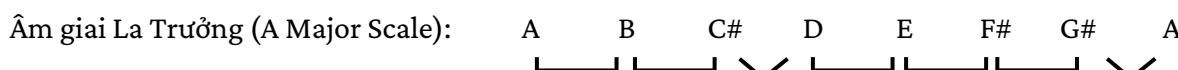
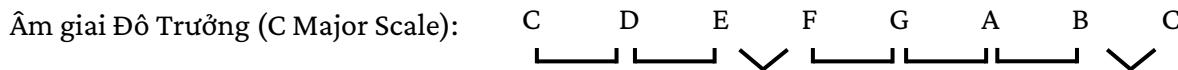
Một âm giai thường gồm 7 nốt cơ bản (đôi khi 8 nếu tính cả nốt đầu lặp lại ở quãng tám tiếp theo). Các nốt này được sắp xếp theo các khoảng cách cung và nửa cung nhất định.

Có rất nhiều loại âm giai như: Âm giai Trưởng, Âm giai Thứ, Âm giai Pentatonic,... nhưng ở phần này chúng ta chỉ tập trung tìm hiểu về **Âm giai Trưởng**.

• Âm Giai Trưởng

Âm giai trưởng (Major Scale) là một trong những âm giai cơ bản và quan trọng trong âm nhạc. Đây là nền tảng để xây dựng giai điệu, hợp âm, hòa âm và là hệ thống chủ đạo để tạo nên “màu sắc” của âm thanh.

Một âm giai trưởng gồm bảy nốt khác nhau, sắp xếp theo trình tự cao dần với khoảng cách giữa chúng tuân theo quy luật: **1 cung – 1 cung – $\frac{1}{2}$ cung – 1 cung – 1 cung – 1 cung – $\frac{1}{2}$ cung**.



Sự xuất hiện của các dấu thăng giúp cho các nốt tuân theo đúng cấu trúc “cung-nửa cung” của âm giai trưởng.

• **Bậc:**

Bậc là cách gọi tên **vị trí của từng nốt trong âm giai** dựa trên thứ tự từ thấp đến cao. Mỗi nốt trong âm giai được đánh số từ I đến VII. Nốt bậc I là nốt đứng đầu, được gọi là nốt gốc (root note) - cũng là tên gọi của âm giai đó (VD: Đô là nốt bậc I → âm giai Đô trưởng - C Major Scale). Việc xác định bậc giúp bạn hiểu rõ chức năng của từng nốt trong âm giai, từ đó ứng dụng trong solo, sáng tác, hòa âm và phân tích âm nhạc.

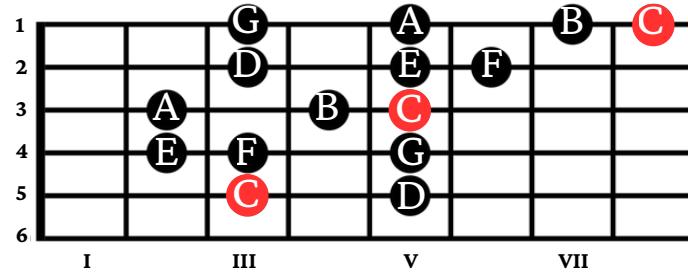
Bên dưới là các bài tập âm giai Đô Trưởng (C Major Scale) được soạn với 2 quãng tám ở 2 shape khác nhau, bắt đầu từ nốt C (thấp) ở dây 5 đến nốt C (cao) ở dây 1. Thuần thục các bài tập này giúp bạn hệ thống được toàn bộ các nốt có trong âm giai trên 7 → 8 ngón đầu của cần đàn và ứng dụng chúng vào các bài hát thực tiễn sau này.

→ Luyện tập âm giai trên guitar giúp nâng cao kỹ thuật ngón tay, cải thiện sự linh hoạt và chính xác khi chơi. Hãy ghi nhớ vị trí các nốt trên cần đàn, tập luyện với máy đánh nhịp càng nhiều càng tốt (tới mức có thể vừa nhắm mắt vừa đánh) đồng thời sắp xếp lộ trình tăng tốc độ hợp lí (ví dụ 1 tuần tăng 10-15 bpm)....

BÀI TẬP:

Thực hiện các bài tập bên dưới bằng kỹ thuật Altenate Picking ở Tempo 60 - 90 với dạng nốt đen và nốt móc đơn. Hãy chú ý vào lực đánh tay phải và lực bấm tay trái để các âm thanh phát ra rõ ràng. Hãy tham khảo các video đính kèm trong bộ sách để biết thêm về cách xếp ngón tay trái.

C Major Scale Shape 1



2.1:

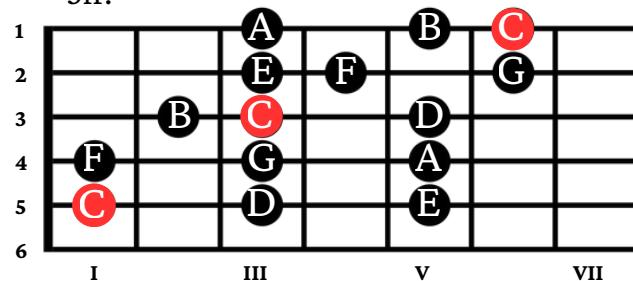
♩ = 60

2.2:

$\text{♩} = 60$

C Major Scale Shape 2

3fr.



2.3:

$\text{♩} = 60$

2.4:

$\text{♩} = 60$

Dấu Chấm Dôi và Dấu Nối:

Dấu Chấm Dôi và **Dấu Nối** là hai ký hiệu dùng để **kéo dài trường độ** của nốt nhạc.

Dấu Chấm Dôi

Dấu chấm dôi được viết ngay sau một nốt nhạc và có tác dụng **kéo dài thêm một nửa giá trị** của chính nốt đó.

Nốt đen (1 phách) + Dấu chấm dôi
→ Nốt đen chấm: kéo dài 1,5 phách



Nốt trắng (2 phách) + Dấu chấm dôi → Nốt
trắng chấm: kéo dài 3 phách

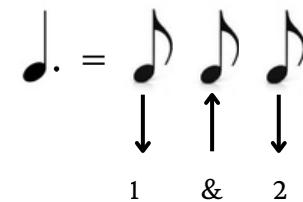


Ví dụ tiết tấu đen chấm dôi + móc đơn:



Lưu ý cách đậm chân: ở ví dụ trên, nốt đen chấm dôi có giá trị là 1,5 phách → đánh nhịp 1 sau đó giữ đến nhịp 2, nốt móc đơn tiếp theo rơi vào phách (&) sau nhịp 2

Chúng ta có thể hình dung nốt đen chấm dôi dưới dạng 3 nốt móc đơn và kí hiệu mũi tên (↓)(↑) khi tập luyện để tránh sự rối loạn về nhịp.



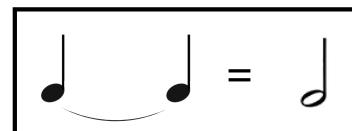
Ví dụ cách đậm chân các dạng tiết tấu nốt đen chấm dôi :



Dấu Nối

Dấu nối là một đường cong nối hai (hoặc nhiều) **nốt nhạc cùng cao độ**, dùng để **cộng dồn trường độ** của chúng lại với nhau.

Ví dụ: Hai nốt đen nối với nhau bằng dấu nối sẽ được giữ kéo dài trong 2 phách như một nốt trắng.



Dấu nối thường được dùng khi muốn kéo dài âm qua **vạch nhịp**

vạch nhịp

T 0 0 0 | (0) 0 ||

Hoặc khi kết hợp trường độ phức tạp không thể thể hiện bằng một nốt đơn.

Musical notation example 2.4 shows a treble clef staff with a 4/4 time signature. The first measure contains a single note with a circled '1' above it. The second measure contains three notes. The third measure contains two notes. The fourth measure contains one note. Below the staff is a guitar neck diagram with three strings labeled T, A, and B. The first measure has a '0' under string T. The second measure has '0' under strings A and B. The third measure has '0' under strings A and B. The fourth measure has '0' under strings A and B.

*Lưu ý: Dấu nối chỉ áp dụng cho các nốt cùng cao độ

BÀI TẬP:

Các bài tập này chủ yếu tập trung vào phát triển khả năng thị tấu (sight-reading). Hãy đọc bài và phân tích thật kĩ để nắm được dạng tiết tấu của mỗi ô nhịp trước khi bước vào tập luyện với Metronome.

2.5

$\text{♩} = 70$

Musical notation example 2.5 shows a treble clef staff with a 4/4 time signature. It consists of four measures. Measure 1: Four eighth notes. Measure 2: Four eighth notes. Measure 3: Four eighth notes. Measure 4: Four eighth notes. Below the staff is a guitar neck diagram with three strings labeled T, A, and B. Measure 1: '0' under T, '0' under A, '0' under B. Measure 2: '0' under A, '0' under B. Measure 3: '0' under T, '0' under A, '0' under B. Measure 4: '0' under T, '0' under A, '0' under B.

2.6

$\text{♩} = 70$

Musical notation example 2.6 shows a treble clef staff with a 4/4 time signature. It consists of four measures. Measure 1: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Measure 2: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Measure 3: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Measure 4: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Below the staff is a guitar neck diagram with three strings labeled T, A, and B. Measure 1: '0' under T, '0' under A, '0' under B. Measure 2: '0' under A, '0' under B. Measure 3: '0' under T, '0' under A, '0' under B. Measure 4: '0' under T, '0' under A, '0' under B.

2.7

$\text{♩} = 70$

Musical notation example 2.7 shows a treble clef staff with a 4/4 time signature. It consists of four measures. Measure 1: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Measure 2: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Measure 3: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Measure 4: Two eighth notes followed by a sixteenth note pair. Below the staff is a guitar neck diagram with three strings labeled T, A, and B. Measure 1: '0' under T, '0' under A, '0' under B. Measure 2: '0' under A, '0' under B. Measure 3: '0' under T, '0' under A, '0' under B. Measure 4: '0' under T, '0' under A, '0' under B.

2.8

$\text{♩} = 70$

Musical notation example 2.8 shows a treble clef staff with a 4/4 time signature. It consists of four measures. Measure 1: One eighth note followed by a sixteenth note pair. Measure 2: One eighth note followed by a sixteenth note pair. Measure 3: One eighth note followed by a sixteenth note pair. Measure 4: One eighth note followed by a sixteenth note pair. Below the staff is a guitar neck diagram with three strings labeled T, A, and B. Measure 1: '0' under T. Measure 2: '0' under A, '0' under B. Measure 3: '0'. Measure 4: '0' under A, '0' under B.

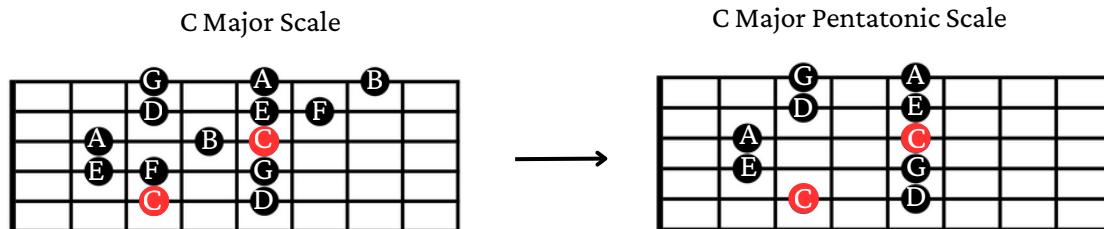
CHƯƠNG III: PENTATONIC

Pentatonic Scale là âm giai gồm **5 nốt**, được rút gọn từ âm giai trưởng (bỏ bậc IV và bậc VII)

Có 2 dạng Pentatonic Scale bao gồm: **Major Pentatonic** và **Minor Pentatonic**

Major Pentatonic Scale:

Major Pentatonic Scale được hình thành từ việc bỏ **nốt bậc IV và bậc VII** trong Major Scale.

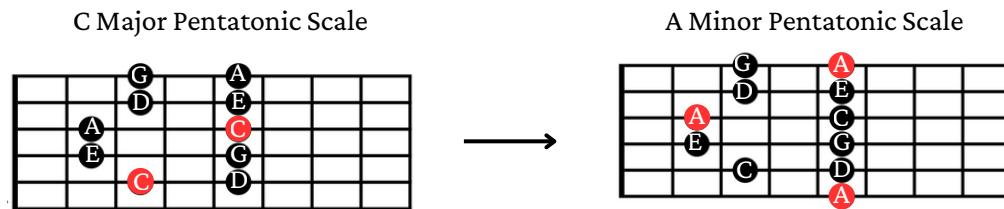


Do không chứa các nốt có khoảng cách nửa cung gây ra cảm giác căng thẳng (nốt bậc IV và bậc VII), Pentatonic trở nên đơn giản hơn, phù hợp để chơi đa dạng các thể loại nhạc và đặc biệt hiệu quả cho việc ứng tú (improvisation) mà vẫn giữ được giai điệu mượt mà, dễ chịu.

Minor Pentatonic:

Bắt đầu từ nốt bậc VI của âm giai Trưởng (Major Pentatonic) là âm giai Thứ (Minor Pentatonic) song song*

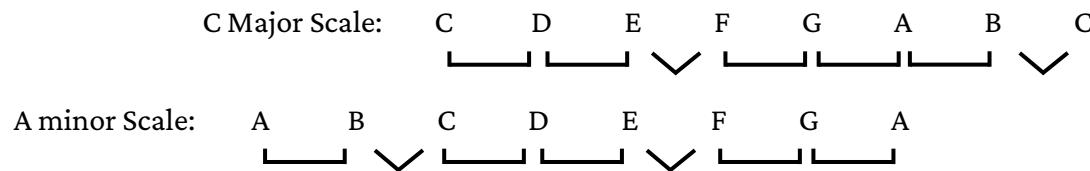
VD: Âm giai C Major Pentatonic ↔ A minor Pentatonic



* Tính chất song song của Âm Giai Trưởng - Thứ:

- Âm giai song song: là 2 âm giai - một trưởng ↔ một thứ - chứa các nốt giống nhau, nhưng khác nốt gốc (trưởng ↔ màu sắc sáng; thứ ↔ màu sắc tối).

VD: Âm giai C Major ↔ A minor

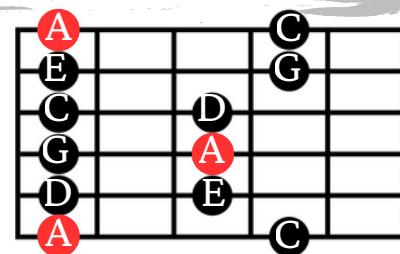


Hai âm giai này sử dụng cùng một tập hợp 7 nốt nhạc: C, D, E, F, G, A, B. Tuy nhiên, C Major bắt đầu từ nốt C, còn A minor bắt đầu từ nốt A.

- Một số cặp âm giai thông dụng khác bao gồm: G-Em, D-Bm, A-F#m,...

BÀI TẬP:

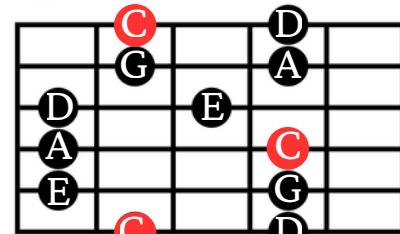
Bài tập bên dưới xoay quanh mẫu Am Pentatonic và C Pentatonic, sơ đồ vị trí các nốt được đặt ở bên phải.



Bài tập 3.1

 $\text{♩} = 80$

Bài tập 3.2

 $\text{♩} = 80$
C Major Pentatonic

Bài tập 3.3

7fr.

 $\text{♩} = 80$

Bài tập 3.4

 $\downarrow = 80$

1 2 3

T A B
8 10 7 10 7 9 | 8 10 8 10 8 9 | 7 10 7 10 7 10 8 |

Bài tập biến thể (thay đổi cách chạy nốt nhạc) dưới dạng Am và C pentatonic

Bài tập 3.5

 $\downarrow = 80$

1 2 3 4 5 6

T A B
5 8 5-7 5-7 5-7 | 5-7 5-7 5-7 5-7 | 5-8 5-7 5-8 5-8 | 8-5 8-5 7-5 8-5 |
7-5 7-5 7-5 7-5 | 7-5 7-5 8-5 |

Bài tập 3.6

 $\downarrow = 80$

1 2 3 4 5 6

T A B
8 10 7 10 7 10 | 7 10 7 9 7 10 7 9 | 8-10 7 9 8-10 8-10 | 10-8 10-8 9-7 10-8 |
9 7 10 7 9 7 10 7 | 10 7 10 7 10 7 10 8 |

Lick là một câu nhạc ngắn – dài từ 1 đến vài ô nhịp – mang tính melodic (giai điệu) hoặc rhythmic (nhịp điệu). Các câu lick thường chứa đựng các kỹ thuật và được tạo ra từ các nốt nằm trong âm giai chúng ta vừa học.

Các bạn có thể học các dạng lick - ghi nhớ chúng để sử dụng trong nhiều bài hát, nhiều trường hợp khác nhau hoặc coi các câu lick như một ý tưởng để phát triển thêm về mặt giai điệu, ứng tấu...

1. Pentatonic Lick 1

$\text{♩} = 120$

T
A
B
3 5 3 5 7 5 7 5 7 9 8 10 8 8 10

2. Pentatonic Lick 2

$\text{♩} = 120$

T
A
B
7 7 5 5 7 7 5 5 8 8 5 5 8 8 10 8 10 10 8 7 5 7 5 7

3. Pentatonic Lick 3

$\text{♩} = 120$

T
A
B
8 5 8 5 10 8 10 8 8 5 7 5 10 8 9 7 (7) 5 7 5 7 5 7 7

4. Pentatonic Lick 4

$\text{♩} = 120$

T
A
B
9 8 10 9 7 5 7 5 7 5 3 5

5. Pentatonic Lick 5

$\text{♩} = 120$

T
A
B
5 3 5 8 5 8 10 8 10 9 7 5 9 8 10 8 10

Dựa vào âm giai, tiết tấu đã học, dưới đây là 4 bài thực hành đánh giai điệu được biên soạn đơn giản để các bạn làm quen với cách đánh giai điệu từ âm giai đã học...

Khi đánh các bạn lưu ý luôn nhìn tiết tấu, tab và đập nhịp bằng chân để đảm bảo đọc hiểu - bài tập có hiệu quả cao nhất... Tránh đánh giai điệu theo kiểu thuộc lòng nhé.

At My Worst - Pink Sweat\$

$\downarrow = 87$

Photograph - Ed Sheeran

Standard tuning

$\downarrow = 78$

Giấc mơ tuyệt vời - Mỹ Tâm

Standard tuning

 $\downarrow = 82$

el.guit.

T
A
B

7 3 5 7 5 7 3 5 7 5 7 3 5 5

5 6 5 7 5 7 (7) 5 7 3 5 7 5 7 3 5 7 5 7 3 5 5

5 6 5 7 5 6 5 7 (7) 5 6 5 7 5 (5)

CHƯƠNG IV: Pickup, Amplifier, Pedal....

Khác với acoustic guitar, âm thanh của guitar điện phải trải qua một hành trình dài trước khi đến tai người nghe: bắt đầu từ **pickup** (thu tín hiệu dao động dây đàn) → đi qua các thiết bị như **pedal hiệu ứng (effects)** (overdrive, delay, reverb, modulation...) → vào **ampli** để khuếch đại → cuối cùng đi tới **loa** để phát ra âm thanh.

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu từng phần để nhận biết, phân biệt các loại thiết bị như: Amplifier, Pedal, Pickups, và cách sử dụng chúng.

Trước tiên, hãy cùng tìm hiểu về Pickup

PICKUP:

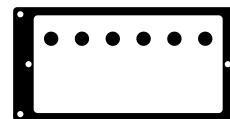
Pickup đóng vai trò tiếp nhận sự rung động của dây đàn và chuyển chúng thành tín hiệu điện để khuếch đại. Có hai dạng pickup phổ biến : **single-coil & humbucker**

Single-Coil



Single-coil là loại pickup cổ điển với âm thanh **sáng, trong trẻo và rõ nét**, rất được ưa chuộng trong các thể loại như rock cổ điển, blues và funk. Tuy nhiên, chúng dễ bị nhiễu điện từ, gây ra tiếng "hum" đặc trưng.

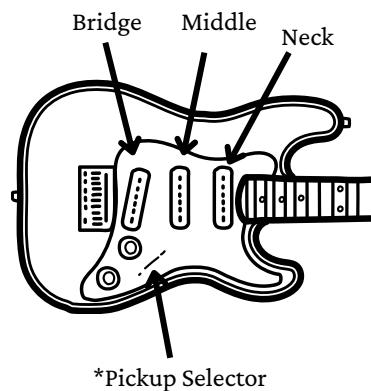
Humbucker



Pickup Humbucker được tạo ra bằng cách kết hợp hai pickup single-coil, với mục đích loại bỏ tiếng nhiễu. Loại pickup này cho âm thanh **dày, ấm và mạnh mẽ**, phù hợp với rock, metal và jazz.

Vị trí Pickup

Mỗi một vị trí pickup trên guitar điện sẽ tạo ra một chất âm khác nhau. Thông thường, một cây guitar có từ hai đến ba pickup, đặt ở các vị trí sau: **neck** (gần cần đàn), **middle** (giữa thân đàn), và **bridge** (gần ngựa đàn).



*Pickup selector là công tắc chuyển đổi giữa các pickup, cho phép người chơi lựa chọn pickup theo từng vị trí (neck, middle, bridge) hoặc kết hợp nhiều pickup cùng lúc.

Tùy vào thiết kế đàn, công tắc này có thể có 3, 5 hoặc nhiều vị trí.

1. Pickup ở vị trí Neck

- Âm thanh: Ấm, tròn, dày, nhiều bass
- Đặc điểm: Vì vị trí này gần nơi dây đàn rung rộn nhất nên âm thanh phát ra thường mềm mại và phù hợp cho những đoạn solo tình cảm, nhạc blues, jazz hoặc hợp âm nhẹ nhàng.
- Ứng dụng: Phổ biến trong các đoạn lead nhẹ, đệm êm hoặc solo "ngọt".

2. Pickup ở vị trí Middle

- Âm thanh: Cân bằng giữa độ sáng và độ ấm
- Đặc điểm: Là sự kết hợp giữa neck và bridge pickup, cho âm thanh trung tính, linh hoạt.
- Ứng dụng: Phù hợp với nhiều thể loại, đặc biệt là funk hoặc khi kết hợp với pickup neck hoặc bridge để tạo âm thanh "quacky" đặc trưng (như ở Stratocaster).

3. Pickup ở vị trí Bridge

- Âm thanh: Sáng, sắc, nhiều treble, rõ nét
- Đặc điểm: Do dây rung ít hơn và độ căng cao hơn ở vị trí này, âm thanh thường sắc bén, chói và có độ "nẩy" cao.
- Ứng dụng: Thường dùng cho những đoạn riff mạnh, power chord, solo tốc độ cao, đặc biệt trong rock, punk, metal.

AMPLIFIER:

Amplifier (amp) là thiết bị điện tử dùng để **khuếch đại tín hiệu âm thanh** chuyên dụng cho đàn guitar, đây là nơi tiếp nhận tín hiệu đầu vào sau đó khuếch đại tín hiệu nhẹ và xử lý âm sắc EQ (bass, mid,treble).

Chúng ta cùng tìm hiểu về 3 loại amply dành cho guitar được sử dụng phổ biến :

Tube Amp (Amp
bóng đèn)



Solid State Amp
(Amp bán dẫn)



Digital Amp (Amp
mô phỏng kỹ thuật
số)



	Tube Amp	Solid State Amp	Digital Amp
Công Nghệ	Sử dụng bóng đèn chân không để khuếch đại âm thanh	Sử dụng mạch bán dẫn thay vì bóng đèn để khuếch đại âm thanh.	Sử dụng công nghệ kỹ thuật số để giả lập âm thanh của nhiều loại amp khác nhau và hiệu ứng tích hợp sẵn.
Đặc Trưng	Đây có thể nói là loại ampli xuất hiện đầu tiên. Nổi tiếng với âm thanh ấm áp, giàu nhạc tính và phản hồi tốt với lực đánh (dynamic) của người chơi. Có giá thành cao.	Âm thanh sạch, rõ ràng, nhất quán. Đây là lựa chọn phổ biến cho người mới bắt đầu nhờ giá thành phải chăng, độ bền cao và bảo trì dễ dàng.	Với khả năng tùy biến linh hoạt, modeling amp rất phù hợp cho những ai muốn khám phá và trải nghiệm nhiều chất âm, nhiều hiệu ứng và nhiều phong cách âm nhạc.
Thích Hợp Với	Người chơi chuyên nghiệp, yêu cầu âm sắc tinh tế	Người mới, chơi tại nhà, nhu cầu cơ bản	Người chơi đa phong cách, cần sự linh hoạt

Các mẫu amp nổi tiếng:

Tube Amp:

- Fender Bassman:

Xuất xứ từ Mĩ với đặc trưng âm thanh sạch, sáng, phản hồi rất nhạy với các lực đánh khác nhau.



- Marshall JTM45:

Các ampli Marshall nổi tiếng với âm thanh dày, mạnh, dải tần mid nổi bật, tạo ra tiếng "Crunch" đặc trưng của nhạc Rock cổ điển.



- Vox AC30:

Âm thanh sáng, **lấp lánh**, thiên về dải tần cao. Các bạn có thể bắt gặp sound của Vox AC30 trong nhạc của Queen, The Beatles.



- Mesa Boogie Mark Series:

Nổi bật với chất âm mạnh mẽ, độ linh hoạt cao (3 kênh tiếng: Clean, Crunch, Lead), tích hợp Graphic EQ 5 băng tần. Mesa Boogie có thể đáp ứng được hầu hết mọi thể loại nhạc từ nhẹ đến nặng



Solid State Amp:

- Roland JC-120:

Một trong những ampli solid-state huyền thoại, được biết đến rộng rãi nhờ âm thanh sạch, trong trẻo - không breakup (bể tiếng) dù ở volume cao - kèm theo hiệu ứng chorus độc quyền. Âm thanh JC120 được lan truyền rộng rãi thông qua âm nhạc của The Police, Prince, The Cure,...



- Peavey Bandit 112

Phổ biến vì giá thành phải chăng, độ bền cao, và đặc biệt là âm thanh mạnh mẽ, linh hoạt với các kênh tiếng (Clean, Drive).

Điểm đặc biệt ở Peavey Bandit là công nghệ TransTube – giả lập cảm giác của tube amp. Dù không phải tube thật, nhưng Bandit có cảm giác chơi khá gần với tube amp.



- Fender Champion 100

Dễ sử dụng, âm thanh “kiểu Fender” sạch sẽ, và đặc biệt là khả năng mô phỏng nhiều kiểu amp khác nhau thông qua hệ thống “Voice Selector”. Đây là một lựa chọn rất phổ biến cho người mới tập chơi, chơi tại nhà, hoặc tập band nhỏ.



Modelling Amp:

Sự ra đời của Modelling Amp nhằm đáp ứng nhu cầu linh hoạt của tất cả mọi người trong việc tập luyện và biểu diễn. Chúng đều có đặc tính chung là **giả lập tiếng của nhiều loại tube amp** (Fender, Marshall, Mesa, Vox...) và **tích hợp sẵn các hiệu ứng** như : Delay, Reverb, Chorus, Phaser, Tremolo...

Mỗi loại Modelling Amp sẽ phù hợp cho một tệp người chơi nhất định:

- Nhu cầu tập luyện tại nhà:

Yamaha THR Series (THR10, THR30II)

Nổi bật nhất trong phân khúc dành cho tập luyện tại nhà. Được thiết kế để **nghe hay ở volume thấp**, THR series kết hợp công nghệ amp modeling tiên tiến với hiệu ứng tích hợp, bộ thu âm USB, và âm thanh stereo chất lượng cao – tất cả gói gọn trong một thiết bị nhỏ gọn, dễ mang theo.



Positive Grid Spark

Tương tự như Yamaha, nhưng Spark có nhiều tính năng và app thông minh hơn, trong khi THR cho cảm giác chơi thật hơn



Fender Mustang LT25

Dành cho người yêu “Fender Tone” với công nghệ giả lập rất tốt các amp Fender. Tích hợp màn hình màu LCD giúp chọn preset và chỉnh hiệu ứng dễ dàng đi kèm với tính năng kết nối USB để ghi âm trực tiếp vào máy tính. Đây là một sự lựa chọn nhỏ gọn, tiện lợi, đáp ứng được mọi nhu cầu từ tập luyện đến thu âm đơn giản.



Blackstar HT-1R MkII

HT-1R MkII là dạng tube amp mini với âm thanh ấm áp, tự nhiên, nhạy với lực tay như các tube amp cỡ lớn – được thiết kế đặc biệt cho mục đích tập luyện tại nhà nhưng vẫn mang lại chất âm đèn chân thực và đầy đủ.



Tích hợp ISF – EQ đặc trưng của Blackstar → Chuyển đổi giữa âm thanh kiểu Anh (Marshall-like) và kiểu Mỹ (Fender-like) bằng 1 nút vặn

Blackstar là sự lựa chọn lý tưởng nếu bạn không cần quá nhiều hiệu ứng, đề cao chất tiếng thật và cảm giác chơi

- **Nhu cầu bán chuyên, biểu diễn sân khấu nhỏ**

Boss Katana Series (Katana 50, 100, Artist)

Boss Katana nổi bật với chất âm mạnh mẽ, phản hồi tốt với lực đánh - cảm giác “gần như Tube Amp thật”



Với 5 kiểu amp đa dạng (Clean, Crunch, Lead, Brown, Acoustic) và hơn 60 hiệu ứng BOSS có thể tùy chỉnh sâu qua phần mềm Tone Studio, Katana đáp ứng tốt nhiều thể loại từ jazz, blues đến rock và metal.

Có thể dùng nhiều hiệu ứng cùng lúc, tạo thành mini pedalboard ngay trong amp. Điều này khiến Katana trở thành lựa chọn phổ biến cho cả luyện tập và biểu diễn live.

Line 6 Catalyst

Line 6 Catalyst tuy ít hiệu ứng hơn Katana nhưng mang lại âm thanh rất sạch, hiện đại, chi tiết, phù hợp cho nhu cầu thu âm



Ngoài ra, Catalyst còn có thể được sử dụng như một dạng Cabinet độc lập để kết hợp với các dạng amp modeler khác như Line 6 Helix, HX Stomp,...

Head Amp vs Cabinet

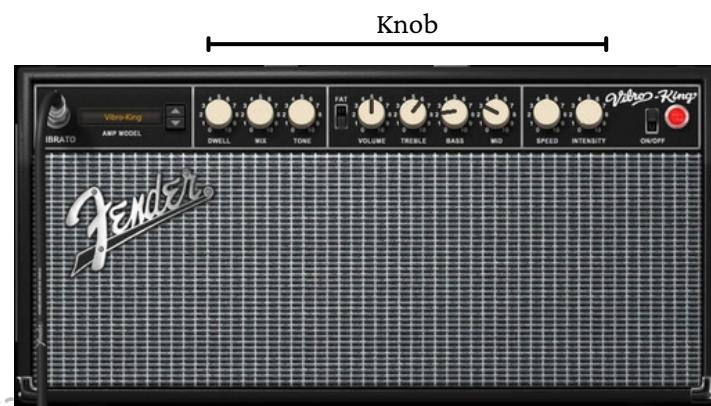
Ngoài các mẫu tube amp, digital amp... Combo Head amp và Cabinet là một lựa chọn phổ biến ở các sân khấu biểu diễn lớn một phần vì vẻ ngoài "hầm hố", đồng thời cũng mang lại tín hiệu đầu ra chi tiết, sắc nét và ổn định, có nhiều sự lựa chọn giữa head và cabinet - cho ra rất nhiều dạng âm thanh theo sở thích của người chơi.



- Head (Bộ khuếch đại):** Head là bộ phận **xử lý âm thanh** (bao gồm các mạch khuếch đại, điều chỉnh âm sắc (EQ), và hiệu ứng) – đây được xem là "bộ não" của hệ thống. Head không có loa, vì vậy nó chỉ đóng vai trò tạo ra **âm sắc** và cần được kết nối với một thiết bị để phát âm – chính là cabinet.
- Cabinet (Hệ thống loa):** Cabinet là bộ phận **nhận tín hiệu từ head và phát ra âm thanh thực tế**. Cabinet có thể chứa một hoặc nhiều loa với các kích cỡ khác nhau (thông dụng nhất là 1x12, 2x12 hoặc 4x12 inch), và thiết kế của nó ảnh hưởng đáng kể đến âm thanh đầu ra như độ trầm, độ vang, và độ phủ âm.

Knob (núm vặn):

Trên các mẫu Guitar Amp, thường có các núm vặn (knob) giúp bạn điều chỉnh âm thanh theo ý muốn. Dưới đây là các núm vặn phổ biến nhất và chức năng của chúng:



- Volume

Điều chỉnh **âm lượng đầu ra (to - nhỏ)**

- Gain (Drive).

Điều chỉnh **độ khuếch đại của tín hiệu đầu vào**, từ đó tạo ra độ méo (distortion/overdrive) đặc trưng cho nhiều dòng nhạc như rock, metal.

Lưu ý: Nhiều gain có thể khiến âm thanh của bạn nghe đục, ôn. Đối với nhạc nhẹ, chúng ta nên sử dụng gain hướng 10 giờ đến 2 giờ và cẩn chỉnh volume vừa tai.

- EQ (Tone).

Gồm 3 nút:

	Bass	Middle	Treble
Chức năng	Điều chỉnh tần số thấp → dải tần thể hiện độ trầm ấm của âm thanh Guitar	Điều chỉnh tần số trung → dải tần thể hiện độ dày, mỏng của âm thanh Guitar.	Điều chỉnh tần số cao → Dải tần thể hiện độ sáng, sắc nét và rõ ràng của tiếng Guitar.
Ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> Nếu tăng Bass, âm thanh sẽ dày hơn, phù hợp khi đệm các dòng nhạc nặng như Hard Rock, Metal. Bass thấp cho tiếng sáng hơn, phù hợp với Funk, Soft Rock,... 	<ul style="list-style-type: none"> Mid cao: Hợp với blues, jazz, classic rock – âm "ấm", rõ tiếng. Mid thấp: Cho âm "rỗng" và "gắt" – dùng nhiều trong metal, shred (chạy ngón tốc độ cao). 	<ul style="list-style-type: none"> Treble cao: cho tiếng chói, "sáng", nổi bật trong bản mix, phù hợp khi solo. Treble thấp: Âm sẽ trầm và dịu, ít chói, phù hợp khi đánh ở vai trò đệm (Rhythm Guitar)
Lưu ý	Khi vặn Bass quá cao sẽ dẫn đến âm thanh bị ù.	Mục đích chính của guitar trong ban nhạc là cung cấp tần số trung → Nếu guitar bạn bị "chìm" khi chơi với trống và bass, hãy tăng Mid lên.	Nếu dùng pickup humbucker - chất âm đã dày săn, các bạn có thể tăng treble. Ngược lại, nếu dùng single-coil với chất tiếng sáng, treble chỉ cần vừa đủ.

(Lắng nghe sự khác biệt giữa âm thanh không có Bass, Bass cao và cân bằng → ...).

(Lắng nghe sự khác biệt giữa âm thanh không có Mid, Mid cao và cân bằng → ...).

(Lắng nghe sự khác biệt giữa âm thanh không có Treb, Treb cao và cân bằng → ...).

CÁC DẠNG ÂM THANH:

Guitar điện có khả năng tạo ra nhiều dạng âm thanh khác nhau nhờ vào sự kết hợp giữa pickup, hiệu ứng (effects) và amplifier. Dưới đây là các dạng sound cơ bản và phổ biến nhất:

1. Clean

Đặc trưng:

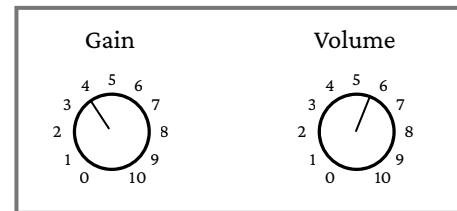
- Âm thanh trong trẻo, không bị méo hay bể tiếng, tín hiệu được giữ nguyên bản.
- Giàu dynamic: lực đánh tay ảnh hưởng rõ đến âm lượng & sắc thái.

Âm thanh Clean thể hiện rõ đặc trưng riêng của từng loại amp, pickup, và kỹ thuật tay phải → là nền tảng cho mọi style

Cách tạo ra âm thanh Clean :

A. Cài đặt amp

- Dùng ampli clean (Fender Twin Reverb, Roland JC-120)
- Giữ Gain thấp, Volume tăng vừa phải.



B. Pickup & Volume trên guitar

- Pickup single-coil (Strat, Tele) cho tiếng clean sáng, trong.
- Pickup humbucker (Les Paul) cho tiếng clean dày, ấm, mượt.
- Volume trên guitar để ở mức ~7–10.



2. Crunch

Crunch là dạng âm thanh có độ méo tiếng nhẹ, chưa đến mức bể tiếng như Overdrive/Distortion. Crunch được xem là giai đoạn chuyển tiếp giữa Clean và Overdrive/Distortion, mang lại cả độ rõ nét và độ gắt hấp dẫn.

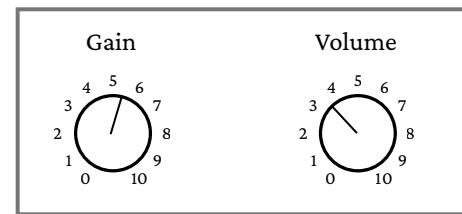
Đặc Trưng:

- Âm thanh hơi méo – không sạch hoàn toàn, nhưng cũng chưa “gắt”.
- Có độ sạn, khàn nhẹ khi đánh mạnh; vẫn giữ được độ rõ khi đánh hợp âm hoặc nốt đơn.
- Phản ứng tốt với lực đánh tay: đánh nhẹ ra clean hơn, đánh mạnh nghe gắt hơn.

Cách chỉnh tiếng Crunch:

A. Cài đặt amp

- Dùng tube amp (VD: Marshall Plexi, Vox AC30, Fender Bassman) với:
Gain ~5–7: Đủ để amp bắt đầu breakup (méo tự nhiên).
- Ampli modeling hoặc solid-state có kênh crunch riêng (Boss Katana, Line 6 Catalyst...).

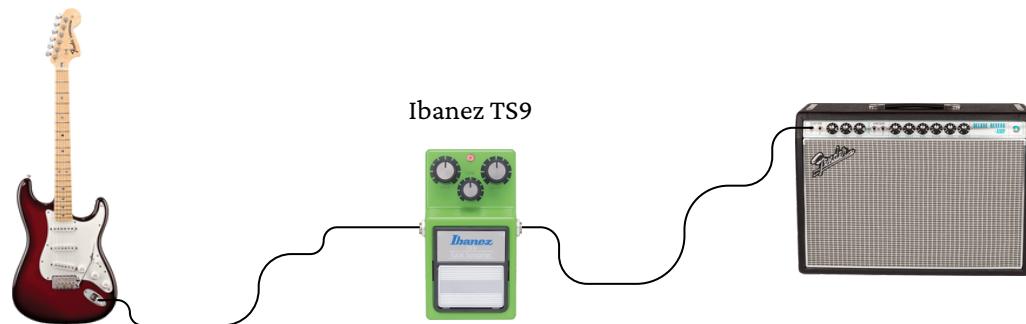


B. Dùng *pedal overdrive nhẹ (light OD).

(*Pedal là một thiết bị điện tử có tác dụng **thay đổi đặc tính của âm thanh**.

Mỗi pedal có một chức năng riêng: làm méo tiếng (Overdrive, Distortion), nén âm thanh (Compressor), thêm độ vang (Reverb), tạo tiếng lặp lại(Delay), v.v...)

- Kết hợp với Amp đang đặt ở chế độ clean hoặc breakup.
- Giữ gain thấp – mục tiêu không phải làm bể tiếng hoàn toàn, mà chỉ ở mức hơi “sạn” nhẹ.



Ibanez TS9 là một pedal overdrive được thiết kế để **đẩy nhẹ tube amp vào vùng breakup** tạo thành tiếng Crunch hoặc Overdrive

TS9 rất hiệu quả khi dùng với ampli clean (đặc biệt là Fender) hoặc được sử dụng như một boost pedal (khuyếch đại âm thanh clean lên một chút) trước các overdrive pedal khác. Đây là một trong những pedal overdrive được yêu thích nhất trong lịch sử guitar.

Gợi ý các dạng pedal khác có chức năng tương tự:

Xotic EP Booster



JHS Morning Glory



Boss SD-1



C. Pickup & Volume guitar khi chơi với Crunch

- Humbucker: tiếng dày, crunch nặng và đậm.
- Single-coil: crunch sáng, âm thanh “sựt sựt”.
- Volume knob của guitar giúp làm giảm hoặc tăng drive linh hoạt.

VD: Khi đang mở Pedal, bạn có thể đặt núm volume trên guitar ở mức tầm 6-7 để tạo ra tiếng Clean, còn khi để ở mức 9-10 thì âm thanh sẽ bị méo nhẹ tạo ra tiếng Crunch

3. Overdrive

Overdrive là dạng méo tiếng nhẹ đến vừa, mô phỏng lại âm thanh của tube amp khi bị đẩy đến ngưỡng bão hòa (breakup). Overdrive là phiên bản dày và mượt mà hơn Crunch, thường dùng để Solo hoặc Đệm (Rhythm) các bài hát nhiều năng lượng.

Đặc Trưng:

- Có độ nén và vỡ tự nhiên, tạo cảm giác mượt mà, tròn tiếng
- Âm thanh ấm và dày, thiên về dải tần trung (Mid)
- Lý tưởng cho Solo với âm thanh nịnh tai hơn so với âm thanh gắt, thô, "sạn" của Crunch

Cách chỉnh âm thanh Overdrive :

Cách 1: Amp overdrive tự nhiên

Dùng Tube Amp và vặn Volume/Gain lên cao đến mức Amp bắt đầu “vỡ tiếng” (breakup).

Amp sẽ nén tự nhiên, tạo ra âm thanh ấm áp, phản hồi lực tay tốt – đúng kiểu Overdrive cổ điển, đặc biệt ở các Amp như:

Fender Blues Junior



Vox AC15



Marshall Origin



*Lưu ý: Amp solid-state thường không tạo overdrive tự nhiên đẹp như tube amp.

Cách 2: Sử dụng Overdrive Pedal

Dùng Overdrive Pedal với Clean Amp - tương tự như Crunch nhưng cách chỉnh các thông số có sự thay đổi :

Fulltone OCD



- Gain/Drive: 10h–1h cho overdrive nhẹ
- Tone: Giữ ở 12h hoặc giảm treble nếu kết hợp với amp
- có màu sắc sáng
- Level/Volume: Nên để cao vừa đủ để boost amp

Ngoài Fulltone OCD, các bạn có thể sử dụng các Pedal tương tự như ở phần Crunch: **Ibanez TS9, Boss SD-1 hoặc JHS Morning Glory**. Tất cả đều có thể tạo ra dạng tiếng Overdrive với màu sắc khác nhau, hãy thử từng dạng pedal một để tìm ra được âm thanh yêu thích.

4. Distortion

Distortion là hiệu ứng **biến dạng mạnh mẽ tín hiệu âm thanh** bằng cách đẩy tín hiệu vượt quá ngưỡng cho phép của Amp hoặc Pedal, tạo nên âm thanh “vỡ tiếng”, **dày, gắt và đầy năng lượng**.

Khác với Crunch/Overdrive với mức độ méo nhẹ, vẫn còn giữ được độ rõ tiếng (Gain: 20-60%). Tiếng Distortion có độ biến dạng mạnh với âm thanh gần như **nát hoàn toàn** (Gain: 80-100%)

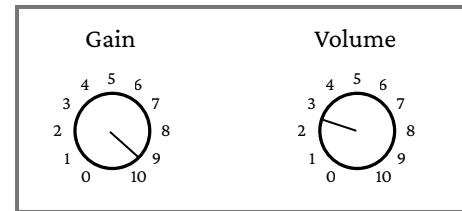
Đặc Trưng:

- Âm **dày, đậm và nặng**, tạo ra cảm giác **mạnh mẽ và uy lực**.
- Độ nén (compressed) cao: tạo tiếng **mạnh, đều, ổn định**, nhưng mất đi độ rõ ràng của âm thanh và độ nhạy với lực đánh.
- Đặc biệt hữu ích trong solo: các nốt “ngân dài” hoặc kỹ thuật như bend, vibrato trở nên rõ và nổi bật hơn với độ Sustain cao
- Dễ gây hú (feedback) nếu volume quá lớn. Tuy nhiên, khi kiểm soát tốt, distortion là công cụ biểu cảm cực kỳ mạnh mẽ.

Cách tạo ra Distortion Sound

Cách 1: Sử dụng Amp

- Dùng các ampli có kênh “gain” hoặc “lead” như: Marshall JCM900, Peavey 6505, Mesa/Boogie Dual Rectifier...
- Để gain/drive trên amp ở mức cao (7-10) đến khi cảm thấy âm thanh bị “xé” hoàn toàn



Marshall JCM900



Peavey 6505



Mesa/Boogie Dual Rectifier



Cách 2: Sử dụng Distortion Pedal

Đặt Pedal trước Ampli ở chế độ Clean hoặc Boost nhẹ trước Ampli đang được set nhiều Gain.



Một số pedal distortion nổi tiếng:

Pro Co RAT



MXR Distortion+:



Electro-Harmonix Metal Muff



Gợi ý:

- Các dáng đàn sử dụng pickup Humbucker thường là lựa chọn tối ưu để tạo ra tiếng Distortion nhờ đặc trưng **giảm nhiễu** (hum cancelling), cho **tín hiệu mạnh** với âm thanh **dày, tròn, ít chói**.
- Pickup bridge luôn là lựa chọn chính để chơi distortion – vì âm chặt, rõ, ít bass. Nếu dùng single-coil, nên dùng thêm Noise Gate để giảm hú.

(Lắng nghe sự khác biệt giữa Clean, Crunch, OD và Dist → ...).

REVERB

Reverb là hiệu ứng mô phỏng độ vang của âm thanh khi nó dội lại từ các bề mặt xung quanh trong một không gian vật lý như phòng thu, nhà thờ, hội trường, hang động, v.v. Trên guitar điện, Reverb giúp tiếng đàn trở nên sống động, sâu lắng và tự nhiên hơn, tạo cảm giác người chơi đang biểu diễn trong một không gian thực.

Các dạng Reverb:

Room Reverb

Room Reverb là loại reverb mô phỏng âm thanh như khi chơi đàn trong một **căn phòng nhỏ**, tạo ra hiệu ứng vang nhẹ và tự nhiên.

Đặc điểm:

- Hiệu ứng reverb **ngắn và nhẹ** → tạo cảm giác gần gũi và chân thực khiến tiếng đàn không bị quá khô nhưng cũng không tác động quá nhiều tới chất âm.

Ứng dụng:

- Phù hợp để chơi rhythm vì dạng Reverb này không tác động quá nhiều tới tiếng đàn.
- Bạn có thể sử dụng room reverb trong mọi thể loại từ nhạc pop, jazz đến rock, metal,... để tạo ra âm thanh tự nhiên, ấm áp

Nhược điểm:

- Không tạo cảm giác "hoành tráng" hay rộng rãi, chỉ mô phỏng không gian nhỏ → có thể làm âm thanh quá "khô" nếu dùng không đúng cách
- Không sử dụng khi bạn cần tạo cảm giác không gian rộng lớn, dày dặn.

Các mẫu Room Reverb Pedal:

Room reverb thường được tích hợp sẵn trong hầu hết các mẫu *multi-mode reverb như:

Strymon BigSky



MXR M300 Reverb



Boss RV-6



*Multi Mode Reverb là dạng Reverb Pedal có nhiều chế độ Reverb khác nhau như Hall, Room, Plate, Spring, Shimmer... cho phép người chơi linh hoạt chọn kiểu không gian âm thanh phù hợp.

Spring Reverb

Spring Reverb là loại reverb cổ điển, có thể nói là một trong những kiểu reverb đầu tiên được tái tạo và ứng dụng trong âm nhạc, spring reverb ban đầu thường được tìm thấy trong các mẫu tube amp (diễn hình là của Fender).

Đặc điểm:

- Spring reverb thuộc nhóm reverb **không tái tạo không gian vật lý** bởi nó được tạo ra từ rung động của lò xo, vậy nên hiệu ứng sẽ không quá rộng và sâu.
- Cơ chế của spring reverb là sử dụng lò xo để tạo ra hiệu ứng vang, vậy nên tiếng đàn đi qua spring reverb sẽ vang và có sự rung động đặc trưng như khi những chiếc lò xo chuyển động.

Ứng dụng:

- Spring reverb tạo cảm giác vintage, đặc biệt phù hợp với những dòng nhạc như surf rock, blues và country.

Nhược điểm:

- Không thật sự phù hợp với mọi thể loại nhạc. Tránh sử dụng khi cần âm thanh trong trẻo, mềm mại trong các thể loại như pop, high-gain solo.
- Nếu dùng quá nhiều, có thể khiến âm thanh bị cảm giác lộn xộn.

Các mẫu Spring Reverb Pedal:

Source Audio True Spring



Drip Spring Reverb



Mini Faux Spring Reverb



Plate Reverb

Plate Reverb mô phỏng hiệu ứng vang từ một **tấm kim loại** lớn, tạo ra chất âm mượt mà và có độ “tỏa” nhất định.

Đặc điểm:

- Plate reverb cũng giống spring reverb ở điểm nó **không có cảm giác về không gian vật lý** như hall hay room reverb - tức nó không tái tạo tiếng đàn khi chơi trong một không gian nào. Nhưng bù lại plate reverb cho hồi âm mượt mà, dày và giàu âm sắc.

Ứng dụng:

- Làm dày âm sắc, tạo cảm giác đầy đặn hơn cho tiếng guitar, có thể dùng trong rhythm và solo từ clean đến high gain.

Nhược điểm:

- Không tạo cảm giác về không gian vật lý, chỉ làm dày và mượt âm thanh.
- Nếu dùng sai, có thể làm âm thanh bị mất sự rõ nét.

Các mẫu Plate Reverb Pedal:

UAFX Heavenly Plate Reverb



GFI System Skylar



Electro-Harmonix Holy Grail

Hall Reverb

Hall Reverb mô phỏng âm vang của một **hội trường (concert hall)** – không gian lớn với nhiều bể phản xạ, tạo ra hiệu ứng vang rộng lớn và hùng vĩ.

Đặc điểm

- Âm vang dài và mượt mà với cảm giác không gian sâu rộng.
- Hiệu ứng reverb không quá sắc nét mà hòa quyện mượt mà vào nhau.
- Tự nhiên và chân thực (vì nó mô phỏng không gian thực tế).

Ứng dụng:

- Tạo ra những đoạn nhạc “điện ảnh” và đầy cảm xúc, đặc biệt khi chơi lead hoặc solo. Được sử dụng trong nhiều dòng nhạc như pop, ballad hay progressive rock.

Nhược điểm:

- Reverb dài, dễ làm âm thanh bị “đục”, mất đi độ rõ ràng
- Không phù hợp với nhạc nhanh hoặc phức tạp vì hiệu ứng kéo dài có thể làm rối bản mix
- Không nên dùng khi cần âm thanh rõ ràng, punchy (ví dụ: rock, hip-hop,)

Các mẫu Hall Reverb Pedal:

JHS 3 Series Hall Reverb



TC Hall Of Fame 2



Electro-Harmonix Oceans 11



***Các Thông Số Cơ Bản Của Reverb**

- Decay / Time: Thời gian âm thanh kéo dài sau phản xạ (dài = vang lâu)
- Mix / Level: Tỉ lệ giữa tín hiệu gốc và tín hiệu vang
- Pre-delay: Khoảng thời gian trễ trước khi reverb bắt đầu
- Tone / Damp: Điều chỉnh độ sáng/tối của phần vang

MODULATION

Modulation là các hiệu ứng có khả năng **thay đổi đặc tính của tín hiệu guitar**.

Có 2 đặc tính cơ bản mà modulation thường tác động vào đó là **pitch** (cao độ) và **volume** (âm lượng) – tạo ra những cảm giác chuyển động, xoay tròn hay rung động độc đáo cho tiếng đàn.

Các hiệu ứng modulation phổ biến bao gồm:

Chorus:

Tạo cảm giác như nhiều cây đàn đang chơi cùng lúc bằng cách **làm trễ và lệch cao độ tín hiệu gốc**, cho âm thanh dày và rộng hơn.

Boss CE-2w



Electro Harmonix Bass Clone



TC Electronic Chorus



Flanger và Phaser:

Tạo hiệu ứng “quét” hoặc “xoáy” đặc trưng bằng cách trộn tín hiệu gốc với tín hiệu đã được xử lý, rồi cho dao động lặp đi lặp lại, tạo cảm giác âm thanh đang chuyển động.

Supro Flanger



MXR Phase 90



Keeley BubbleTron



Tremolo và Vibrato:

Tremolo làm dao động âm lượng, còn Vibrato làm dao động cao độ của âm thanh, hai hiệu ứng này thường xuyên bị nhầm lẫn do hiệu ứng của chúng mang lại gần giống nhau.

JHS 3 Harmonic Tremolo



TC Electronic Shaker



Carl Martin TremO'vibe



→ Nhóm hiệu ứng modulation giúp mở rộng khả năng biểu cảm, tạo nên những âm thanh đặc trưng cho các thể loại như psychedelic rock, funk hay ambient.

DELAY

Delay hoạt động bằng cách **tạo ra bản sao của âm thanh gốc và lặp lại nó theo thời gian**, tạo ra âm vang giống như tiếng vọng hoặc tiếng lặp.

Delay có nhiều ứng dụng khác nhau, từ việc tạo chiều sâu cho giai điệu clean, làm dày tiếng lead, đến tạo hiệu ứng không gian rộng trong các đoạn ambient. Các loại delay phổ biến bao gồm:

Analog Delay

- Cơ chế hoạt động: Sử dụng mạch BBD (Bucket-Brigade Device) để xử lý tín hiệu.
- Đặc điểm âm thanh:
 - Âm lặp lại ấm, mềm và mờ dần tự nhiên.
 - Mỗi lần lặp lại sẽ mất đi một chút độ sáng, tạo cảm giác "vintage" và dễ chịu.
- Ưu điểm: Âm thanh giàu cảm xúc, không bị chói, rất phù hợp cho những bản solo blues, jazz hoặc rock cổ điển.
- Hạn chế: Ít linh hoạt hơn, thời gian trễ ngắn hơn (thường < 600ms), và âm bị suy hao sau mỗi lần lặp.

Các mẫu Analog Delay Pedal:

MXR Carbon Copy



Boss DM-2w



Electro-Harmonix Memory Man



Digital Delay:

- Cơ chế hoạt động: Sử dụng công nghệ kỹ thuật số để tái tạo âm thanh.
- Đặc điểm âm thanh:
 - Âm thanh rõ nét, trung thực như bản gốc.
 - Có thể điều chỉnh rất chính xác về thời gian, số lần lặp và cường độ.
- Ưu điểm: Linh hoạt, phù hợp cho mọi thể loại nhạc, từ rock đến ambient. Dễ lập trình và tích hợp với các hiệu ứng khác.
- Hạn chế: Một số người cảm thấy âm quá "sạch", thiếu tính chất analog hoặc cảm xúc tự nhiên.

Các mẫu Digital Delay Pedal:

Boss DD-8



Strymon DIG



TC Flashback 2

Tape Delay

- Cơ chế hoạt động: Sử dụng băng từ tính (tape) để ghi và phát lại tín hiệu âm thanh với độ trễ. Đây là một trong những công nghệ delay đầu tiên được sử dụng trong âm thanh.
- Đặc điểm âm thanh:
 - Âm thanh ấm, lo-fi, mờ nhẹ, có thể có độ lệch cao độ nhỏ rất đặc trưng.
 - Âm lặp lại không đồng nhất, tạo cảm giác "con người" và cổ điển.
- Ưu điểm: Rất được yêu thích trong các thể loại retro như surf rock, psych rock, blues. Âm thanh có chiều sâu và cá tính.

Các mẫu Tape Delay Pedal:

Strymon El Capistan



Jim Dunlop Echoplex



Boss Space Echo RE-202



MFX PROCESSOR

MFX processor (bộ xử lý đa hiệu ứng) là một thiết bị tích hợp nhiều hiệu ứng đã học như distortion, delay, reverb, chorus,... vào trong một thiết bị duy nhất.

Một số MFX còn có chức năng mô phỏng Amp, Cab, Micro và không gian phòng thu, giúp người chơi dễ dàng tạo nên âm thanh chuyên nghiệp mà không cần mang theo quá nhiều thiết bị.

Đây là giải pháp hiện đại, gọn nhẹ và phù hợp cho cả việc tập luyện, thu âm lẫn biểu diễn sân khấu.

Một số mẫu MFX Processor nổi tiếng:

Line 6 Helix



Fractal FM9



Boss GT100



Hotone Ampero II MP-350



→ Khi chơi guitar điện, việc hiểu rõ các thiết bị và hiệu ứng sẽ giúp bạn kiểm soát âm thanh tốt hơn và phát triển cá tính âm nhạc riêng. Trước tiên, amply (amplifier) là thiết bị khuếch đại tín hiệu từ guitar, gồm hai phần chính: preamp (xử lý âm sắc, gain) và power amp (khuếch đại công suất để đẩy ra loa). Amp có thể ở dạng combo (liền loa) hoặc tách rời thành head và cabinet (thùng loa), cho phép linh hoạt trong việc thay đổi thiết bị. Bên cạnh amply, các hiệu ứng cơ bản cũng rất quan trọng. Reverb (tiếng vang) tạo cảm giác không gian, giúp âm thanh trở nên sâu và sống động hơn. Delay là hiệu ứng lặp lại âm thanh sau một khoảng thời gian, từ đó tạo chiều rộng và độ dày cho bản nhạc. Trong khi đó, modulation là nhóm hiệu ứng làm thay đổi đặc tính âm thanh theo chu kỳ như chorus, flanger, hay phaser, mang đến cảm giác chuyển động hoặc hòa âm phong phú.

Đừng quá vội vàng sử dụng quá nhiều hiệu ứng cùng lúc. Hãy bắt đầu bằng một amp chất lượng, làm quen với reverb nhẹ nhàng, rồi từ từ khám phá delay và modulation khi bạn đã kiểm soát kỹ thuật chơi. Hiểu âm thanh bạn muốn tạo ra là bước đầu tiên để biến cây đàn thành tiếng nói của chính mình.

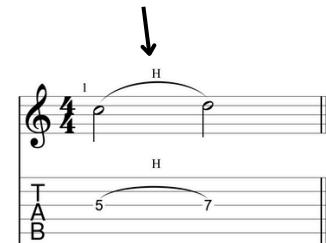
CHƯƠNG V: HAMMER ON/PULL OFF - SLIDE

Hammer-on là kĩ thuật dùng ngón tay trái (tay bấm phím) bấm mạnh xuống phím đàn để phát ra âm thanh mới mà không cần gảy lại dây bằng tay phải.

Hammer On được thực hiện theo từng bước sau:

- Đánh nốt bằng tay phải kết hợp với bấm ngón tay trỏ trái vào phím đàn trên cần đàn. (VD: ngón 5)
- Ngay sau khi nốt đầu tiên vang lên, ngón áp út tay trái bấm **mạnh xuống một phím cao hơn trên cùng một dây** - (VD: ngón 7)

Kí hiệu Hammer On trên bản nhạc:



(Video chi tiết → ...)

* Lưu ý:

- Khi thực hiện Hammer On, lực ấn phải đủ mạnh để dây rung và phát ra âm thanh rõ ràng, nhưng cũng cần kiểm soát để không bị chạm vào các dây khác gây ra tiếng ồn không mong muốn.
- Ngoài ra, ngón tay ấn xuống phải được đặt dứt khoát và đúng vị trí ngay sau phím đàn (fret) để tạo ra âm thanh trong trẻo và chính xác về cao độ.

Bài tập:

Sử dụng tiếng Crunch hoặc OD

Bài tập 5.1:

♩ = 60

Bài tập 5.2:

$\text{♩} = 60$

Pull Off:

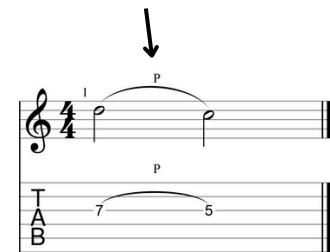
Pull Off ngược lại với Hammer On, âm thanh được tạo ra bằng cách **kéo ngón tay đang bấm khỏi dây đàn** một cách có kiểm soát, cho phép dây tiếp tục rung với nốt thấp hơn đã được bấm sẵn.

Các bước thực hiện kỹ thuật Pull Off:

- Bấm hai ngón trên cùng một dây: một ngón giữ nốt cao hơn (ngân 7) và một ngón giữ nốt thấp hơn (ngân 5).
- Đánh dây để tạo ra âm thanh của nốt cao hơn (ngân 7). Khi âm này vang lên, hãy dùng ngón tay đang giữ nốt cao hơn **kéo nhẹ dây về phía dưới**, đồng thời nhấc ngón tay đó ra khỏi dây.
- Hành động kéo này tạo thêm lực khiến dây tiếp tục rung, và âm thanh của nốt thấp hơn (ngân 5) sẽ vang lên rõ ràng mà không cần gảy thêm.

(Video chi tiết → ...)

Kí hiệu Pull Off trên bản nhạc:



* Lưu ý:

- Tập chậm, rõ ràng từng nốt và dùng lực nhấc ngón tay một cách có kiểm soát.
- Giữ ngón tay phía dưới (nốt thấp hơn) sẵn sàng bấm đúng vị trí, để đảm bảo âm sau vang rõ và không bị tịt.
- Tránh làm cho dây bị trượt quá mức dẫn đến lạc tông hoặc chạm vào các dây khác gây ra tiếng ồn.

Bài tập:

Sử dụng tiếng Crunch hoặc OD

Bài tập 5.3:

$\downarrow = 60$

Bài tập 5.4:

$\downarrow = 60$

Slide

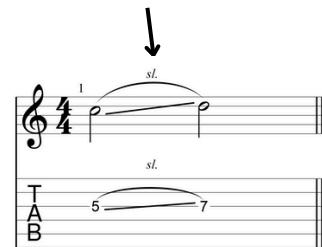
Kỹ thuật Slide tạo nên âm thanh mượt mà, trôi chảy giữa các nốt nhạc bằng cách **trượt ngón tay** dọc theo dây đàn mà không nhấc ngón ra khỏi phím. Việc giữ nguyên âm lượng trong khi trượt (slide) giúp kết nối các nốt với nhau một cách tự nhiên. Cùng với pull-off hammer-on, sử dụng slide là một phần quan trọng giúp tiếng đàn của bạn trở nên cảm xúc hơn.

Cách thực hiện kỹ thuật Slide:

- Chọn hai nốt trên cùng một dây (ngân 5, ngân 7)
- Gảy dây để phát ra âm thanh của ngân đầu tiên (ngân 5), sau đó, trượt ngón tay đến phím thứ hai (ngân 7) mà không nhấc ngón ra khỏi dây hoặc cần đàn.
- Khi đến đúng vị trí đích, giữ yên ngón tay để âm thanh vang trọn vẹn.

(Video chi tiết → ...)

Kí hiệu Slide trên bản nhạc:



Các bạn có thể trượt (slide) hướng lên hoặc hướng ngược lại được ký hiệu bằng gạch ngang hướng lên hoặc hướng xuống giữa các nốt nhạc (xem chi tiết ở bài tập 5.5)

* Lưu ý:

- Lực nhấn cần vừa đủ: nếu nhấn quá nhẹ, tiếng sẽ yếu hoặc bị rè; nếu quá mạnh, dây dễ bị chạm vào phím làm méo tiếng.
- Trượt đúng theo đường thẳng, không xoắn cổ tay hoặc nghiêng ngón để tránh trượt lệch hoặc gây ra tiếng ồn không mong muốn.
- Duy trì áp lực ổn định trong suốt quá trình slide để âm thanh mượt mà.

Bài tập:

Sound: Crunch hoặc OD

Bài tập 5.5:

$\text{♩} = 80$

Xem video để thực hiện các bài tập đúng thứ tự xếp ngón đổi với tay trái.

Bài tập 5.6:

 $\text{♩} = 60$

Sheet music for Exercise 5.6. The top staff (treble clef) has a 4/4 time signature. The bottom staff (bass clef) also has a 4/4 time signature. Both staves use slurs (sl.) above the notes. Fingerings are indicated below the notes on both staves.

Bài tập 5.7:

 $\text{♩} = 60$

Sheet music for Exercise 5.7. The top staff (treble clef) has a 4/4 time signature. The bottom staff (bass clef) also has a 4/4 time signature. Both staves use slurs (sl.) above the notes. Fingerings are indicated below the notes on both staves.

Pentatonic Slide Licks

Pentatonic Slide lick 1:

 $\text{♩} = 120$

Sheet music for Pentatonic Slide lick 1. The top staff (treble clef) has a 4/4 time signature. The bottom staff (bass clef) also has a 4/4 time signature. Both staves use slurs (sl.) above the notes. Fingerings are indicated below the notes on both staves.

Pentatonic Slide lick 2

$\omega = 120$

The image shows a musical score for guitar. The top staff is a melodic line in treble clef, 4/4 time, with various slurs and grace notes. The bottom staff is a harmonic bass line in bass clef, also in 4/4 time, with a T-A-B tablature below it. The bass line consists of eighth-note patterns.

Pentatonic Slide lick 3:

$\omega = 120$

Lưu ý: Trường hợp nốt móc đơn nhỏ đứng trước nốt D (ngắn 10), chúng ta chủ động thực hiện kỹ thuật slide “nhanh” để đảm bảo nốt D vang lên đúng nhịp.

Bài tập kết hợp Hammer On, Pull Off (Legato)

Sử dụng tiếng Crunch hoặc OD

Bài tập 5.8:

$\downarrow = 60$

1 P H H H H P P P P 2 P H H H H P P P P 3 P H H H H P P P P 4 P H H H H P P P P

P H H H H P P P P P H H H H P P P P P H H H H P P P P

T
A
B 6 5 6 7 8 7 6 5 6 5 6 7 8 7 6 5 6 5 6 7 8 7 6 5 6 5 6 7 8 7 6 5

5 P H H H H P P P P 6 P H H H H P P P P 7 P H H H H P P P P 8 P H H H H P P P P

P H H H H P P P P P H H H H P P P P P H H H H P P P P

T
A
B 6 5 6 7 8 7 6 5 6 5 6 7 8 7 6 5 6 5 6 7 8 7 6 5 6 5 6 7 8 7 6 5

Bài tập 5.9:

$\downarrow = 60$

Bài tập 5.10:

$\downarrow = 60$

Sử dụng tiếng Crunch hoặc OD

Rock Lick 1

$\downarrow = 120$

Rock Lick 2

$\text{♩} = 120$

1 P H P H 2 P H P H 3 P 4 -

T A B 7 5 7 10 7 10 P (7) 5 7 5 8 (8) 5

Rock Lick 3

$\text{♩} = 120$

1 sl. H 2 P 3 sl. H P 4 -

T A B 7 9 8 10 9 9 8 10 8 10 12 10 8 10 5 5 8 5 7 5

Rock Lick 4

$\text{♩} = 115$

1 P P 2 P P 3 P H 4 H sl. P H

T A B 8 5 8 5 7 5 8 5 7 5 7 5 (5) 7 5 7 5 8 10 8 10 10

Rock Lick 5

$\text{♩} = 120$

1 P P 2 P P 3 P 4 P

T A B 5 3 5 8 5 8 10 8 10 10 8 9 7 5 9 8 10 10 8 10

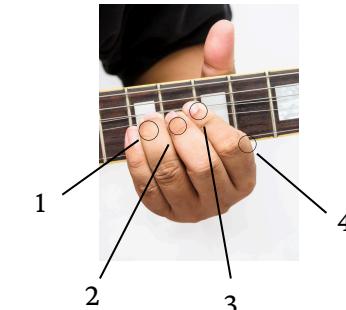
CHƯƠNG VI: BENDING - VIBRATO

Bending

Bending được thực hiện bằng cách **kéo hoặc đẩy dây đàn lên hoặc xuống** sau khi đã bấm vào một phím nhất định, nhằm thay đổi **cao độ của nốt đang được chơi**.

Form tay để thực hiện kỹ thuật Bending:

1. Ngón áp út được sử dụng để bấm nốt cần bend.
2. Đặt ngón giữa ngay ngón trước đó để trợ lực.
3. Ngón trỏ được đặt thả lỏng với nhiệm vụ kiểm soát các dây trên không phát ra tạp âm và luôn nằm gọn gàng dưới phần thịt của 2 ngón còn lại.
4. Ngoài ra, ngón trỏ sẽ được đặt hơi nghiêng để phần cạnh ngón chạm vào bên dưới cần đàn, tạo thành một điểm cố định để xoay cổ tay khi thực hiện bend.



Bending được vận hành theo nguyên lý: Sử dụng **lực xoay từ cổ tay** để đẩy dây thay vì lực từ các ngón tay.

Các bước thực hiện kỹ thuật Bending:

- Xác định vị trí bấm và cố định thế tay

Chọn một nốt trên dây đàn (VD: nốt D - ngón 7 dây 3). Xếp ngón như form tay ở hình minh họa.

- Đánh và xoay cổ tay - rung dây:

Sau khi đánh nốt, dùng lực xoay cổ tay để đẩy dây lên phía trên. Mục tiêu là làm cho cao độ của dây tăng lên đúng một cung. (D → E)

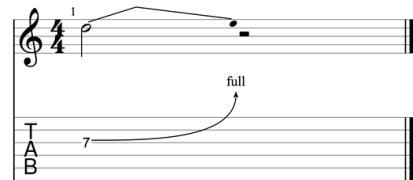
- Giữ và kiểm soát cao độ:

Khi đạt đến độ cao mong muốn, giữ dây ở vị trí đó. Chú ý lắng nghe âm thanh để biết nốt được bend đã lên đúng cao độ hay chưa.

- Thả dây (tùy chọn):

Bạn có thể thả dây trở lại vị trí ban đầu để tạo hiệu ứng "bend & release" – một kỹ thuật rất phổ biến trong solo guitar.

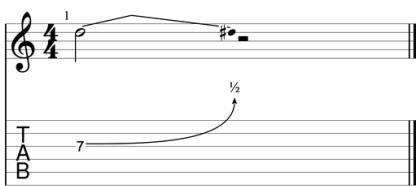
Kí hiệu Bend 1 cung trên bản nhạc:



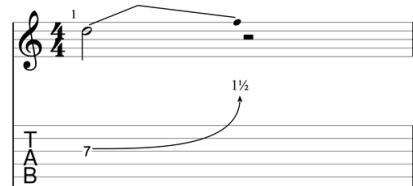
(Xem video trong file tài liệu)

Các loại Bend khác:

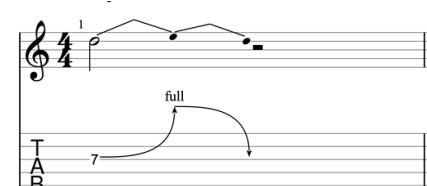
Bend 1/2 cung



Bend 1 cung rưỡi



Bend + Release



* Lưu ý:

- Ngắt tiếng của nốt trước khi thả dây (trừ trường hợp Bend & Release).
- Ngón cái có thể giữ nhẹ phần trên của cần đàn để cố định thế tay khi thực hiện kỹ thuật bend.
- Kỹ thuật này mất nhiều thời gian để cảm nhận được độ chính xác của cao độ khi bend, hãy kiên trì, cảm nhận bằng đôi tai đối với kỹ thuật này.

Bài Tập:

- Trong bài tập 1, ô nhịp số 1 và 2 có các nốt B và C lần lượt được đánh trước khi thực hiện kỹ thuật bend với mục đích để nghe trước cao độ của nốt C khi bend từ B lên C.
- Cách tập này được áp dụng xuyên suốt các bài tập kỹ thuật bend.

Sound: Crunch hoặc OD

Bài tập 6.1 : Bend ½ cung

$\text{♩} = 80$

The notation includes two staves. The top staff is in treble clef and 4/4 time, showing a B major scale pattern (T-A-B) with bends from 7 to 8 and 5 to 6. The bottom staff is in bass clef and 4/4 time, also showing a B major scale pattern (T-A-B) with bends from 4 to 5. Both staves include fingerings and bend markings.

Bài tập 6.2 : Bend 1 cung

$\text{♩} = 80$

The notation includes two staves. The top staff is in treble clef and 4/4 time, showing a B major scale pattern (T-A-B) with bends from 8 to 10 and 8 to 10. The bottom staff is in bass clef and 4/4 time, also showing a B major scale pattern (T-A-B) with a bend from 7 to 9. Both staves include fingerings and bend markings.

Shape 1 Pentatonic + Bending

Bài tập 6.3:

$\downarrow = 80$

Bài tập 6.4:

$\downarrow = 80$

Bài tập 6.5:

$\downarrow = 80$

Shape 2 Pentatonic + Bending

Bài tập 6.6:

$\text{♩} = 80$

Bài tập 6.7:

$\text{♩} = 80$

Bài tập 6.8:

$\text{♩} = 80$

Vibrato

Vibrato là kỹ thuật được sử dụng để tạo độ “rung” - giúp âm thanh trở nên sống động, tình cảm và biểu cảm hơn.

Các bạn có thể hình dung Vibrato như một dạng Bending nhưng thao tác ngắn, nhanh và liên tục.

Cách thực hiện Vibrato:

- Chuẩn bị Form tay:

Chọn nốt bạn muốn chơi (nốt D: ngắn 7, dây 3), bấm dây theo **form tay giống với bending**.

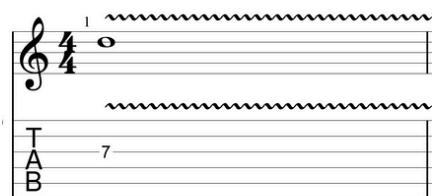
- Rung dây

Đánh nốt → xoay lắc cổ tay → **đẩy nhẹ dây đàn lên và xuống liên tục**, giống như một dạng bending nhỏ và nhanh.

(Video chi tiết → ...)

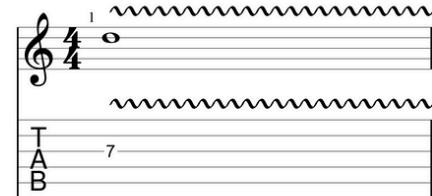
Có 2 loại Vibrato: Slight Vibrato & Wide Vibrato

Slight Vibrato



Slight Vibrato với biên độ rung nhẹ, tạo ra âm thanh gọn gàng, tinh tế.

Wide Vibrato



Wide Vibrato tạo ra âm thanh mạnh mẽ với biên độ rộng đi kèm với tốc độ rung nhanh.

(Video chi tiết → ...)

* Lưu ý:

→ Tương tự như Bending, tránh dùng ngón tay để di chuyển dây đàn. Cách tốt nhất là dùng cạnh ngón trỏ làm điểm xoay để **lắc cổ tay**.

→ Do tính chất rung mạnh nên Wide Vibrato thường thích hợp để sử dụng trong các thể loại như Rock, Metal,... Không nên lạm dụng kĩ thuật này quá nhiều.

→ Luôn kết thúc ở điểm bắt đầu rung, tránh để mất kiểm soát cao độ dẫn tới nốt bị chênh phô.

Neo Soul Lick 1

$\text{♩} = 75$

T
A
B

5 7 7 5 (5) 7 9 8 10 8 6 7 (7) 8 8 8 9 10 (10) 10 8 8 9 8

T (8)
A
B

Neo Soul Lick 2

$\text{♩} = 75$

s.guit.

H 8 10 9 8 9 10 (10) 8 10 10 8 10 10 8 7 9 8 9 7 5 (5) 7 5

Cmaj7
T (7)
A
B

Neo Soul Lick 3

• = 75

Neo Soul Lick 4

$\downarrow = 75$

The image shows a musical score and its corresponding tablature for a guitar. The score is in 4/4 time with a key signature of one sharp. It features five staves of music with various slurs, grace notes, and dynamic markings like 'sl.', 'p', and 'P'. Below the score is a tablature staff with six horizontal lines representing the strings. The tablature includes numerical values indicating fingerings and specific note positions. The first measure starts with a grace note (1) followed by a main note (2). The second measure begins with a grace note (2) followed by a main note (3). The third measure starts with a grace note (3) followed by a main note (4). The fourth measure starts with a grace note (4) followed by a main note (5). The fifth measure starts with a grace note (5) followed by a main note (6). The sixth measure starts with a grace note (6) followed by a main note (7). The seventh measure starts with a grace note (7) followed by a main note (8). The eighth measure starts with a grace note (8) followed by a main note (9). The ninth measure starts with a grace note (9) followed by a main note (10). The tenth measure starts with a grace note (10) followed by a main note (11).

Neo Soul Lick 5

J = 75

The image shows a musical score for a solo instrument, possibly a trumpet or flute, in 4/4 time. The music consists of five measures, numbered 1 through 5. Measure 1 starts with a dotted half note followed by a grace note and a quarter note. Measure 2 features a grace note, a eighth note, and a sixteenth-note pattern. Measure 3 includes a grace note, a sharp sign, and a eighth note. Measures 4 and 5 show eighth-note patterns with slurs. Below the staff, a transcription for a brass instrument (Trombone) is provided, showing fingerings (e.g., 7, 5, 4, 5, 7, 8) and valve positions (e.g., 8-8, 5, 7, 7-7, 5-4, 7-5) corresponding to the notes above. The transcription also includes dynamic markings like 'full' and slurs.

CHƯƠNG VII: ỨNG DỤNG

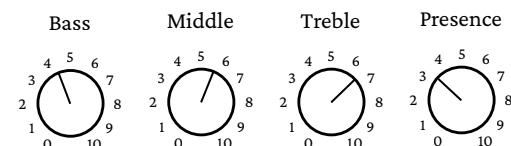
GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Lily Of The Valley

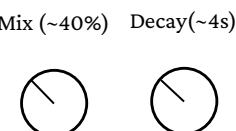
"Lily Of The Valley" - Daniel – Thể loại indie, ballad, với phần lead guitar trong sáng, vang rộng và ngân dài.

Gợi ý cách chọn tiếng:

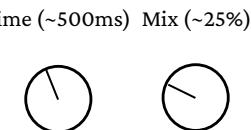
- Loại Amp: Fender Twin Reverb, Roland JC-120
 - Gain/Drive: Thấp (hướng 10-12h) — giữ tiếng sạch, không vỡ.
- EQ
 - Bass: 10-12h (tạo nét ấm nhưng không làm âm bị đục)
 - Mid: 12-13h (giúp giai điệu nổi bật giữa mix)
 - Treble: 13-14h (đảm bảo độ rõ và sáng cho các nốt lead)
 - Presence (nếu có): 10-11h (thêm một chút sống động ở tần cao)



- Reverb: Hall hoặc Plate
 - + Mix: 10-12h
 - + Decay: dài (~3-5s), tạo cảm giác không gian mở và ngân xa



- Delay: Digital hoặc Tape Delay
 - + Time: khoảng 450–550 ms
 - + Mix: 9-10h
- Sử dụng neck pickup để có tiếng ấm, tròn



Kỹ Thuật:

Trong bài này, câu giai điệu được phát triển quanh các nốt trong âm giai **C Major Scale Shape 2**. Các kỹ thuật như **Slide**, **Vibrato**, và **Bending** được sử dụng để tạo nên nhiều sắc thái khác nhau cho từng phân đoạn.

Lưu ý: Trong một số phân đoạn **bending 1/2 cung**, hãy lưu ý **chơi thật chậm để cảm nhận độ cao đúng của nốt đích**. Đây là kỹ thuật nhỏ nhưng rất dễ bị chơi sai nếu không kiểm soát tốt độ cao của nốt bend.

Lily of the Valley

Daniel

Sound: Clean

$\text{♩} = 62$

1 - - - - | 2 - - - - | 3 - - - - | 4 - - - - | 5 - - - - | 6 - - - - | 7 - - - - | 8 - - - - | 9 - - - - | 10 - - - - | 11 - - - - | 12 - - - - | 13 - - - - | 14 - - - - | 15 - - - - | 16 - - - - | 17 - - - - |

F sl. G C E7 F G
T A B 5 7 5 4 5 7 (7) 5 7 8 7 9
A (9) 5 7 5 4 5 7 (7) 5 5 7 5
B 5 7 5 4 5 7 (7) 5 8 7 8 7 9
A (5) 7 5 8 8 5
B 5 7 5 4 5 7 5 8 7 8 5

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Lần Cuối

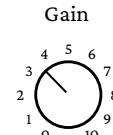
Để giúp các bạn hiểu hơn về cách sử dụng các kĩ thuật slide, pull-off, hammer-on, bending....., ở bài hát này mình sẽ chia làm hai cấp độ : “*Cơ Bản*” và “*Nâng Cao*” - cùng được xây dựng trên cùng một nền giai điệu nhưng khác nhau về mức độ kỹ thuật và độ phức tạp.

- Cấp độ “Cơ Bản”: được biên soạn **đơn giản, sử dụng ít kỹ thuật** – một vài đoạn sử dụng Slide nhẹ, Vibrato, Bending đơn giản. Mục tiêu của bài là giúp các bạn làm quen với việc xây dựng câu solo, giữ nhịp ổn định và cảm nhận giai điệu.
- Cấp độ “Nâng cao” với nhiều kỹ thuật nhằm mục đích **tăng độ diễn cảm và tạo nên sắc thái mạnh-nhẹ** cho từng đoạn. → Tăng sự liên kết giữa các nốt với nhau.

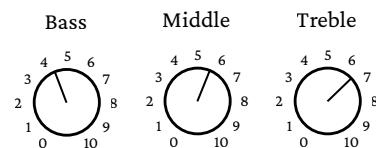
→ Cấp độ “Nâng Cao” không chỉ mở rộng kỹ thuật mà còn đòi hỏi sự kiểm soát tốt về độ chính xác, biểu cảm và cách xử lý sắc thái trong từng câu solo. Đây là bước tiến quan trọng giúp bạn phát triển kỹ năng và xây dựng phong cách cá nhân.

Gợi ý cách set Sound:

- Loại Amp: **Clean Amp** (ví dụ: Fender Twin Reverb, Roland JC-120,...)
- Gain/Drive: Thấp (hướng 10-12h), để âm thanh sạch hoàn toàn



- EQ:
 - Bass: 11–12h (vừa đủ ấm)
 - Mid: 12–13h (giúp giai điệu nổi bật hơn trong bản phối)
 - Treble: 13–14h (tăng độ sáng và rõ nét cho giai điệu)



- Reverb: Plate hoặc Hall, mix vừa (~20–40%) để tạo không gian vang nhẹ, tăng cảm xúc

Mix (~30%) Decay (~4s)



- Delay (nếu có): Delay nhẹ, time khoảng 400–500ms, mix khoảng 20% – giúp nốt ngân dài và tạo chiều sâu cho solo

Time (~500ms) Mix (~20%)



Lần Cuối

Sound: Clean

Ngöt

CẤP ĐÔ CƠ BẢN

• = 85

The musical score consists of two staves. The top staff is a standard five-line staff with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a time signature of 4/4. It features a melodic line with various note heads, stems, and slurs. The bottom staff is a tablature staff with six horizontal lines representing the strings of a guitar. It shows fingerings (1, 2, 3, 4) and includes a 'full' label with an arrow pointing to a specific note. Above the staffs, there are three chords indicated by letters: 'G' at the beginning, 'C' in the middle, and 'A7' towards the end. The tablature below shows the fret positions for each note: 5, 5, 5 for the first measure, (5) 6 8 6 5 for the second measure, (5) 5 7 for the third measure, and 7 for the final note.

Guitar tablature for the first section of the solo, starting with a Dm chord. The tab shows a sequence of chords: Dm, Fm, Em, and Am. The Fm chord includes a grace note (6) and a slur (sl.). The Em chord includes a grace note (7). The Am chord includes a grace note (8). The Am chord ends with a 'full' bend indicated by a curved arrow.

Dm Fm Em Am

5 6 sl. 7

sl. 8 6 8 6

(7) 5 5 7 | (7) 5 5 7-9 9 | (9) 8-6 8-6 | (6) 9 5 7-7 full

T
A (7) 5 5 7 | (7) 5 5 7-9 9 | (9) 8-6 8-6 | (6) 9 5 7-7 full

B

Musical score for guitar. The top staff shows a D7 chord at measure 9, followed by a G chord at measure 10, and a C chord at measure 11. The bottom staff shows the corresponding fingerings: T (7), A (5), B (5) at measure 9; 7, 7, 5 at measure 10; and 5, 5, 5 at measure 11. The score includes a wavy line indicating a strumming pattern.

CẤP ĐỘ NÂNG CAO

J = 85

The image shows a musical score for a guitar. The top staff is in G major (4/4 time) and features a melodic line with various slurs and grace notes. The bottom staff is in A7 and features a bass line with sustained notes and slurs. The bass line includes fingerings such as 4/5, 5, 5, 6/8, 6-5, 5, (5), 6-8, 6-5, 5, (5), 5, 7, and 7. The score also includes a 'full' dynamic marking.

Musical score for guitar showing chords Dm, Fm, Em, and Am with corresponding fingerings and strumming patterns. The score includes a treble clef, a key signature of one sharp, and a time signature of common time. The chords are indicated by Roman numerals above the staff, and the fingerings are shown below the strings. The strumming pattern is indicated by a 'full' symbol at the end of the measure.

Dm Fm Em Am

5 sl. 6 sl. 7 sl. P 8 sl. P 9 sl. full

sl. sl. sl. P P sl.

T (7) 5 5 5 6 7 | (7) 5 5 7 9 9 | (9) 6 8 6 8 6 | (6) 8 9 5 7 7

A

B

Musical score for measures 9-11. The score consists of two staves. The top staff is in G major and the bottom staff is in A major. Measure 9 starts with a D7 chord (G-B-D-F#-A) followed by a wavy line. Measure 10 begins with a G chord (G-B-D-G-B-D) and includes slurs and grace notes. Measure 11 concludes with a C chord (C-E-G-C-E-G). The bass line below shows notes corresponding to the chords: T (7), 5, (5), 5, (5) in measure 9; 5/7, 7, 5, 7/9, 5, 5 in measure 10; and (5) in measure 11.

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

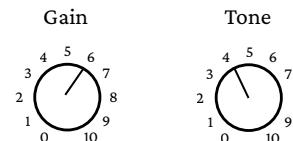
Ten Words

"Ten Words" với chất rock ballad sâu lắng với phần lead guitar đặc trưng của nghệ sĩ guitar Joe Satriani: giàu sustain (độ ngân dài), nhẹ nhàng, bay bổng nhưng vẫn đầy nội lực. Âm thanh **overdrive** được chơi kết hợp với delay và reverb tạo không gian của bài hát rộng và bay bổng.

Gợi ý cách set Sound:

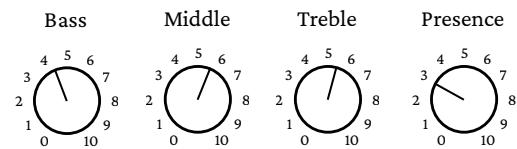
Thiết lập Amp / Overdrive:

- Loại Amp: Clean hoặc Crunch amp (Fender/Marshall low gain style)
- Overdrive pedal / gain setting:
 - Gain: 12-2h (không quá nặng, đủ sustain)
 - Tone: 10-12h (giữ tiếng ấm, không bị chói)
 - Loại Overdrive : Tube Screamer, Boss OD-3, hoặc OD nhẹ trong các MFX



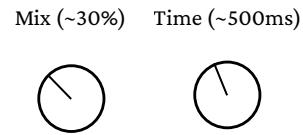
EQ / Amp Settings:

- Bass: 11-12h
- Mid: 13-14h (giúp tiếng solo nổi bật, ấm)
- Treble: 12-13h (đủ sáng nhưng không gắt)
- Presence (nếu có): 9-10h (tránh bị gắt)



Effects:

- Delay: Digital hoặc Tape Delay
 - Time: khoảng 450–550ms
 - Mix: 25–30%
- Delay giúp tăng chiều sâu và cảm xúc cho đoạn solo.



- Reverb: Plate hoặc Hall
 - Mix: 30–40%
- Reverb giúp tiếng ngân vang rộng, không gian mở hơn.



Ten Words

Joe Satriani

Sound: OD

$\text{♩} = 92$

The tablature consists of six staves of guitar music. Staff 1 starts with a C chord. Staff 2 starts with an Am chord. Staff 3 starts with an Em chord. Staff 4 starts with an F chord. Staff 5 starts with a G chord. Staff 6 starts with an F chord. The music includes various guitar techniques such as slurs, grace notes, and hammer-ons. Chords are labeled above the staff, and fingerings are indicated below the strings.

CHƯƠNG VIII: ÂM GIAI - HOÁ BIỂU

Ở chương 2, chúng ta đã được học về cấu tạo của các âm giai trưởng, sự khác biệt của các âm giai phụ thuộc vào số lượng của dấu hóa (# hoặc \flat) có trong từng âm giai. Hãy áp dụng kiến thức cung và nửa cung cấu thành âm giai trưởng để hoàn thành bài tập bên dưới trước khi bước vào nội dung chính của chương này

Bậc:	I	II	III	IV	V	VI	VII	I
C Major Scale:	C	D	E	F	G	A	B	C
G Major Scale:
D Major Scale:
A Major Scale:
E Major Scale:
B Major Scale:
F Major Scale:
Bb Major Scale:
Eb Major Scale:
Ab Major Scale:
Db Major Scale:

Hóa Biểu (Key Signature):

Hóa Biểu (Key Signature) là tập hợp các dấu thăng (#) hoặc dấu giáng (\flat) được đặt ngay sau khóa nhạc (ví dụ: khóa Sol – G clef) ở đầu mỗi dòng khuông nhạc.



Hóa biểu giúp bạn xác định âm giai đang được sử dụng, từ đó áp dụng các nốt thăng giáng xuyên suốt bài nhạc mà không cần sử dụng dấu thăng giáng cho từng nốt nhạc riêng lẻ.

Mỗi hóa biểu tương ứng với một giọng trưởng (major) và một giọng thứ (minor) song song:

Tone	Hóa Biểu
C/Am	
G/Em	
D/Bm	
A/F#m	
E/C#m	
B/G#m	

Tone	Hóa Biểu
F/Dm	
Bb/Gm	
Eb/Cm	
Ab/Fm	
Db/Bbm	

Root Note:

Root note (nốt gốc) là **nốt quan trọng nhất trong hợp âm hoặc âm giai** – nó giống như “trụ cột” hay “điểm bắt đầu” của tất cả các âm thanh còn lại.

Ví dụ: khi bạn chơi một âm giai C Maj, thì nốt C là Root note. Mọi nốt còn lại trong âm giai đều “xoay quanh” C và tạo nên âm sắc đặc trưng của âm giai đó.

Xác định được Root Note giúp bạn:

- **Xác định tên âm giai:** Một âm giai luôn được gọi tên theo root note. Nếu root note là A, ta có âm giai A Major scale, ...
- **Định vị trên cần đàn:** Biết vị trí của root note trên cần đàn giúp bạn dễ dàng tìm ra vị trí mấu âm giai phù hợp.

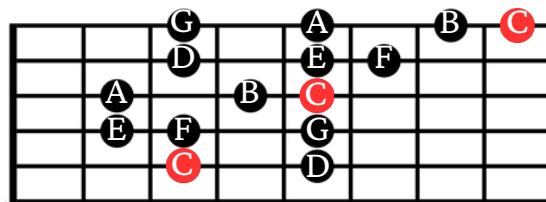
Các âm giai khác dựa trên C Major Scale

Trong phần này, chúng ta sẽ tiếp cận cách đánh các âm giai E Maj, G Maj, A Maj,... dựa vào C Major Scale (Shape 1 và Shape 2).

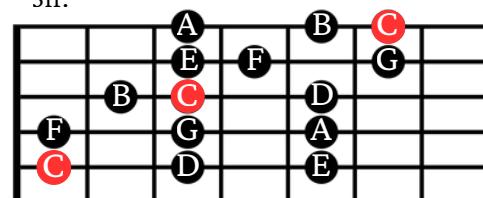
Bằng cách thay đổi nốt gốc (root note) và giữ nguyên hình dạng thế tay của âm giai trưởng trên cần đàn, đây là cách để di chuyển đến các âm giai mình mong muốn một cách nhanh nhất.

***Lưu ý:** Mặc dù giống về thế tay, nhưng giữa các âm giai vẫn có sự thay đổi về nốt ($\#$ hoặc \flat) tương tự như bài tập “cấu tạo của âm giai trưởng” chúng ta đã làm ở đầu chương.

C Major Scale Shape 1

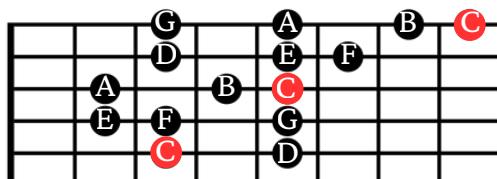


C Major Scale Shape 2

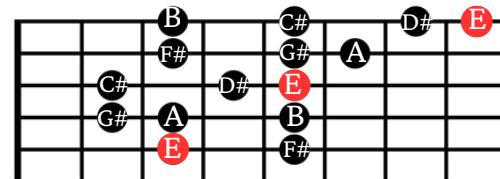


Ví dụ 1: Nếu bạn dịch chuyển nốt C (ở ngón 3) tới vị trí nốt E (ở ngón 7) và giữ nguyên thế tay Major Scale → bạn sẽ có E Major Scale (tất nhiên các nốt trong E Major Scale sẽ có sự thay đổi giống như phần bài tập chúng ta đã làm ở đầu chương)

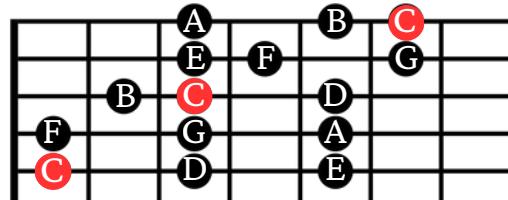
C Major Scale Shape 1



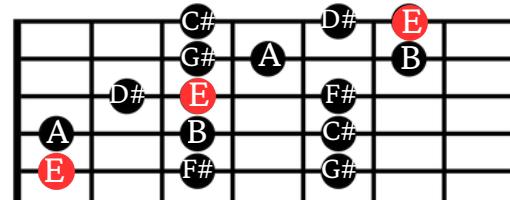
E Major Scale Shape 1



C Major Scale Shape 2



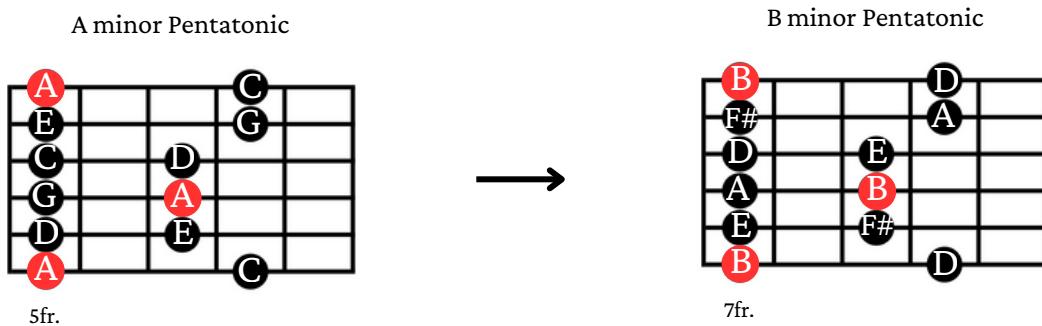
E Major Scale Shape 2



3fr.

7fr.

Ví dụ 2: Ngoài Major Scale, các bạn còn có thể áp dụng phương pháp này với dạng âm giai Pentatonic. Bên dưới là ví dụ sử dụng âm giai A minor Pentatonic để tìm ra B minor Pentatonic bằng cách dịch chuyển Root Note từ A (dây 6 ngón 5) → B (dây 6 ngón 7)

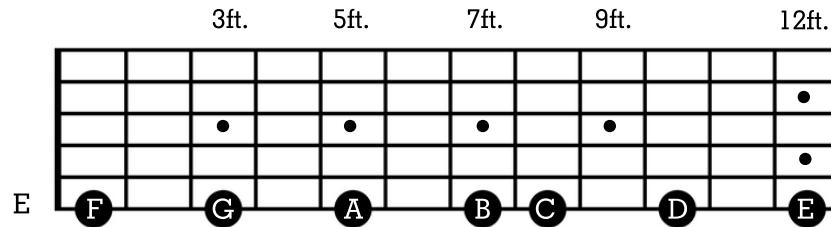


→ Phương pháp Dịch chuyển Scale Shape giúp bạn chơi được nhiều bài hát ở nhiều tone khác nhau với chỉ 1 thế tay âm giai. Đây là nền tảng để mở rộng khả năng di chuyển và ứng biến trên Guitar.

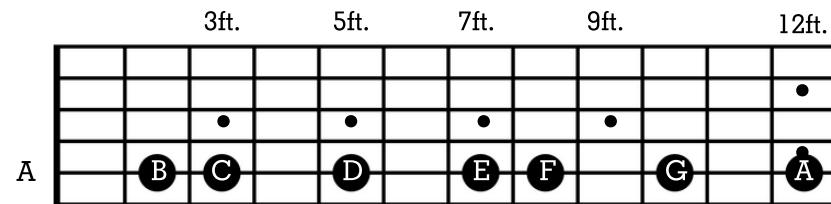
Chúng ta đang luyện tập âm giai chủ đạo dựa vào nốt gốc trên dây 6 và 5, **nên việc ghi nhớ vị trí của các nốt trên dây 6 và dây 5 là cần thiết và đặc biệt quan trọng cho toàn bộ quá trình tập guitar điện.**

Dưới đây là mô hình các nốt ở dây 5 và dây 6 trên cần đàn, các bạn có thể luyện tập ghi nhớ bằng cách vừa đánh vừa đọc thành tiếng từng nốt một.

Vị trí các nốt ở dây 6 :

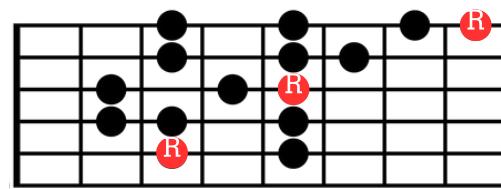


Vị trí các nốt ở dây 5 :



Âm giai được thay đổi khi chúng ta thay đổi nốt gốc và giữ nguyên hình dạng thế tay.

*R: Root Note



Bài tập 8.1

$\text{♩} = 70$

C

G

D

A

E

B

Gợi ý về cách tập luyện:

Quy tắc:

Để luyện tập một cách hiệu quả, các bạn cần ghi nhớ một số quy tắc sau:

- Luôn sử dụng Metronome (hoặc Drum Beat) trong quá trình tập luyện
- Xây dựng các set tập **có mục tiêu**, thay vì lãng phí quá nhiều thời gian vào việc tập luyện không mục đích (tham khảo phần gợi ý bên dưới)
- Ưu tiên **độ chính xác hơn tốc độ**: lựa chọn tốc độ đủ chậm để thể hiện đoạn nhạc một cách hoàn hảo trước khi tăng tốc
- Duy trì việc tập luyện một cách đều đặn trong thời gian ngắn sẽ hiệu quả hơn tập luyện đứt quãng. VD: Tập 1-2 tiếng mỗi ngày > tập 4 tiếng nhưng 1 tuần chỉ tập 1 buổi.
- Ghi chú lại tempo hiện tại mỗi ngày → theo dõi tiến bộ.

Xây dựng set tập:

Tập luyện theo các set – tương tự như việc luyện tập thể thao.

Việc tập luyện với tempo (máy đánh nhịp) là vô cùng quan trọng trong toàn bộ quá trình. Điều này thực sự giúp bạn duy trì sự tập trung. Nếu sự tập trung của bạn bị mất đi, máy đếm nhịp sẽ hướng dẫn bạn quay lại nhiệm vụ hiện tại và có thêm lợi ích là giúp bạn đo lường mức độ chính xác vị trí nhịp điệu của bạn. Song song với đó, việc tăng tốc chậm rãi sẽ giúp đôi tay của bạn thích nghi tốt với cây đàn hơn, đặc biệt là trong giai đoạn bắt đầu. Hãy thật sự kiên nhẫn trong luyện tập để thấy được sự tiến bộ rõ nét.

Ví dụ : Tốc độ của bài tập là 50, hãy bắt đầu tập với 40 và tăng dần sau 2 phút luyện tập

“Bài tập 1” :

Set 1 – Tempo 40 – 2 phút – nghỉ 30 – 60s

Set 2 – Tempo 43 – 2 phút – nghỉ 30 – 60s

Set 3 – Tempo 46 – 2 phút – nghỉ 30 – 60s

Set 4 – Tempo 50 – 2 phút – nghỉ 30s sau đó chuyển sang bài tập khác

Tăng tốc độ nếu bạn thích, chọn tốc độ phù hợp và tăng nó lên theo từng buổi luyện tập. Để bản thân bạn cảm nhận và hòa vào nhịp điệu.

Sử dụng Drum Beat:

Đôi khi, tập luyện chỉ với Metronome có thể trở nên khô khan, đơn điệu và khó duy trì hứng thú lâu dài. Việc chuyển sang tập luyện với Drum Beat (bộ trống) sẽ mang lại nhiều lợi ích vượt trội, đặc biệt trong việc cảm nhận tiết tấu, phát triển kỹ năng biểu diễn và tăng tính âm nhạc trong luyện tập.

Drum beat không chỉ cung cấp nhịp đều đặn mà còn mang tính âm nhạc cao, giúp người học cảm nhận được nhịp điệu sống động và thực tế hơn. Với các pattern trống đa dạng, drum beat giúp tạo ra môi trường âm thanh gần giống như khi biểu diễn cùng ban nhạc hoặc trong các bản thu thực tế.

Các bạn có thể tìm thấy Drum Beat ở:

- Các app tạo nhịp như Loopz, Drum Loops HD, Groove Scribe
- Hoặc đơn giản hơn, các bạn có thể search trên Youtube với các dạng từ khóa như “Drum beat 80bpm”, “Pop Drum Beat 4/4”,...

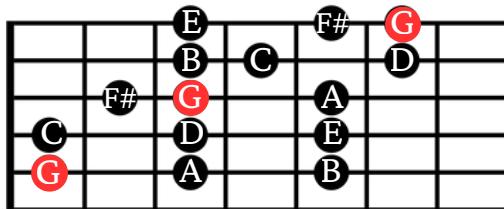
GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Shadow

“Shadow” ứng dụng các kỹ thuật đã học như Slide, Vibrato, Bending.....

Bài hát mang phong cách Rock Ballad, được viết ở tông Em, sử dụng âm giai G Major Scale Shape 2 làm nền giai điệu (giữ nguyên vị trí các nốt nhạc và thay đổi nốt gốc thành E thay vì G) - các bạn có thể tìm ra hệ thống các nốt bằng bài tập “chuyển đổi âm giai” chúng ta đã học ở phần trước.

G Major Scale Shape 2:



10fr.

Gợi ý cách set Sound:

Để thể hiện đúng tinh thần của bài hát, bạn nên sử dụng tiếng Overdrive mềm và ấm, không quá gắt như Distortion.

- Loại Amp: Overdrive Amp (Marshall Plexi, Bluesbreaker,

hoặc Fender kết hợp với OD pedal)

- Gain/Drive: 11-13h (vừa đủ để nốt kéo dài nhưng vẫn rõ ràng)

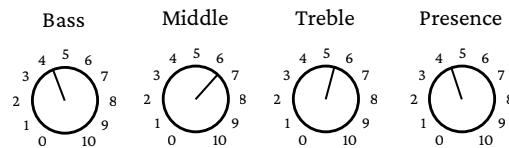
- EQ:

- Bass: 11-12h

- Mid: 13-14h

- Treble: 12-13h

- Presence: 11-12h



- Effects:

- Reverb: Hall hoặc Plate, mix nhẹ (20–30%) để tạo không gian rộng vừa phải.

Mix (~25%)



- Delay: Analog/Tape Delay, time khoảng 350–400ms, feedback thấp, mix ~20%.

Mix (~20%) Time (~350ms)



→ Mục tiêu: tạo ra một tone ngọt ngào, có sustain dài, lý tưởng để thể hiện những đoạn mang chiều sâu cảm xúc, đồng thời đủ “gắn” nhẹ khi cần.

Tone: G

Shadow

Phuc Nguyen Guitar

 $\downarrow = 75$

Em

C sl.

G

D

T A B

14 11 12 13 15 13 12 (12) 12 12 14 14 14 11 11

Em

C

G

D

T A B

15 17 14 15 14 14 15 12 12 12 12 12 14 11

Em

C

G

D

T A B

14 11 12 14 12 15 12 15 13 12 13 14 12 12 11 12 14 11 15 12

Em

C

G sl.

D

Em

T A B

15 14 15 14 17 15 17 15 15 (15) 14 12

CHƯƠNG IX : LIÊN 3, NỐT MÓC KÉP

Liên 3:

Liên 3 (Triplet) là một **cụm ba nốt** có cùng trường độ được chơi trong một phách. Dạng liên 3 thường được dùng phổ biến là Liên 3 Móc Đơn

Liên 3 Móc Đơn:

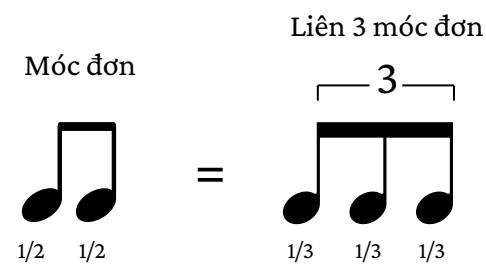
Liên 3 móc đơn là **cụm 3 nốt móc đơn** được chơi trong thời gian của **2 nốt móc đơn**, tương đương 1 phách trong nhịp 4/4.

Mỗi nốt trong triplet móc đơn có thời lượng **1/3 phách**.

*Lắng nghe sự khác biệt giữa 2 ô nhịp, ô bên trái được chơi theo giá trị nốt móc đơn (1/2 phách) như bình thường, ô bên phải được chơi theo dạng Liên 3 móc đơn (1/3 phách)

$\text{♩} = 80$

1 & 2 & 3 & 4 &



$\text{♩} = 80$

1 & a 2 & a 3 & a 4 & a

→ Liên 3 tạo cảm giác nhanh và nảy hơn so với sự cân đối, đều đặn của tiết tấu móc đơn bình thường.

Kỹ thuật đánh liên 3:

- Cụm 3 nốt trong 1 phách sẽ được đánh theo chu kỳ **“Xuống, Lên, Xuống - Xuống, Lên, Xuống”** xen kẽ.
- Việc đánh 2 phím xuống gần nhau giúp bạn hình dung được điểm rơi của các phách mạnh (1,2,3,4), đồng thời thể hiện rõ được sắc thái của liên 3.

1 & a 2 & a 3 & a 4 & a

Bài Tập:

Bài tập 9.1

$\text{♩} = 80$

1 2 3 4

- Ghi chú:

Dấu nhắc lại (repeat sign): là ký hiệu dùng để chỉ người chơi lặp lại một đoạn nhạc nhất định và có giá trị cho 1 lần lặp.

Dấu nhắc lại được biểu thị bằng hai dấu chấm ở đầu và cuối ô nhịp cần lặp :



$\text{♩} = 80$

Bài tập 9.2

$\text{♩} = 80$

Bài tập tổng hợp nốt đen, móc đơn, liên ba....

Luyện tập tiết tấu liên 3 với âm giai Pentatonic:

Bài tập 9.3

$\text{♩} = 85$

Bài tập 9.4

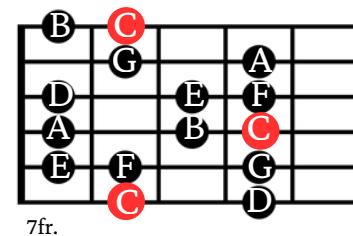
$\text{♩} = 85$

Bài tập 9.5

$\downarrow = 85$

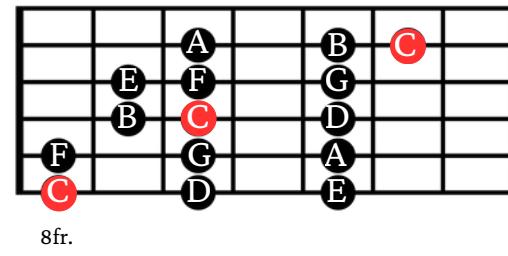
Ở chương này, chúng ta sẽ học thêm 2 hình dạng của C Major Scale với nốt gốc nằm ở dây 6. Thuần thục 2 hình dạng này giúp các bạn hệ thống được vị trí các nốt của âm giai C trưởng gần như trên toàn bộ cần đàn....

Bài tập 9.6: C Major Scale Shape 3



$\downarrow = 70$

Bài tập 9.7 : C Major Scale Shape 4



$\downarrow = 70$

Bài tập 9.8: Mỗi âm giai C - G - D - A - E - B sẽ được chơi một lần trên cùng một thế tay, chỉ thay đổi vị trí.

C

$\text{♩} = 70$

G

D

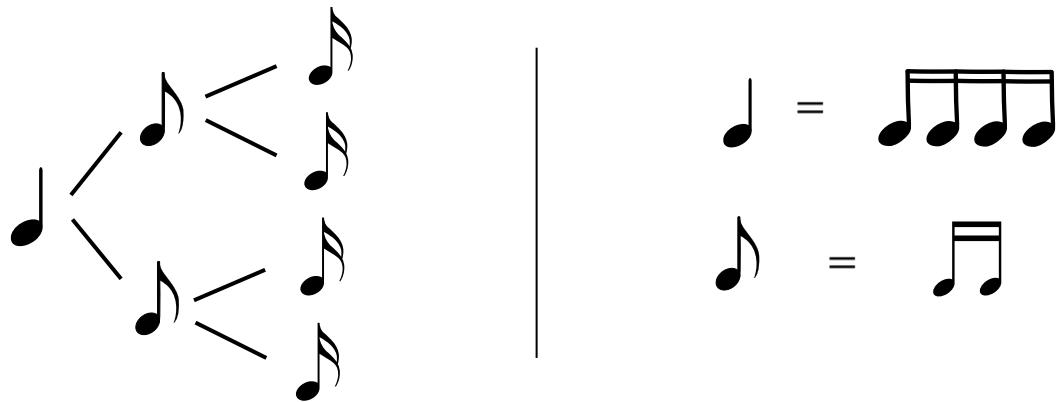
A

E

B

Nốt Mộc Kép:

Nốt móc kép có giá trị ngắn nhất trong tất cả các nốt đã được học - **$\frac{1}{4}$ phách** - bằng $\frac{1}{2}$ nốt móc đơn và $\frac{1}{4}$ nốt đen. Điều này có nghĩa là trong một phách, có **4 nốt móc kép**.



Kí hiệu:



Nốt móc kép có **2 móc uốn cong** trên đỉnh, khác với nốt móc đơn.



Khi có nhiều nốt móc kép đứng cạnh nhau sẽ được viết như trên.

Cách đếm:

Mỗi phách được chia làm **bốn phần bằng nhau** khi sử dụng nốt móc kép. Cách đếm phổ biến cho 4 nốt móc kép trong một phách là: “1 e & a”

Đếm: 1 e & a 2 e & a 3 e & a 4 e & a

Dấu Lặng Kép:

Dấu lăng kép biểu thi khoảng nghỉ $\frac{1}{4}$ phách.



A musical score for three voices (Treble, Alto, Bass) in 4/4 time. The tempo is set at quarter note = 80. The Treble (T) part consists of a treble clef, a 4/4 time signature, and a single measure of eighth notes. The Alto (A) and Bass (B) parts are blank.

A musical staff in treble clef and 4/4 time. It consists of six groups of eighth notes. Below it is a bass clef staff with six groups of three vertical dashes, representing bass notes.

Bài Tập:

Bài tập 9.9

$\downarrow = 80$

T A B

Bài tập 9.10

$\downarrow = 80$

T A B

Bài tập 9.11

$\downarrow = 80$

T A B

Bài tập 9.12

$\downarrow = 80$

T A B

Bài tập 9.13

$\downarrow = 80$

T A B

Bài tập 9.14

$\downarrow = 80$

TABLATURES:

- Measure 1: T: 12-15-12-15-12, A: 14-12-14, B: 12-14-12-14-12
- Measure 2: T: 12-14-12-14, A: 14-12-14, B: 12-14-12-14
- Measure 3: T: 12-14-12-14, A: 14-12-14, B: 12-15-12-14
- Measure 4: T: 12-14-12-14, A: 14-12-14, B: 12-15-12-14
- Measure 5: T: 12-15-12-15, A: 12-14-12-14, B: 15-12-15

Bài tập 9.15

$\downarrow = 80$

TABLATURES:

- Measure 1: T: 12-15-12-15-12, A: 15-12-15-12-14, B: 14
- Measure 2: T: 12-14-12-14, A: 14-12-14-12, B: 14
- Measure 3: T: 12-14-12-14, A: 12-14-12-14, B: 14
- Measure 4: T: 12-14-12-14, A: 12-14-12-14, B: 14
- Measure 5: T: 12-15-12-15, A: 12-14-12-14, B: 14

Bài tập 9.16

$\downarrow = 80$

TABLATURES:

- Measure 1: T: 5-7-9 6 8 6 9 7 5 7 9 6 8 6 9 7, A: 5 7 9 6 8 6 9 7 5, B: .
- Measure 2: T: 5 7 9 6 8 6 9 7 5, A: ., B: .

Bài tập 9.17

$\downarrow = 80$

TABLATURES:

- Measure 1: T: 3 5 7 3 5 7 3 5 7 3 5 7 4, A: 5 7 4 5 7 4 5 7 4 5 7 5 5, B: .
- Measure 2: T: 5 7 4 5 7 4 5 7 4 5 7 5 5, A: ., B: .
- Measure 3: T: 6 5 7 5 5 7 5 4 7 5 4 7 5 4 7 5, A: 4 7 5 3 7 5 3 7 5 3 7 5 3, B: .
- Measure 4: T: 4 7 5 3 7 5 3 7 5 3 7 5 3, A: ., B: .

P.M.-----|: là kí hiệu cho kĩ thuật Palm Mute. Kĩ thuật này tạo ra âm thanh ngắn, đục, "nửa câm, nửa vang", bằng cách dùng cạnh bàn tay chặn nhẹ dây đàn gần ngựa đàn khi đánh dây. Chi tiết về Palm Mute sẽ được tìm hiểu ở chương sau.

Ballad Lick:

Lick 1:

$\text{♩} = 75$

Guitar tab for Lick 1. The tab shows a sequence of chords: E, A, and C#m. The E chord has two slurs: one from the 10th fret to the 12th fret, and another from the 9th fret to the 11th fret. The A chord has a single slur from the 11th fret to the 13th fret. The C#m chord has a single slur from the 9th fret to the 11th fret. There is a vertical bar labeled "P.M." with a dashed line extending to the right, indicating a palm mute technique. The tab includes a neck diagram with T (Treble), A (A), and B (B) strings.

Continuation of Lick 1. The tab shows a sequence of chords: B, E, A, and C#m. The B chord has two slurs: one from the 11th fret to the 13th fret, and another from the 9th fret to the 11th fret. The E chord has a single slur from the 9th fret to the 11th fret. The A chord has a single slur from the 6th fret to the 8th fret. The C#m chord has a single slur from the 8th fret to the 10th fret. The tab includes a neck diagram with T (Treble), A (A), and B (B) strings.

Final part of Lick 1. The tab shows a sequence of chords: B and E. The B chord has a single slur from the 11th fret to the 13th fret. The E chord has a single slur from the 12th fret to the 14th fret. The tab includes a neck diagram with T (Treble), A (A), and B (B) strings.

Lick 2:

$\text{♩} = 75$

Guitar tab for Lick 2. The tab shows a sequence of chords: E, A, and C#m. The E chord has two slurs: one from the 7th fret to the 9th fret, and another from the 6th fret to the 9th fret. The A chord has a single slur from the 11th fret to the 12th fret. The C#m chord has a single slur from the 9th fret to the 11th fret. The tab includes a neck diagram with T (Treble), A (A), and B (B) strings.

Continuation of Lick 2. The tab shows a sequence of chords: B, E, A, and C#m. The B chord has a single slur from the 12th fret to the 14th fret. The E chord has a single slur from the 9th fret to the 11th fret. The A chord has a single slur from the 12th fret to the 13th fret. The C#m chord has a single slur from the 9th fret to the 11th fret. The tab includes a neck diagram with T (Treble), A (A), and B (B) strings.

Lick 3:

J = 75

E sl. **A** sl. **C#m** sl.

TAB: 9-11-1112-11-9 | 12-9-10-12-10-9 | 9-8-9-9-11-9-8

B sl. **E**

TAB: 9-9-7-11-7-9-11-9-11-8 | 9

Lick 4:

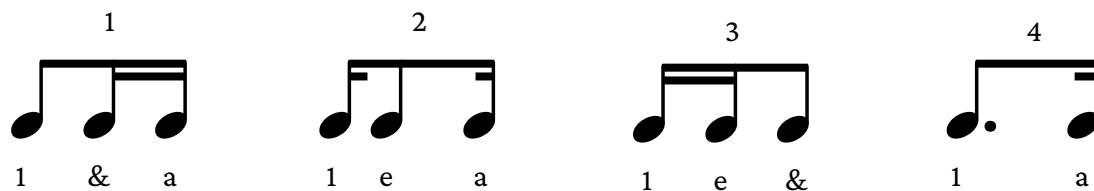
J = 75

Sheet music for guitar, 3 sharps, quarter note = 120. Top staff: Measures 1-4, repeat sign, measures 5-12. Bottom staff: Measures 1-4, repeat sign, measures 5-12. Double bar line at end of measure 12.

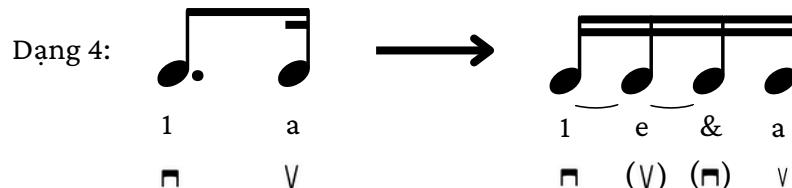
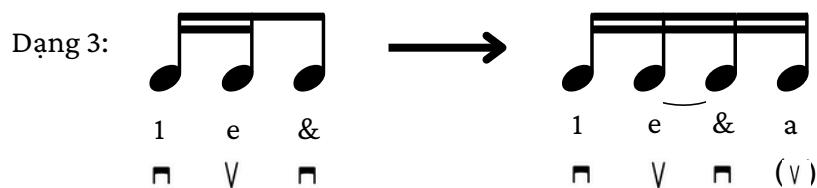
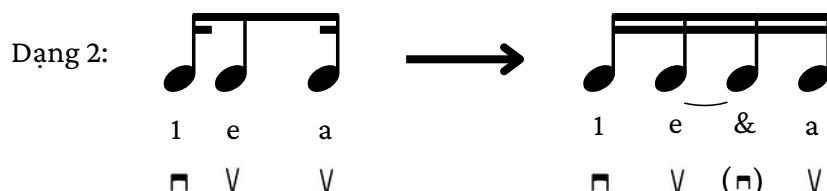
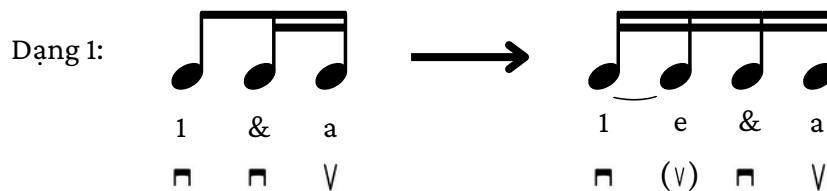
CHƯƠNG X: CÁC DẠNG TIẾT TẤU

Dưới đây là những tổ hợp tiết tấu được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa **nốt móc kép** và **nốt móc đơn**

Có 4 dạng chính:



Để hình dung rõ hơn về cách các dạng tiết tấu này được tạo thành, các bạn có thể viết nốt móc đơn dưới dạng 2 nốt móc kép được nối lại với nhau như bên dưới:



Bài Tập:

Bài 10.1:

$\text{♩} = 80$

Bài 10.2:

$\text{♩} = 80$

Bài 10.3:

$\text{♩} = 80$

Bài 10.4:

$\text{♩} = 80$

Bài 10.5:

$\text{♩} = 80$

Tập luyện tiết tấu vừa học với âm giai :

Dưới đây là các ý tưởng bài tập được thực hiện với kỹ thuật Alternate Picking, các bạn hoàn toàn có thể xây dựng mẫu tập này vị trí khác trên cần đàn. Mục tiêu là giúp chúng ta thành thục các mẫu tiết tấu, ngón tay linh hoạt và luôn luôn đánh với kỹ thuật Alternate Picking.

Bài 10.6:

$\text{♩} = 80$

T A B
3 5 7 3 5 3 5 7 5 7 | 4 7 4 5 | 8 7 5 8 6 5 7 5 4 | 7 5 3 | 7 5 7 3 | .

Bài 10.7:

$\text{♩} = 80$

T A B
. 7 5 7 8 5 7 | 10 7 9 7 10 | 10 8 9 10 8 | 10 | .

Bài 10.8:

$\text{♩} = 80$

T A B
8 10 10 10 8 10 7 8 7 | 8 10 10 10 8 10 10 8 7 | 8 10 10 10 8 10 8 10 9 7 | 8 10 10 10 8 10 8 7 8 10 |

Bài 10.9 - 10.11 được xây dựng trên âm giai Em Pentatonic lấy cảm hứng từ thể loại nhạc Blues.

Thường xuyên sử dụng kỹ thuật bending, 2 nốt đồng âm trên 2 dây khác nhau hoặc tiết tấu liên ba là cách chơi đặc trưng của dòng nhạc Blues.

Bài 10.9

$\text{♩} = 80$

T A B
full 15 12 12 | (15) |

Bài 10.10

$\downarrow = 80$

T A B

Bài 10.11

$\downarrow = 80$

T A B

Rock Ballad Lick:

Ngoài việc được chơi trên âm giai G trưởng, sự liên kết giữa 3 vị trí âm giai trên cần đàn là điểm cần lưu ý khi tập 2 đoạn lick này. Bắt đầu bằng sự thao thạo nhiều trên phím đàn, các bạn dần có nhiều lựa chọn về giai điệu, âm sắc cũng như vốn câu.

Cùng bắt đầu bài tập nối các mẫu âm giai trên G Major Scale :

Bài 10.12

$\downarrow = 100$

T A B

Bài 10.13

Standard tuning

 $\text{♩} = 100$

el.guit.

Staff 1: 1 2 3 4
TAB: T A B
Fret: 3 7 5 3 5 7 | 3 7 5 3 5 7 | 4 7 5 4 | 5 7 4 7 5 4 5 7 | 5 8 7 5 7 8 | 5 8

Staff 2: 5 6 7 8 9 10 11 12
TAB: T A B
Fret: 7 5 7 8 7 10 8 7 | 10 7 8 10 8 7 | 9 5 | 7 9 7 5 | 9 5 7 9 | 7 5 | 9 5 7 9 7 5 | 9 5 7 9 7 5

Staff 3: 10 11 12 13 14 15 16 17
TAB: T A B
Fret: 8 5 7 8 7 5 7 10 | 8 7 8 10 | 7 10 9 7 | 9 10 | 7 10 9 7 9 10 | 7 11 9 7 9 11 | 8 12

Staff 4: 13 14 15 16 17 18 19 20
TAB: T A B
Fret: 10 8 10 12 | 8 12 10 8 | 10 12 10 14 12 10 | 13 10 | 12 13 12 10 | 12 9 11 12 | 11 9 | 12 9 10 12 10 9 | 11 14

Staff 5: 17 18 19 20 21 22 23
TAB: T A B
Fret: 12 9 10 12 10 9 | 12 8 | 10 12 10 8 10 14 12 10 | 12 14 | 10 14 12 10 12 14 | 10 14 12 10 12 14 | 11 14

Staff 6: 21 22 23
TAB: T A B
Fret: 12 11 12 14 | 12 15 13 12 | 13 15 | 12 15 14 12 14 15 | 12 |

Melodic Lick 1:

$\text{♩} = 60$

Gsus2 **D/F#**

T 15 15 13 12 14 12-14 | (14) 12 12 (12) 15 13 12 14 15 full

Em7 **Cadd9** **Gsus2**

T (15) 9 7 9 8 10 7 10 full 8 8 | (8) 15 15 13 13 (13) 12 12 P 12 12 14 12 | 5 5 5 (5) 5 7

Melodic Lick 2:

$\text{♩} = 60$

Gsus2 **D/F#**

T 7 7 7 sl. sl. 2 | (7) (7) 5 5 5 (5) 5 7

Em7 **Cadd9**

T 7 7 8 10 9 full full | H sl. 4 7 9 12 (12) 12 sl. P 15 17 15 12 sl. 14 16 14 12 sl. 7

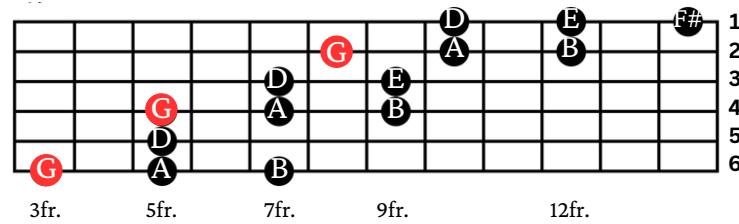
GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Tựa Đêm Nay

Đoạn solo “Tựa Đêm Nay” được soạn dựa trên nền âm giai G Major và E minor Pentatonic Scale, với các kỹ thuật Bending, Vibrato, Slide, Hammer On-Pull Off được sử dụng nhằm tăng tính diễn đạt, sự tinh tế cho câu giai điệu.

Ở bên dưới là 2 đoạn lick được trích ra từ đoạn solo, đây là những câu lick tiêu biểu cho sự liên kết của các hình âm giai... chúng ta có thể sử dụng được trong nhiều trường hợp khác nhau.

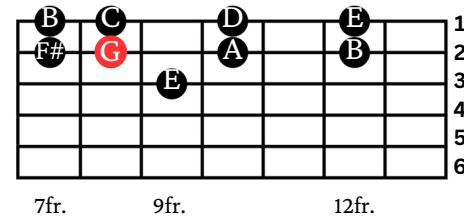
Lick 1:



$\text{♩} = 83$

Musical notation for Lick 1. It shows two staves. The top staff is in G major (4/4 time) and the bottom staff is in A minor (4/4 time). Both staves feature sixteenth-note patterns with slurs and hammer-ons/pull-offs. Fingerings are indicated below the notes.

Lick 2:



$\text{♩} = 83$

Musical notation for Lick 2. It shows two staves. The top staff is in G major (4/4 time) and the bottom staff is in A minor (4/4 time). Both staves feature sixteenth-note patterns with slurs and hammer-ons/pull-offs. Fingerings are indicated below the notes.

Gợi ý cách chỉnh tiếng:

Để thể hiện được cảm xúc nhẹ nhàng, du dương của bài hát, bạn sử dụng tiếng crunch, âm thanh có độ dày (nhiều middle).

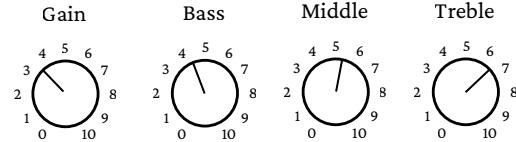
- Loại Amp: Clean Amp như Fender, Roland, Supro Keeley,...

Gain: 10-11h

Bass: 11-12h

Mid: 12-13h

Treble: 13-14h



- Boost: Sử dụng các dạng Clean Boost sẽ giúp tiếng Solo trở nên dày dặn, nổi bật hơn
Một số Pedal gợi ý: Katana Clean Boost, Xotic EP Booster, MXR Micro Amp Boost,...

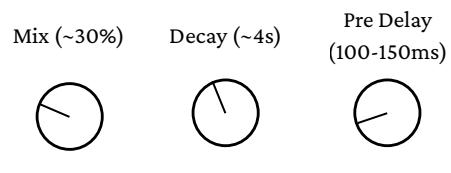
- Effects:

- Reverb: Hall, Plate hoặc Spring

Mix: ~30%

Decay: ~4s

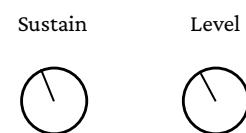
Pre Delay: ~100-150ms



- Compressor (nếu có):

Sustain: 11-12h

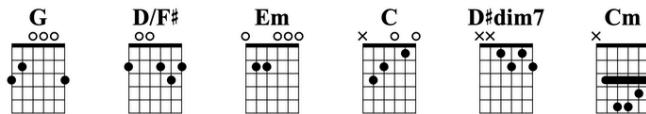
Level: 11-12h (vừa đủ để tiếng mượt hơn, không bị nén quá mức)



Tone: G

Tựa Đêm Nay

The Cassette



Standard tuning

 $\downarrow = 83$

G

C **G** **D/F#** **D#dim7**

Em **C** **Cm**

Cm **G**

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Chốn Sa Mac

“Chốn Sa Mạc” nổi bật với đoạn solo giàu cảm xúc từ guitarist Minh Tốc. Chúng ta cùng tập với tốc độ chậm hơn, “chill” hơn và tình cảm hơn.

Bên dưới đây là 2 câu lick tiêu biểu, hãy sử dụng máy đếm nhịp với tốc độ từ chậm đến nhanh để tập 2 đoạn lick này.

Lick 1: Sử dụng 1 shape tay dịch chuyển lên 3 ngăn

The image shows a musical score for electric guitar. At the top is a neck diagram with six horizontal strings and six vertical frets. The notes are labeled with their corresponding musical names: A#, G, C#, E, A#, C#, G, and A#. Below the neck are four time signatures: 7fr., 9fr., 12fr., and 15fr. To the left of the neck, the tempo is set at ♩ = 120. The first staff begins with a F#7 chord, indicated by a Roman numeral '7' above the staff. The second staff begins with a Bm7 chord, also indicated by a Roman numeral '7' above the staff.

Lick 2: Sử dụng âm giai E Major Scale với tiết tấu móc kép ở tốc độ cao

♩ = 120

The sheet music consists of two parts. The top part shows a scale pattern starting at the 11th fret of the 6th string. The notes are marked with black dots, and the 6th string is highlighted with a red dot. The bottom part shows a six-string guitar neck with the 11th fret marked. The strings are labeled from left to right as B, A, G#, D#, E, and F#. The 6th string is also highlighted with a red dot. The tempo is indicated as *♩ = 120*. The scale pattern starts at the 11th fret of the 6th string and moves up the neck.

Gợi ý cách set Sound:

Đoạn Solo của bài hát này mang phong cách Rock Ballad, chúng ta đánh với vibe pop ballad, sử dụng âm thanh Overdrive mượt mà, đủ độ gǎn nhẹ khi thể hiện các đoạn cao trào. Để tái tạo được chất âm của đoạn này, bạn có thể tham khảo cách chỉnh tiếng như sau:

- Loại Amp: Clean Amp như Fender, Vox, Dumble, ToneKing,..

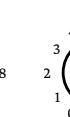
Gain: 11-12h (vừa đủ để làm break-up nhẹ khi solo)

Gain



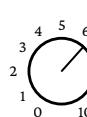
Bass: 11-12h

Bass



Mid: 13-14h

Middle



Treble: 12-13h

Treble



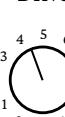
- Drive / Boost:

Pedal: *Transparent Overdrive (VD: Keeley Super Phat Mod,

Morning Glory, hoặc Klon Centaur)

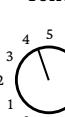
Drive: 9-10h

Drive



Tone: 11-12h

Tone



Level: 11-12h

Level



- Effects:

- Reverb: Hall hoặc Plate

Mix (~20%)



Mix: 20-30%

Decay (~4s)



Decay: ~4s

Pre Delay
(100-150ms)



Pre Delay: ~100-150ms

- Delay: Analog/Tape Delay

Mix (~25%) Time (~400ms)



Mix: 25-30%



Time: 400-500ms

Feedback: 2-3 repeats

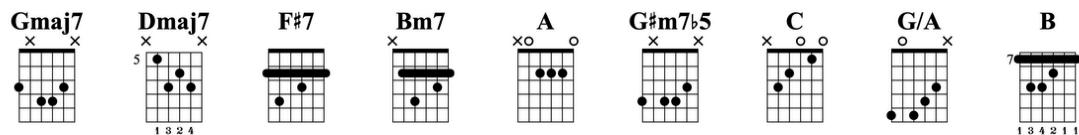
Ghi chú:

*Transparent Overdrive là dạng pedal overdrive có mục tiêu chính là làm tăng âm lượng và độ nhạy (dynamic response) của tín hiệu mà không làm thay đổi quá nhiều màu sắc âm thanh gốc. Nó không "tô màu" (color) quá rõ như Tube Screamer hay Boss SD-1, mà thiên về việc khuếch đại trung thực tín hiệu đầu vào.

Tone: D

Chốn Sa Mạc

Minh Tốc & Lam

 $\text{♩} = 117$

Gmaj7

Dmaj7

T 14-16 15-17 | sl. 18-17 15-17 (17) | full 17-(17) 17-15 | full 17-15 | 14-15 17-13-14 | sl. 15-17 |

A | | | | | | |

B | | | | | | |

F#7

Bm7

T 14-14 16-14 | H 3-6 9-8 | sl. 6-9 6-8 | sl. 9-12 9-11 | sl. P 12-11 | 9-12-15-12 | 14-15 14-12 | sl. 15-17-19-14 | 17-17 |

A | | | | | | |

B | | | | | | |

A

Gmaj7

Dmaj7

T 14-15 14-15 | sl. 17-17-17-14 | sl. 14-12-12-14 | sl. 14-17-17 | (17) | sl. 15-13-14 | 15-14-12-11 |

A | | | | | | |

B | | | | | | |

F#7

Bm7

T 12-10-11 | sl. 12-14-12-10-9 | 11-12 | 14-11 | 16-15 | sl. 17-15 | full 16-14 | sl. 17-15 | full 16-14 |

A | | | | | | |

B | | | | | | |

A

G/A

B

T A B

T A B

T A B

T A B

T A B

CHƯƠNG XI: HỢP ÂM, RIFF, PALM MUTE...

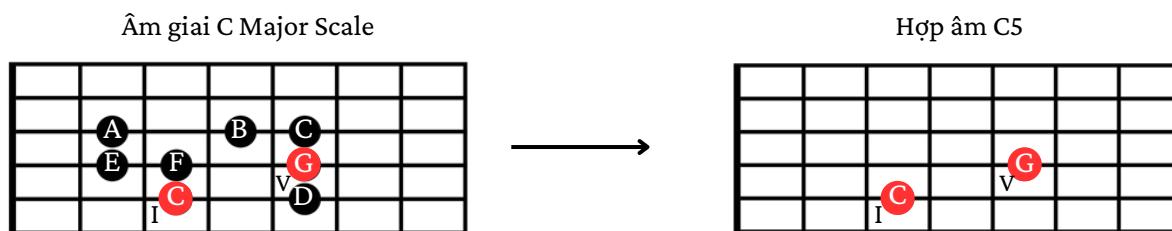
HỢP ÂM 5 (Power Chord):

Hợp âm là tập hợp nhiều nốt nhạc vang lên cùng lúc, tạo thành một khối âm thanh hài hòa dùng để đệm, sáng tác và phát triển giai điệu trong âm nhạc.

Hợp âm 5 (còn được gọi là Power Chord) là một dạng hợp âm gồm 2 nốt:

- **Root Note** (tên của hợp âm)
- **Nốt bậc V** (tính theo thứ tự âm giai).

VD: Hợp âm C5 bao gồm 2 nốt: C (Root Note) và G (Nốt bậc V)



Do tính chất **trung tính** và **mạnh mẽ**, hợp âm này thường được sử dụng để chơi Rhythm với hệ tiếng OD, Dist → ứng dụng vào các thể loại nhạc mạnh như: Rock, Metal, Punk, Grunge,...

Thể Bấm:

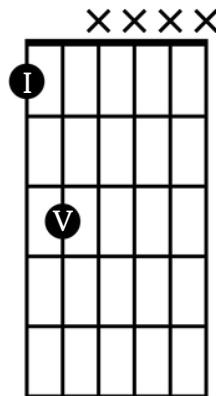
Có 2 dạng thể bấm hợp âm 5 phổ biến:

1. Dạng cum 2 dây:

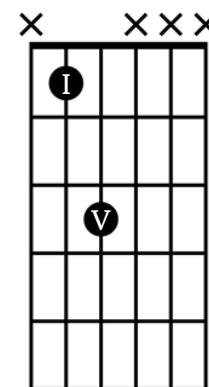
Đây là thể bấm đơn giản và gọn nhất. Root note nằm ở dây trên, và nốt bậc V nằm ở dây dưới, cách nhau 2 phím đàn.

Sử dụng ngón trỏ để bấm root note và ngón áp út (hoặc ngón út) để bấm nốt bậc V

Root note trên dây 6



Root note trên dây 5



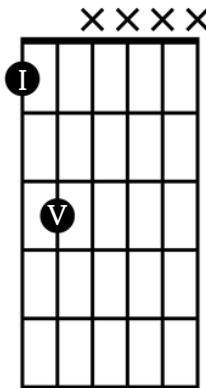
*Chú thích: Chữ X được sử dụng để chỉ các dây không đánh

2. Dạng cụm 3 dây (mở rộng):

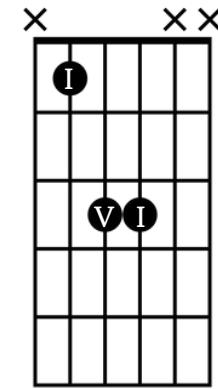
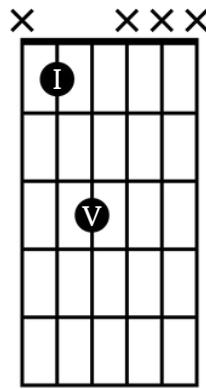
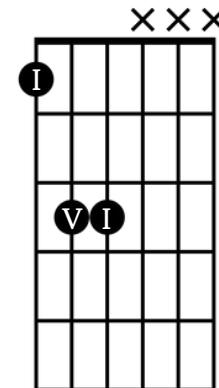
Từ thế bấm power chord trên 2 dây, thêm một nốt gốc (cao hơn một quãng 8) nằm ở dây dưới để tạo thành “hợp âm 5 mở rộng”

Dạng hợp âm 5 trên 3 dây cho cảm giác chắc chắn và âm thanh dày hơn.

Hợp âm 5
(Cụm 2 dây)



Hợp âm 5 mở rộng
(Cụm 3 dây)



Lưu ý:

Khi đánh hợp âm 5, chỉ nên để những dây đang được bấm phát ra âm thanh. Các dây còn lại (đặc biệt là dây 3, 2, 1) cần được làm tắt (mute) để không gây lẫn âm.

Cách thực hiện:

- Dùng phần thịt của ngón trỏ (đang bấm dây 6) chạm nhẹ lên dây 3, 2 và 1, không đủ lực để phát âm thanh, nhưng đủ để làm chúng câm khi gảy qua.
- Dùng mặt dưới của ngón áp út hoặc út (ngón đang bấm dây 5 và 4) tì nhẹ vào dây phía dưới nếu có thể, để tắt thêm tiếng không mong muốn.
- Khi chơi từ dây 5 (ví dụ C5), cần làm tắt dây 6 bằng cạnh trên ngón trỏ, chạm nhẹ vào dây 6 khi bấm dây 5.

(Video chi tiết → ...)

Dựa vào sơ đồ vị trí các nốt trên dây 6 và dây 5 (đã được học trong chương 7) các bạn có thể tìm ra toàn bộ các hợp âm 5 rái đều khắp cần đàn. Mỗi nốt tương ứng với một hợp âm (VD: E → E5, G → G5,...)

Vị trí các hợp âm 5 trên dây 6:

3ft. 5ft. 7ft. 9ft. 12ft.

E F G A B C D E

E5 F5 G5 A5 B5 C5 D5 E5

Trong luyện tập, di chuyển chúng lên xuống theo quy luật **cung và nửa cung** (**bài tập bên dưới**) giúp bạn hệ thống rõ ràng khoảng cách giữa các hợp âm và liên kết chúng lại một cách dễ dàng hơn.

Bài tập 11.1:

E5 F5 G5 A5 B5 C5 D5 E5 E5 D5 C5 B5 A5 G5 F5 E5

Vị trí các hợp âm 5 trên dây 5:

3ft. 5ft. 7ft. 9ft. 12ft.

A B C D E F G A

A5 B5 C5 D5 E5 F5 G5 A5

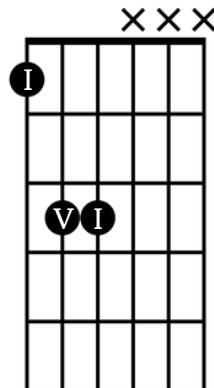
Bài tập 11.2:

A5 B5 C5 D5 E5 F5 G5 A5 A5 G5 F5 E5 D5 C5 B5 A5

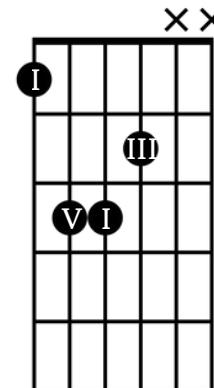
HỢP ÂM 3 (TRIAD):

Từ hợp âm 5 (gồm Root Note và nốt bậc V), các bạn có thể bổ sung thêm nốt bậc III vào cấu trúc để tạo ra dạng hợp âm 3 nốt (triad) với đầy đủ sắc thái hơn

C5 (Hợp âm C5)



C Major Triad (Hợp âm C)



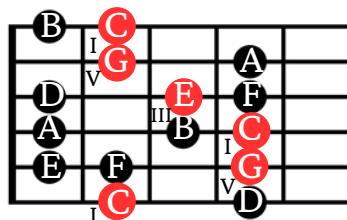
Có 2 dạng hợp âm ba (Triad) gồm:

1. Major Triad (Hợp âm Trưởng):

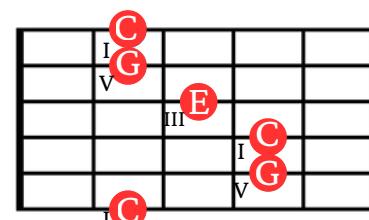
Major Triad được cấu tạo từ nốt bậc I, III và V (tính theo thứ tự âm giai)

Đặc điểm âm thanh của Major Triad : tươi sáng, vui, năng lượng.

Âm giai C Major Scale

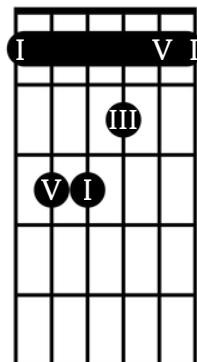
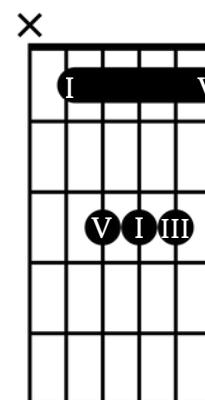


C Major Triad (Hợp âm C)



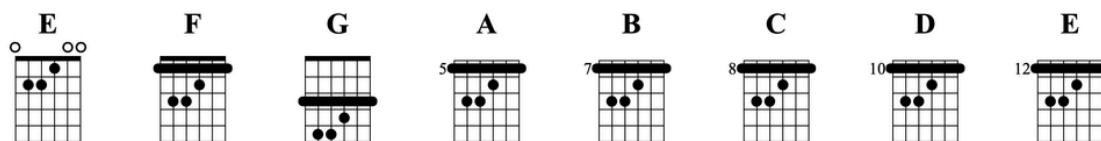
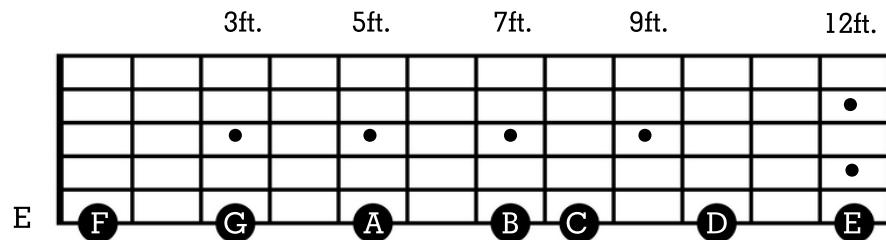
Các nốt có thể lặp lại trên 6 dây đàn tạo thành dạng hợp âm đầy đủ.

Thể bấm hợp âm Trưởng (Major Chord) :

Root note trên dây 6Root note trên dây 5

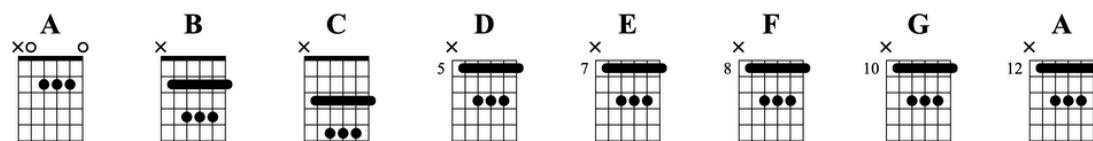
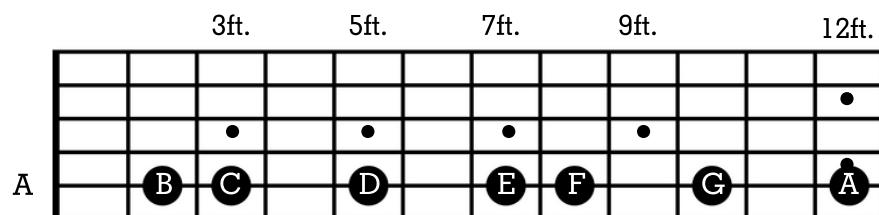
Tương tự như hợp âm 5, các bạn cũng có thể tìm ra toàn bộ các hợp âm Trưởng dựa vào vị trí các nốt trên cần đàn.

Vị trí các hợp âm Trưởng trên dây 6:



Bài tập 11.3:

Vị trí các hợp âm trưởng trên dây 5:



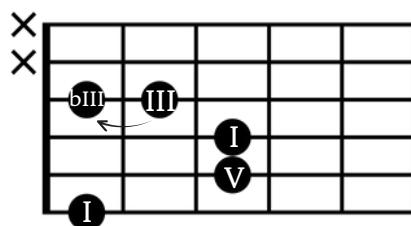
Bài tập 11.4:

2. Minor Triad (Hợp âm Thứ):

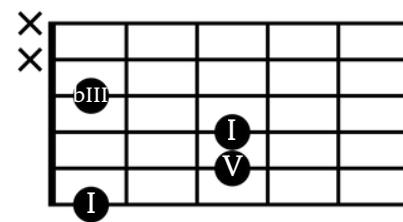
Từ Major Triad, giảm bậc III nửa cung để tạo thành Minor Triad.

Đặc điểm âm thanh của Minor Triad : âm sắc tối, buồn bã và sâu lắng.

C Major Triad (Hợp âm C)

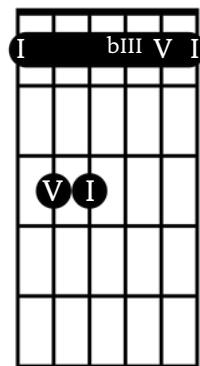


C Minor Triad (Hợp âm Cm)

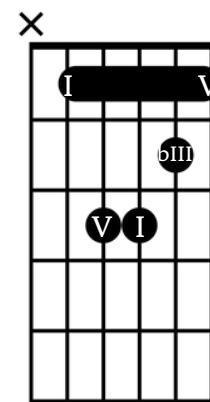


Thể bấm hợp âm Thứ (Minor Chord)

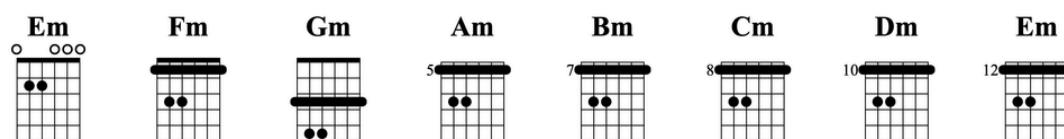
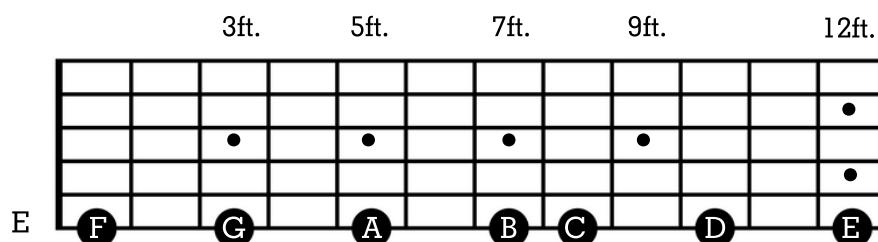
Root note trên dây 6



Root note trên dây 5



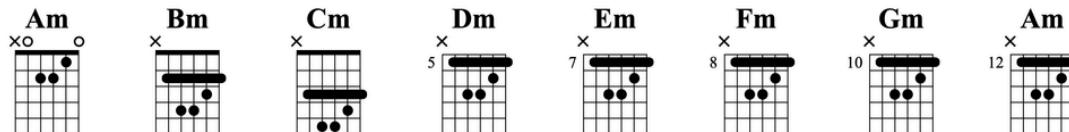
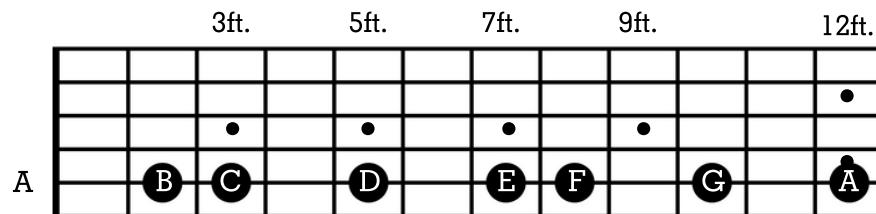
Vị trí các hợp âm Thứ trên dây 6



Bài tập 11.5:

Musical notation for Exercise 11.5. It shows a sequence of chords: Em, Fm, Gm, Am, Bm, Cm, Dm, Em, Dm, Cm, Bm, Am, Gm, Fm, Em. The notation includes a treble clef, a 4/4 time signature, and a key signature of one sharp. The chords are indicated by vertical bar lines with the names of the chords above them. Below the staff, there is a tablature with fingerings (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12) and string numbers (T, A, B).

Vị trí các hợp âm thứ trên dây 5 :



Bài tập 11.6:

RIFF:

Riff là một đoạn nhạc ngắn có cấu trúc rõ ràng, thường mang tính **giai điệu hoặc tiết tấu nổi bật**, được lặp lại nhiều lần xuyên suốt một phần hoặc toàn bộ bài hát. Trong nhạc đại chúng – đặc biệt là các thể loại như **rock, blues, metal, funk** – riff thường đóng vai trò như một dạng “musical hook”, giúp định hình phong cách và tạo bản sắc riêng cho bài hát.

Một riff thường được chơi bởi guitar điện, nhưng cũng có thể xuất hiện ở **bass, keyboard** hoặc thậm chí **trống**. Riff có thể là một chuỗi nốt đơn, hợp âm, hoặc sự kết hợp giữa các yếu tố này. Khác với phần đệm đơn thuần, riff có xu hướng **gây chú ý**, mang tính **dẫn dắt hoặc nhấn mạnh**, và thường là phần đầu tiên người nghe nhận biết khi nhớ đến một bản nhạc.

Sáng tạo và chơi một đoạn riff không bị giới hạn hay khuôn khổ nào về mặt kỹ thuật. Chúng ta có thể chơi kết hợp nốt nhạc, hợp âm, bending, slide, palm-mute, hammer-on, pull-off,..... vào với nhau → miễn sao câu nhạc có sự bắt tai, chặt chẽ và lưu loát.

Ví dụ về các bài hát sử dụng Guitar Riff:

- Back In Black - AC/DC
- Every Breath You Take - The Police
- Wake Me up When September Ends - Green Day
- Smooth Criminal - Michael Jackson
- Snow - Red Hot Chili Peppers
- Hold The Line - Toto

Đặc điểm của một đoạn riff hiệu quả:

- Dễ nhớ
- Có tiết tấu rõ ràng
- Thường chơi bằng kỹ thuật như palm mute, slide, hammer-on, pull-off...
- Lặp lại nhiều lần để tạo tính gắn kết cho toàn bài

PALM MUTE:

Palm mute là kỹ thuật làm giảm độ ngân vang của dây đàn bằng cách **đặt nhẹ phần cạnh bàn tay phải** lên dây đàn tại vị trí gần **ngựa đàn (bridge)** trong khi đang đánh dây.

(Video minh họa)

Âm thanh của Palm Mute mang đặc trưng ngắn, trầm và mạnh mẽ. Đây là một trong những dạng âm thanh độc nhất trên Guitar.

Do không còn độ ngân vang như khi gảy dây bình thường, âm thanh phát ra khi palm mute trở nên khô, gọn. Khi kết hợp với hiệu ứng distortion trên guitar điện, palm mute tạo ra những câu riff nặng nề, chắc chắn và dồn dập, rất phù hợp để nhấn nhá tiết tấu hoặc tạo cao trào trong bản nhạc. Nó vừa mang tính tiết chế, vừa tạo áp lực, như một cú dồn lực chuẩn bị cho một đoạn bùng nổ phía sau.

Kí hiệu:

- Viết tắt là: **P.M.** hoặc **P.M.-----**
(Dấu gạch ngang chỉ thời lượng giữ palm mute trên các nốt)

Chi tiết cách thực hiện Palm Mute:

- Vị trí tay phải

Đặt phần mềm **cạnh bàn tay** (gần cổ tay) lên dây đàn, sát **ngựa đàn**.

Không đặt quá xa về phía giữa thân đàn (sẽ khiến âm tắt hoàn toàn, không nghe rõ).

- Điều chỉnh lực

Ấn vừa đủ nhẹ để tiếng vang vẫn vang một chút nhưng bị "nén" lại.

Nếu ấn quá mạnh → âm bị tịt hoàn toàn

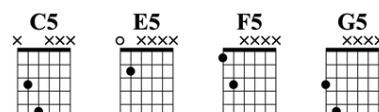
Nếu quá nhẹ → âm vang tự do, mất hiệu ứng palm mute

- Đánh dây

Dùng lực lắc cổ tay để đánh dây trong khi tay vẫn giữ nguyên vị trí palm mute.

Có thể palm mute từng dây hoặc nhiều dây cùng lúc.

Bài tập 11.7:

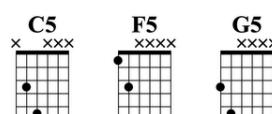


Standard tuning

1 = 80

A musical score for a 4-string bass guitar. The top staff shows a treble clef, a 4/4 time signature, and four measures of eighth-note patterns labeled C5, E5, F5, and G5. The bottom staff shows a bass clef, a 4/4 time signature, and four measures of eighth-note patterns labeled T, A, B, and G. The bass notes correspond to the chords above them.

Bài tập 11.8:

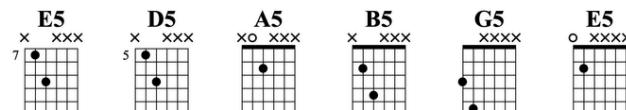


Standard tuning

| = 100

The image shows a musical score for a guitar. The top staff is in treble clef and 4/4 time, featuring a melodic line with eighth-note patterns and lyrics 'C5', 'F5', and 'G5' above the notes. The bottom staff is in bass clef and 4/4 time, featuring a bass line with quarter-note patterns and lyrics 'T', 'A', 'B' below the notes. The lyrics 'T', 'A', and 'B' correspond to the chords 'C5', 'F5', and 'G5' respectively.

Bài tập 11.9:

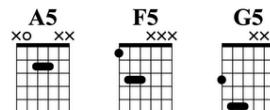


Standard tuning

140

The image shows a musical score for guitar. The top staff is in 4/4 time with a treble clef, featuring sixteenth-note patterns. The bottom staff is a tablature staff with six vertical lines representing the strings. Chords are indicated above the staff: E5, D5, A5, B5, G5, and E5. The tablature below shows the fingerings for each chord: T (index), A (middle), and B (ring). The first measure has fingerings ., 9, 7; the second has 5, 2; the third has (0), (2); the fourth has (0), (2); the fifth has 3, 5; and the sixth has 2, 0.

Bài tập 11.10:



Standard tuning

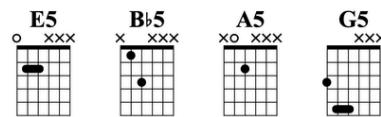
 $\downarrow = 110$

A5

F5

G5

Bài tập 11.11:



Standard tuning

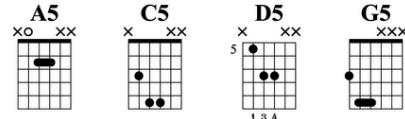
 $\downarrow = 110$

E5

Bb5

A5 G5

Bài tập 11.12:



Standard tuning

 $\downarrow = 110$

A5

C5

D5

C5 A5

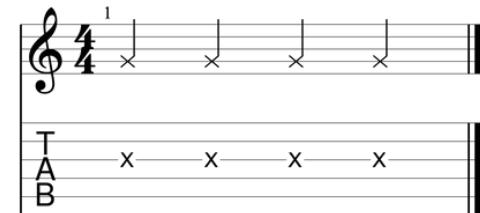
C5

G5

GHOST NOTE:

Ghost Note là thuật ngữ chỉ các **nốt câm, không rõ cao độ**, được thực hiện bằng cách **giữ nhẹ dây bằng các ngón tay trái**, sau đó đánh các dây như bình thường. Kết quả là một âm thanh “sức sục” đặc trưng, giống như tiếng bộ gõ (percussion).

Ghost Note được kí hiệu bằng chữ “X”



Ghost Note thường được đặt xen kẽ với các nốt nhạc để tạo nên sự phong phú cho lối chơi, thử nghe hai ví dụ bên dưới để nhận ra sự khác biệt giữa việc chơi **không ghost note** và **có ghost note**:

Không Ghost Note:

$\text{♩} = 140$

Ghost Note:

$\text{♩} = 140$

Bài Tập:

Bài tập 11.13:

Standard tuning

$\text{♩} = 120$

The figure shows a musical score for a 12-bar blues in E major. The top part displays four chord diagrams: E5 (open A), D5 (X on B), A5 (X on G), and E5 (open A). Below the chords is a tempo marking of $\text{♩} = 120$. The main section consists of ten measures of music. The first measure starts with an E5 chord. The second measure begins with a D5 chord, followed by an A5 chord. This pattern repeats three more times. The next two measures show a sequence of E5, D5, A5, and E5 chords. The following two measures show a sequence of D5, A5, E5, and D5 chords. The final two measures show a sequence of E5, D5, A5, and E5 chords. The bottom part of the figure shows the corresponding guitar tablature for each measure, with the strings labeled T, A, B from bottom to top.

Bài tập 11.14:

Bài tập 11.15:

Standard tuning

$\text{♩} = 100$

F5 B_b5 A_b5 D_b5

F5 B_b5 A_b5 D_b5

T A B

F5 B_b5 A_b5 D_b5

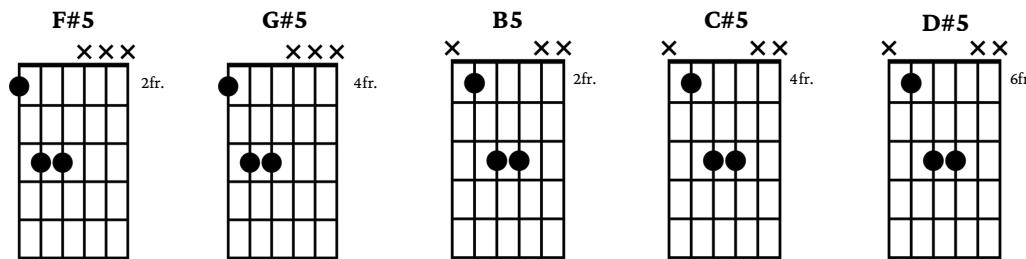
T A B

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

When I Come Around

"When I Come Around" nằm trong top những ca khúc biểu tượng của dòng nhạc punk/pop thập niên 90 của ban nhạc Green Day. Bài hát có cấu trúc đơn giản, giai điệu dễ nhớ và phần rhythm mạnh mẽ sử dụng toàn bộ là **Hợp âm 5** (Power Chord) với các kĩ thuật như **Palm Mute, Ghost Note**.

Các hợp âm được sử dụng:



Gợi ý cách set Sound:

Để có âm thanh gần với bản gốc, chúng ta sẽ cần một tone distortion **vừa phải, khô, không quá nặng**:

- Amp: Chọn các dạng British amp với chất tiếng đặc trưng như:
 - Marshall JCM800 / Plexi
 - Nếu dùng amp clean (như Roland JC-120, Vox AC30): cần thêm pedal distortion

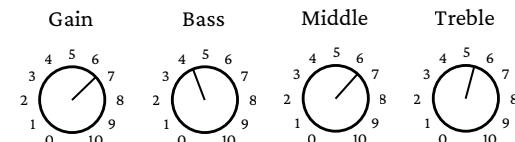
- EQ:

Gain/Drive: 1-2h (tạo distortion rõ nhưng không quá nặng)

Bass: 11-12h (đủ ấm nhưng tránh bị ú, đặc biệt khi palm mute)

Middle: 1-2h (giúp tiếng không bị chìm)

Treble: 1-3h (cho độ sắc, sáng và rõ ràng)



- Reverb: Rất ít

Room Reverb hoặc Plate, để ở mức rất thấp (10–15%)

Mix (~10%)



*Tuyệt đối tránh dùng Hall Reverb hoặc Delay vì sẽ làm tiếng

bị mờ, thiếu rõ ràng khi palm mute

*Lưu ý:

Giữ gain vừa đủ để tiếng không bị rối khi chơi palm mute

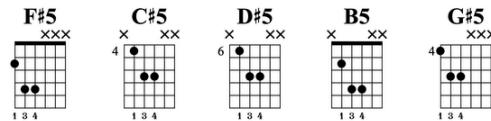
Nếu tiếng thiếu lực: tăng mid và sử dụng bridge pickup

Nếu tiếng quá chói: hạ treble và giảm reverb

Tone: F#

When I Come Around

Green Day



Standard tuning

 $\text{♩} = 98$

A Intro

F#5 C#5 D#5 B5 F#5 C#5

1 2 3 4 | 5 6

P.M. - i P.M. - i P.M. P.M. - i P.M. - i

B Verse

D#5 B5 F#5 C#5 D#5 B5 F#5 C#5

5 6 7 8 | 9 10 11 12

P.M. P.M. - i P.M. - i P.M. P.M. - i P.M. - i

D#5 B5 F#5 C#5 D#5 B5 F#5 C#5

9 10 11 12 | 13 14 15 16

P.M. P.M. - i P.M. - i P.M. P.M. - i P.M. - i

C Chorus

D#5 B5 G#5 B5 G#5

13 14 15 16 | 17 18 19 20

P.M. . . . |

D Interlude

B5 F#5 C#5 D#5 B5 F#5 C#5

17 18 19 20 | 21 22 23 24

P.M. - i P.M. - i P.M. P.M. - i P.M. - i

B Verse

21 D#5 B5 F#5 C#5 D#5 B5 F#5 C#5

P.M. P.M. - 4 P.M. - 4 P.M. P.M. - 4 P.M. - 4

T	8 8 X 4	4 4 4	6 6 6	8 8 X 4	4 4 4	6 6 6
A	8 8 X 4	4 4 4	6 6 6	8 8 X 4	4 4 4	6 6 6
B	6 6 X 2	2 2 2	2 2 2	6 6 X 2	2 2 2	2 2 2

C Chorus

D#5 B5 F#5 C#5 D#5 B5 G#5

25 26 27 28

P.M. P.M. - 4 P.M. - 4 P.M.

D Interlude

B5 G#5 B5 F#5 C#5

29 30 31 32

P.M. -- I P.M. -- I

T A B

4 4 4 4 4 4 4 4	6 6 6 6 6 6 6 6	4 4 4 4 4 4 4 4	-	6 6 6 6
4 4 4 4 4 4 4 4	6 6 6 6 6 6 6 6	4 4 4 4 4 4 4 4	-	6 6 6 6
2 2 2 2 2 2 2 2	6 6 6 6 6 6 6 6	2 2 2 2 2 2 2 2	4 4 4 4 4 4 4 4	4 4 4 4 4 4 4 4

E Outro

B5 G#5 B5 F#5 C#5

37 38 39 40

P.M. --| P.M. --|

T	4 4 4 4 4 4 4 4	6 6 6 6 6 6 6 6	4 4 4 4 4 4	.	6 6 6
A	4 4 4 4 4 4 4 4	6 6 6 6 6 6 6 6	4 4 4 4 4 4	4	6 6 6
B	2 2 2 2 2 2 2 2	4 4 4 4 4 4 4 4	2 2 2 2 2 2	4 4 4 4 4 4	4 4 4 4 4 4

1. 2.

D#5 B5 F#5 C#5 D#5 B5 D#5 B5

P.M. P.M. - i P.M. - i P.M. P.M.

T	8 8 X 4	4 4 4 4	6 6 6 6	8 8 X 4	4 4 4 4	8 8 X 4	(4)
A	8 8 X 4	4 4 4 4	6 6 6 6	8 8 X 4	4 4 4 4	8 8 X 4	(4)
B	6 6 X 2	2 2 2	4 4 4 4 4 4	6 6 X 2	2 2 2	6 6 X 2	(2)

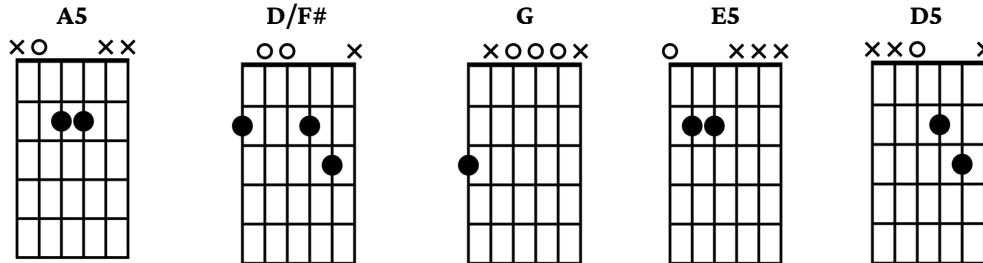
GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Highway To Hell

"Highway to Hell" - một trong những ca khúc mang đậm phong cách Hard Rock cổ điển, với giai điệu mạnh mẽ, riff guitar đảo phách lặp đi lặp lại vừa đơn giản, vừa phức tạp tạo nên sự lôi cuốn đặc trưng của bài hát.

Phần guitar trong bài sử dụng chủ yếu các **Hợp Âm 5**, **Maj Triad**, với âm thanh **Crunch** nhẹ của Tube Amp.

Các hợp âm được sử dụng:



- **Hợp âm D/F#**

D/F# là một dạng **hợp âm đảo** của D, trong đó F# (bậc III) được đưa xuống làm nốt bass, thay vì D như thông thường.

Trong bài, D/F# xuất hiện ở phần chuyển từ D sang G để tạo ra chuyển động mượt mà trong bass: D → F# → G. Cách này giúp phần rhythm liền mạch và tự nhiên hơn.

- **Hợp âm G**

G được bấm dưới dạng hợp âm mở (Open Chord) với các dây buông 4,3,2 chứa các nốt D,G,B - đều là các nốt trong hợp âm G. Nốt bass G ở dây 6 được bấm bằng ngón giữa. Các dây 5 và dây 1 được mute lại để tạo ra âm thanh gọn gàng.

Thể bấm này được sử dụng để tạo ra sự liên kết âm thanh chặt chẽ với các hợp âm trước như D/F# và A5

Gợi ý cách set Sound:

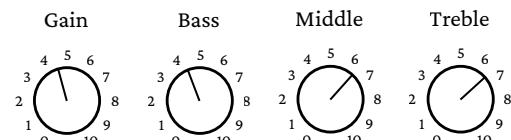
- Amp: Marshall Super Lead 100 (Plexi) / JCM800
 - Tránh dùng quá nhiều gain/distortion – bài này dùng tiếng crunch, không phải heavy distortion
 - Nếu dùng amp clean (Roland JC-120, Fender Twin...), cần pedal overdrive nhẹ
- EQ:

Gain/Drive: 11-12h (đủ để breakup, không quá méo)

Bass: 11-12h (giữ tiếng chặt tránh bị ứ)

Middle: 1-2h (giúp tiếng dày, không bị chìm)

Treble: 1-3h (tạo độ sắc, sáng và rõ)



Mix (<10%)



*Gợi ý:

Nếu dùng amp clean, bạn có thể thêm pedal sau:

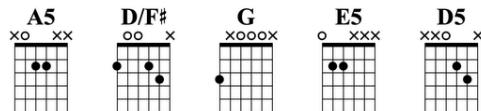
Overdrive nhẹ: Boss SD-1, Tube Screamer (Drive thấp, Level cao)

Distortion vintage: Boss DS-1 (Gain thấp), MXR Distortion+

Tone: A

Highway To Hell

AC/DC



Standard tuning

 $\downarrow = 116$ **A Intro**

A5 D/F# G D/F# G D/F# G D/F# A5

Musical notation and tablature for the intro section. The notation is in 4/4 time with a key signature of two sharps. The tablature shows the strings (T, A, B) and fret positions (e.g., 2, 2, 2 for the first measure). Measures 1-4 are identical, followed by a repeat sign.

B Verse

D/F# G D/F# G D/F# G D/F# A5

Musical notation and tablature for the verse section. The notation is in 4/4 time with a key signature of two sharps. The tablature shows the strings (T, A, B) and fret positions (e.g., 2, 2, 2 for the first measure). Measures 5-8 are identical, followed by a repeat sign.

D/F# G D/F# G D/F# G D/F# A5

Musical notation and tablature for the verse section continuation. The notation is in 4/4 time with a key signature of two sharps. The tablature shows the strings (T, A, B) and fret positions (e.g., 2, 2, 2 for the first measure). Measures 9-12 are identical, followed by a repeat sign.

1.

D/F# G D/F# E5

Musical notation and tablature for the bridge section. The notation is in 4/4 time with a key signature of two sharps. The tablature shows the strings (T, A, B) and fret positions (e.g., 2, 2, 2 for the first measure). Measures 13-16 are identical, followed by a repeat sign.

C Chorus

A5 D5 G D5 A5 D5 G D5

Musical notation and tablature for the chorus section. The notation is in 4/4 time with a key signature of two sharps. The tablature shows the strings (T, A, B) and fret positions (e.g., 2, 2, 2 for the first measure). Measures 17-20 are identical, followed by a repeat sign.

[2.]

B Verse

A5 D5 A5 D/F# G

T A B
2 2 2 2 0 | (3) (2) 0 | (3) (2) 0 | 2 2 2 0 | 3 3 0 | 2 2 0 0 X 3

D/F# G D/F# G D/F# A5 D/F# G

T A B
3 3 0 | 3 3 0 | 3 2 0 | 2 0 | 2 2 2 | 3 3 0 | 2 2 0 X 3

[1.] [2.]

D/F# G D/F# G D/F# A5 D/F# G D/F# E5

T A B
3 3 0 | 3 3 0 | 3 2 0 | 2 0 | 2 2 2 | 3 3 0 | 2 2 0 X 3

2.

C Chorus

A5 D5 G D5

T A B
2 0 0 2 2 0 | 2 0 2 2 2 2 2 | 2 0 2 2 2 2 0 | (3) 3 3 0 0 3 | 2 0 2 2 0 0 3 | 0 0 2 2 0 0 3 | X 0 0 2 2 0 0 3

[1.] [2.]

A5 D5 G D5 A5 D5

T A B
2 2 2 2 0 | (3) 3 2 2 0 | 0 0 2 2 0 | 3 2 0 | 2 2 2 2 0 | (3) 3 2 0 | 0 0 2 2 0 | (3) 0 | X 0 0 2 2 0 | 3 2 0

2.

D Solo

D5 G D5 D5 G D5 G D5 A5

T A B
3 2 2 2 0 | (3) 2 0 | 3 2 2 0 | 0 0 2 0 | 3 0 | 0 0 2 0 | 3 0 | 2 0 | X 0 0 2 0 | 3 0 | (3) 0 | 0 0 2 0 | 3 0 | 2 0

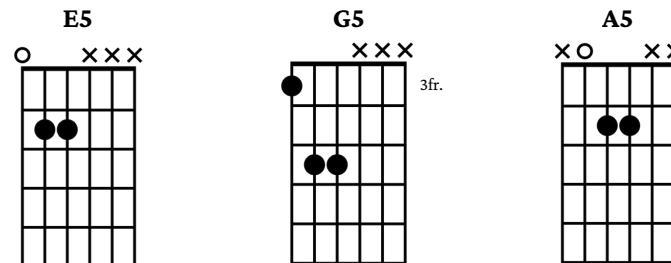
GIỚI THIỆU BÀI HÁT

TNT

"T.N.T" là ca khúc Hard Rock nổi tiếng của ban nhạc AC/DC, mang đặc trưng rõ nét của rock cổ điển thập niên 70: riff đơn giản, mạnh mẽ, lặp lại, dễ nhớ

Bài hát này chỉ sử dụng 3 hợp âm 5 (E5, G5 và A5).

Các hợp âm được sử dụng:



Kỹ thuật:

- Sử dụng hầu hết đánh xuống (downstrokes), nhằm tạo lực và cảm giác "nặng"
- Kết hợp Ghost Note + Bend $\frac{1}{4}$ cung nhẹ để tạo ra sự đa dạng trong âm sắc giữa các đoạn.

Gợi ý cách set Sound:

- Amp: Ngoài các lựa chọn như Marshall Super Lead (Plexi) / JTM45, JCM800, các bạn có thể thử các dạng amp sau:
 - Friedman BE-100
 - Victory V30 The Countess MKII
 - Marshall DSL20CR Tube Combo

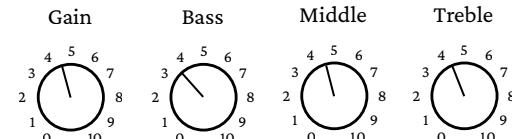
• EQ:

Gain/Drive: 11-12h

Bass: 10-12h

Middle: 11-12h

Treble: 11-12h



Mix (<10%)



*Gợi ý:

- Dùng pickup bridge để có tiếng sáng, dày
- Guitar sử dụng pickup humbucker để âm thanh phát ra có độ dày, đặc và "rock" (Les Paul, SG, Tele HH, Strat HSS...)
- Nếu dùng single coil: hãy tăng mid để tránh tiếng bị mỏng

Tone: Em

T.N.T

AC/DC



Standard tuning

 $\text{♩} = 125$

[A] Intro

1 - 2 - 3 | E5 G5 A5 4 | A5 E5 G5 A5 | 5 |

T A B | 2 X X 5 X 2 | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 |

6 | E5 E5 G5 A5 | 7 | A5 E5 G5 A5 | 8 | A5 E5 G5 A5 | 9 |

T A B | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 |

[B] Verse

10 | A5 E5 G5 A5 | 11 | A5 E5 G5 A5 | 12 | A5 E5 G5 A5 | 13 | A5 E5 G5 A5 | 14 |

T A B | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 |

15 | A5 E5 G5 A5 | 16 | A5 E5 G5 A5 | 17 | A5 E5 G5 A5 | 18 | A5 E5 G5 A5 | 19 |

T A B | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 |

20 | A5 E5 G5 A5 | 21 | A5 E5 G5 A5 | 22 | A5 E5 G5 A5 | 23 | A5 E5 G5 A5 | 24 |

T A B | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | (2) X 2 | (2) X X 5 X 2 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 | 0 3 X 3 |

A

B

C Chorus

E5

A5

E5

A5

E5

G5

A5

D Interlude

E5

G5

A5

A5

E5

G5

A5

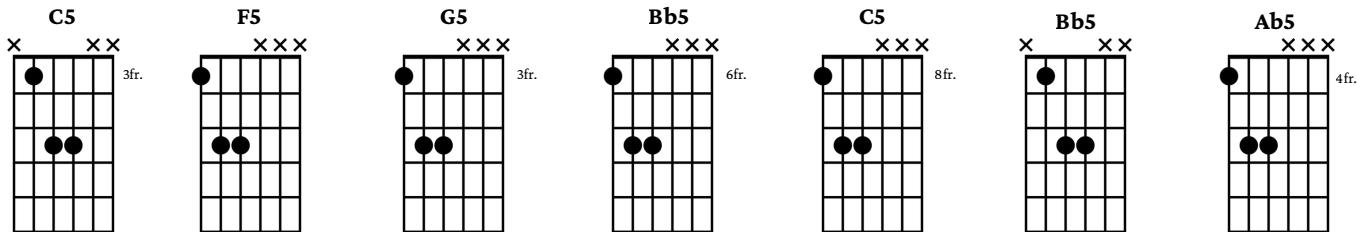
E5

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Eye of the Tiger

“Eye of the Tiger” phát hành năm 1982 bởi band nhạc Survivor và được biết đến rộng rãi qua bộ phim Rocky III. Bài hát có phần Guitar Riff mạnh mẽ, dễ nhận biết, sử dụng Hợp âm 5 kết hợp với Single-note Riff, rất phù hợp để tập luyện kĩ thuật Alternate Picking, Palm Mute và Ghost note.

Các hợp âm được sử dụng:



Gợi ý cách set Sound:

Để tạo ra âm thanh mang phong cách Classic rock cổ điển, hơi Overdrive như trong bài, các bạn có thể tham khảo phần gợi ý sau:

- Amp: Marshall JCM Series

Nếu các bạn sử dụng Modelling Amp, có thể chọn các Preset như: Crunch, British Stack, Brit Plexi,...

- EQ:

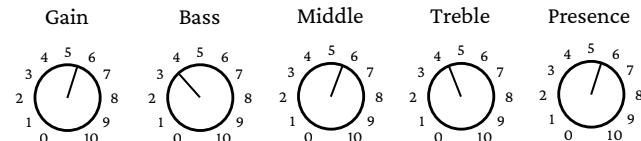
Gain/Drive: 12-13h

Bass: 10-12h

Middle: 12-13h

Treble: 11-12h

Presence (nếu có): 12-13h (giúp tiếng “thoáng” hơn)



Mix (<10%)

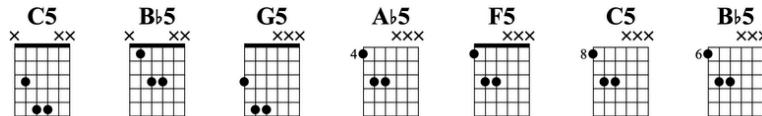


- Reverb: Room Reverb.

Tone: Cm

Eye of the Tiger

Survivor

 $\downarrow = 105$ **A Intro**

C5 Bb5 C5 C5 Bb5 C5

P.M. - - - - -

C5 G5 Ab5 C5 Bb5 C5 C5 Bb5 C5 G5 Ab5

C5 Bb5 C5 Bb5 C5 C5 G5 Ab5

B Verse

C5

P.M. - - - - -

C5

P.M. - - - - -

22 23 24 25

P.M.

TAB: 3 3 3 3 - 3 3 3 3 3 3 | 3 3 3 3 - 3 3 3 3 3 3 | 3 3 3 3 - 3 3 3 3 3 3 | 3 3 3 3 -

C Chorus

F5 C5 B_b5 F5 C5 B_b5

26 27 28 29 30 31

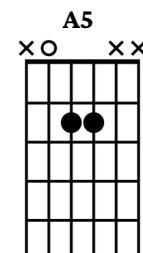
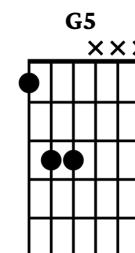
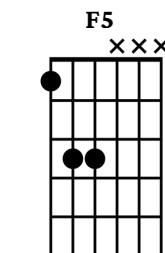
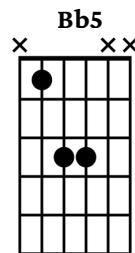
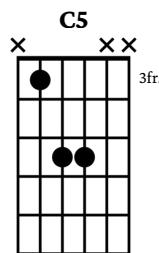
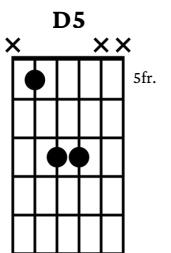
TAB: | : 3 X X 10 8 | 3 X-X 10 8 | 8 | 11

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

It's Only Love

"It's Only Love" nổi bật với đoạn Guitar Riff mạnh mẽ, được xây dựng từ chuỗi hợp âm 5 phổi hợp với kĩ thuật Ghost Note, tạo nên một đoạn tiết tấu nhịp nhàng, bắt tai ngay từ những giây đầu tiên.

Các hợp âm được sử dụng:



Gợi ý cách set Sound:

Sound Guitar trong bài sử dụng chất tiếng Overdrive, độ gain vừa phải, mang lại cảm giác chắc gọn, rõ ràng, không bị quá nén hoặc méo.

- Amp: Hiwatt Custom 100 hoặc Marshall JTM45, JCM900

Ngoài ra, các bạn có thể sử dụng các dạng Amp có nhiều Gain tương tự như Mesa Boogie, Bogner

- EQ:

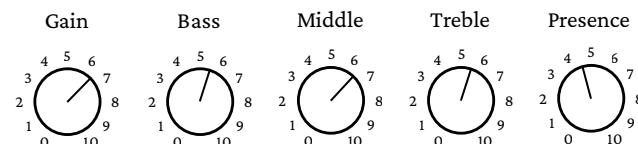
Gain/Drive: 13-14h

Bass: 12-13h

Middle: 13-14h

Treble: 12-13h

Presence (nếu có): 11-12h



Mix (<10%)

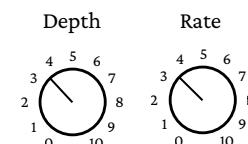
- Reverb: Rất ít hoặc không sử dụng



- Chorus: Đây là yếu tố quan trọng để tạo nên âm thanh Guitar đặc trưng của đoạn Riff này

Depth: 9-10h

Rate: 10-11h

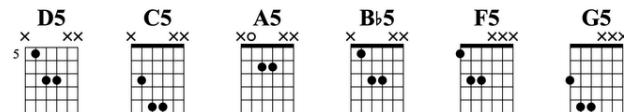


Có thể sử dụng các Overdrive Pedal để boost tiếng: Radial Tonebone Trimode, Lovetone Brown Source, hoặc Ibanez Tube Screamer (chỉnh gain ở mức nhẹ-vừa)

Tone: Dm

It's Only Love

Bryan Adams

 $\text{♩} = 101$ **[A] Intro**

D5 C5 A5 Bb5 sl. sl. F5 F5

T
A 7 X 5
B 5 X 3

T
A 2 X 3
B 0 X 1 3 5 3

T
A 3 3 X X 3 3
B 3 3 X X 3 3

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

D5 C5 A5 Bb5 sl. sl. F5 F5

T
A 7 X 5
B 5 X 3

T
A 2 X 3
B 0 X 1 3 5 3

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

[B] Verse

D5 C5 A5 Bb5 sl. sl. F5 F5

T
A 7 X 5
B 5 X 3

T
A 2 X 3
B 0 X 1 3 5 3

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

D5 C5 A5 Bb5 sl. sl. F5 F5

T
A 7 X 5
B 5 X 3

T
A 2 X 3
B 0 X 1 3 5 3

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

D5 A5 Bb5 sl. sl. F5 F5

T
A 7 X 5
B 5 X 3

T
A 2 X 3
B 0 X 1 3 5 3

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

T
A 3 3 X X 3 3
B 1 X X 1 1

D5 C5 A5 B_b5 F5 F5

C Chorus

C5 D5 B_b5 G5

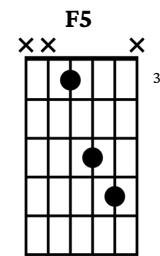
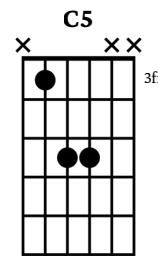
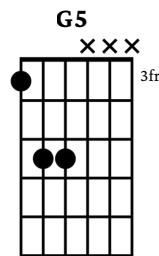
C5 D5 B_b5 G5

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Paradise City

Phần Intro Riff của "Paradise City" được xây dựng dựa trên 3 hợp âm G5, C5 và F5, với âm thanh Overdrive/Distortion. Càng về sau, bài hát càng trở nên giàu năng lượng hơn khi chuyển sang một dạng Melody riff với tiết tấu móc kép ở tốc độ cao, kết hợp kĩ thuật Bending $\frac{1}{4}$ cung mang đến phong cách Bluesy đặc trưng - điển hình của Hard Rock thập niên 80.

Các hợp âm được sử dụng:



Ở bài này, hợp âm F5 được bấm dưới dạng Root note trên dây 4, đây là thế bấm được Slash (Guitarist của band nhạc Guns N' Roses) sử dụng nhiều trong các bài hát của band. Thế bấm này mang đến âm thanh sáng, rõ, nổi bật khi sử dụng dây 4,3,2 trên đàn guitar.

Gợi ý cách set Sound:

Sound Guitar trong bài sử dụng chất tiếng Overdrive, độ gain vừa phải, mang lại cảm giác chắc gọn, rõ ràng, không bị quá nén hoặc méo.

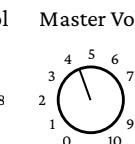
- Amp: Marshall 1959T Super Tremolo, Marshall Silver Jubilee hoặc Marshall JCM800

- EQ:

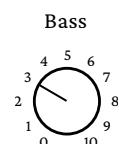
Pre Amp Volume: 15-16h



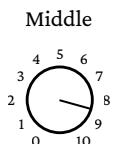
Master Volume: 11-12h



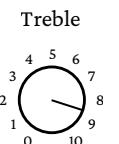
Bass: 9-10h



Middle: 15-16h



Treble: 15-16h

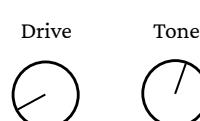


Presence: 12-13h



*Đây là cài đặt thông số khi sử dụng dáng đàn Les Paul và Amp Marshall JCM800. Thông số có thể thay đổi tùy theo từng loại đàn và amp khác nhau.

- Overdrive Pedal: TS808



Drive: 8-9h (thấp, do gain chủ yếu đến từ Amp)



Tone: 12-13h

Mix (<10%)

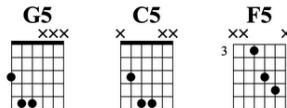


- Reverb: Rất ít hoặc không sử dụng

Tone: G

Paradise City

Guns N' Roses

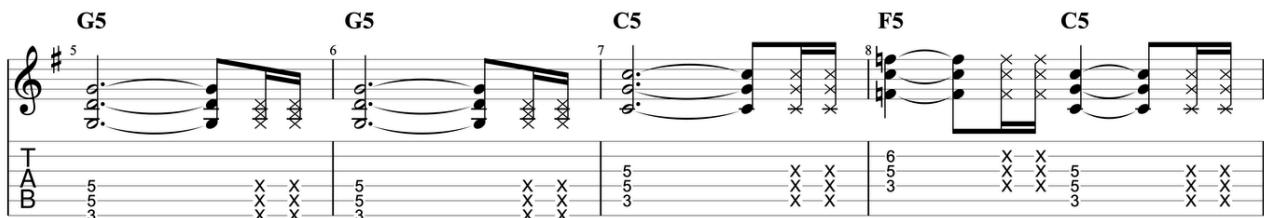
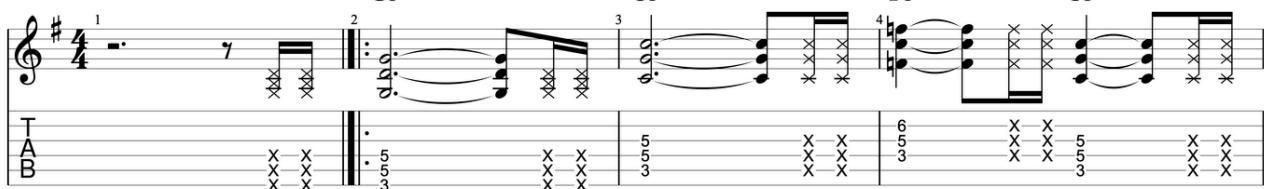


Standard tuning

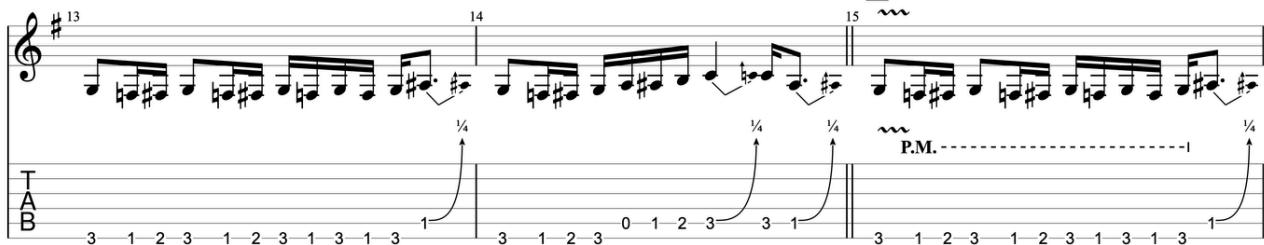
100

A Intro

G5



B Verse



C5

19 20

T A B
5 5 3

3 - 1 - 3 - 1 - 1 - 3 - (3)

$\frac{1}{2}$

The image shows a guitar tablature for a C5 chord. The top staff is a musical staff with a treble clef, a key signature of one sharp, and a 4/4 time signature. It has two measures: measure 19 and measure 20. Measure 19 consists of two eighth notes. Measure 20 starts with a sixteenth note followed by a eighth note, a sixteenth note, another eighth note, a sixteenth note, and a eighth note. There is a fermata over the eighth note. The bottom staff is a guitar neck diagram with three strings labeled T (top), A (middle), and B (bottom). Fret numbers 5, 5, and 3 are marked above the strings. Below the strings, a sequence of numbers 3, 1, 3, 1, 1, 3, (3) indicates fingerings. A curved arrow labeled $\frac{1}{2}$ points from the third string at fret 3 down to the first string at fret 1.

CHƯƠNG XII: LEGATO

LEGATO:

Legato là thuật ngữ trong âm nhạc dùng để chỉ cách chơi các nốt nhạc một cách **mượt mà, liền mạch** giữa các nốt mà không có sự ngắt quãng rõ ràng. Legato có thể áp dụng cho nhiều loại nhạc cụ như piano, guitar, violin và nhiều nhạc cụ khác.

Trên guitar, Legato được thực hiện bằng cách kết hợp các kĩ thuật Hammer-on, Pull-off và Slide lại với nhau.

Âm thanh xuất phát chủ yếu từ lực bấm của các ngón tay trái tạo ra sự "liên mạch" đặc trưng của Legato, khác với âm thanh ngắt quãng khi đánh các nốt bằng pick bên tay phải. → Lắng nghe file âm thanh (...) để thấy rõ sự khác biệt.

The image shows two musical examples side-by-side. On the left, under the heading 'Alternate Picking', there is a staff of sixteenth-note patterns with a tempo of quarter note = 80. Below the staff is a tablature for a guitar neck, showing a sequence of notes from the 5th to the 4th string. On the right, under the heading 'Legato', there is a similar staff and tablature, but the notes are connected by horizontal lines above them, indicating smooth transitions between notes. Both examples have a tempo of quarter note = 80.

→ Khi sử dụng legato, không chỉ giúp người chơi cải thiện được tốc độ trong những đoạn solo cao trào mà còn mang lại âm thanh mềm mại, uyển chuyển. Việc luyện tập legato đều đặn sẽ giúp bạn kiểm soát tốt hơn độ vang của từng nốt và nâng cao khả năng biểu cảm trong trình diễn.

Lưu ý khi tập luyện Legato:

- Đảm bảo độ rõ ràng của từng nốt

Dù không gảy dây cho từng nốt, mỗi âm thanh trong legato vẫn cần vang rõ, đủ lực và không bị nghẹt tiếng. Tránh để các nốt sau bị yếu hoặc mờ so với nốt đầu tiên.

- Giữ nhịp đều đặn

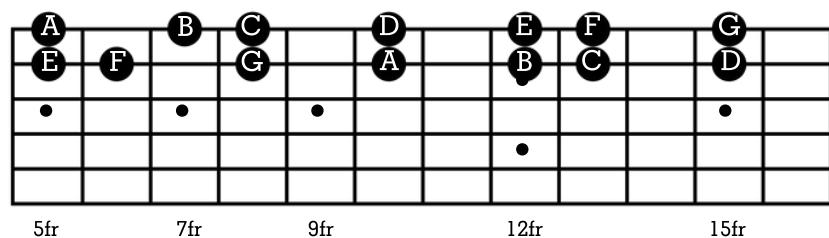
Luôn sử dụng metronome trong quá trình tập để đảm bảo các nốt đều nhau, không bị nhanh chậm thất thường.

- Thực hành chậm và có kiểm soát

Hãy làm chủ kĩ thuật ở tốc độ chậm trước khi tăng tốc.

Bài Tập:

Bài 12.1:

 $\text{♩} = 70$

Guitar tablature for 'Bài 12.1'. The music is in 4/4 time. The top staff shows note heads (P, H, H, P, P) and the bottom staff shows string numbers (T, A, B). Fingerings (P, H) are indicated above the notes. The tablature consists of six lines of music, each line containing two staves. Measures 1-14 are shown, followed by a repeat sign and measures 1-4 again.

Bài 12.2:

DARKEST

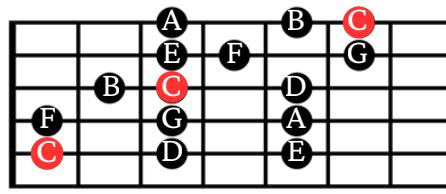
$\text{♩} = 60$

8fr.

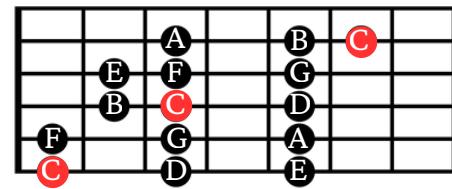
TAB notation for guitar, measures 1 through 10. The notation includes fingerings (1-3), dynamic markings (P H H P P), and string numbers (e.g., 12, 9, 10). Measure 10 ends with a double bar line.

Bài 12.3:

Bài 12.4:



3fr.



8fr

$\text{J} = 70$

The sheet music consists of six staves of musical notation for guitar, arranged in three columns. Each staff includes a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a common time signature. The notation uses a combination of standard musical notes and rhythmic patterns labeled with 'H' (half note), 'P' (quarter note), and 'H' (half note). Measures are numbered 1 through 18. The first two staves show a repeating pattern of eighth-note chords. The third staff shows a descending scale-like pattern. The fourth staff shows a descending scale-like pattern with specific note names indicated. The fifth staff shows a descending scale-like pattern with specific note names indicated. The sixth staff shows a descending scale-like pattern with specific note names indicated.

Legato Lick 1

$\text{J} = 95$

od.guit.

TAB

4 5 5 6 8 10 | (10) 8 6 8 5 | (5) 5 7 5 4 | (4) 5 7 5 (5) 2 5 3 |

3 5 7 3 5 7 4 7 4 5 7 5 8 5 6 8 | 5 8 5 7 8 10 8 7 | 10 6 8 10 8 | (10) 8 |

Legato Lick 2

• 95

od.guit.

Legato Lick 3

J = 95

od.guit.

CHƯƠNG XIII: MELODIC BALLAD

Melodic Ballad là phong cách âm nhạc mang thiên hướng trữ tình, dễ nghe, giàu cảm xúc và có tuyến giai điệu nổi bật, dễ nhớ.

Trong chương này, các bài solo được viết phần lớn dựa trên âm giai trưởng, các nốt nhạc được sắp xếp gần nhau tạo nên giai điệu như một câu chuyện được kể bằng âm thanh. Ngoài ra, các bạn cần lưu ý về tiết tấu, lực phím (mạnh và nhẹ), cách sử dụng kỹ thuật để tạo nên các câu nhạc truyền cảm hơn.

Bên dưới là 2 bài tập biến thể dựa trên âm giai C, tất nhiên chúng ta có thể tập trên âm giai khác tương tự bài tập 8.1 chương VIII...

Scale Variation 1

$\text{♩} = 70$

T
A
B

8-7-5 8-6-8 5-8-7-5 8-6-5-6-8-7 | 5-8-6-5 7-5-6-5 8-6-5 7-5-7 5-8

3 4

T
A
B

6-5 7-5-4 5-7 6-5 7-5-4 7-4-5 5 | 7-5-4 7-5-7 4-7 5

Scale Variation 2

$\text{♩} = 70$

T
A
B

3-5 2-3-5-3-2 3-5, 2-3-5, 2-5-3, 5 | 2-3-5, 2-4-2, 5-2-3-5, 2-4-5-4-2-3

3 4

T
A
B

5-2-4-5 3-5-4-5 2-4-5 3-5-3-5-2 | 4-5-3-5-6-5-3-4-5

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Flower

Bài hát này mang màu sắc Ballad hiện đại với tone đàm distortion nhẹ, giàu dynamics, âm thanh vừa đủ nén để tạo sustain nhưng vẫn giữ được độ sạch cần thiết để thể hiện cảm xúc. Các bạn có thể tham khảo cách set sound sau:

Gợi ý cách set sound:

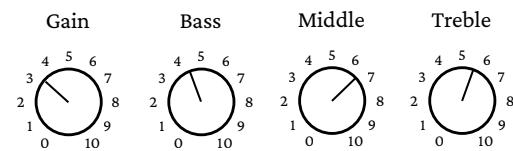
- Amp: Vox, Marshall, Mesa-Boogie (low gain setting)

Bass: 11-12h – giữ tiếng tròn, không lấn

Mid: 13-14h – đẩy độ dày và tiếng solo nổi hơn trong bản mix

Treble: 12-13h – giữ tiếng đủ độ sáng

Gain/Drive: 10-11h – giữ vừa đủ độ rit, không gây vỡ tiếng

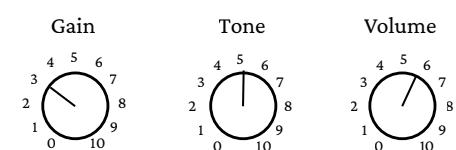


- Overdrive/Boost: Friedman BE-OD, Pro Co Rat

Gain: 9–10h

Tone: 12h

Volume: vừa đủ để boost lên một chút (13–14h)

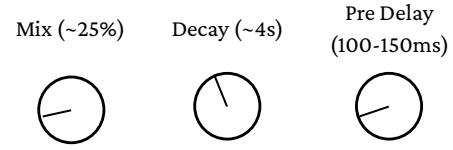


- Reverb: Plate hoặc Hall

Mix nhẹ (~25%) – tạo chiều sâu mà không làm mất rõ nét

Decay: ~4s

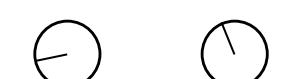
Pre Delay: 100-150ms



- Delay: Digital hoặc Analog

Time: ~400–500ms

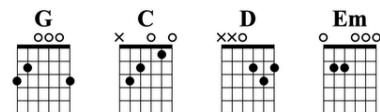
Mix: 20–30%



Tone: G

Flower

Haechan Park



Standard tuning

 $\text{♩} = 62$

Intro section (Measures 1-4):

- Measure 1: Rest
- Measure 2: Rest
- Measure 3: Rest
- Measure 4: Rest

TAB notation below the staff:

- Meter: $\frac{4}{4}$
- String 6: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 5: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 4: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 3: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 2: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 1: T (Top), A (Middle), B (Bottom)

[A] Verse

Verse (Measures 5-8):

- Measure 5: G (slurred), C (slurred), D (slurred), Em (slurred)
- Measure 6: C (slurred), D (slurred), G (slurred)
- Measure 7: C (slurred), D (slurred), G (slurred)
- Measure 8: G (slurred)

TAB notation below the staff:

- Meter: $\frac{4}{4}$
- String 6: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 5: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 4: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 3: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 2: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 1: T (Top), A (Middle), B (Bottom)

Verse (Measures 9-12):

- Measure 9: G (slurred), C (slurred), D (slurred), Em (slurred)
- Measure 10: C (slurred), D (slurred), G (slurred)
- Measure 11: C (slurred), D (slurred), G (slurred)
- Measure 12: G (slurred)

TAB notation below the staff:

- Meter: $\frac{4}{4}$
- String 6: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 5: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 4: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 3: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 2: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 1: T (Top), A (Middle), B (Bottom)

Bridge (Measures 13-16):

- Measure 13: G (slurred), C (slurred)
- Measure 14: D (slurred), Em (slurred)
- Measure 15: C (slurred), D (slurred), G (slurred)
- Measure 16: G (slurred)

TAB notation below the staff:

- Meter: $\frac{4}{4}$
- String 6: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 5: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 4: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 3: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 2: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 1: T (Top), A (Middle), B (Bottom)

Final section (Measures 17-20):

- Measure 17: G (slurred), C (slurred)
- Measure 18: D (slurred), Em (slurred)
- Measure 19: C (slurred), D (slurred), G (slurred)
- Measure 20: G (slurred)

TAB notation below the staff:

- Meter: $\frac{4}{4}$
- String 6: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 5: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 4: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 3: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 2: T (Top), A (Middle), B (Bottom)
- String 1: T (Top), A (Middle), B (Bottom)

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Bước Qua Mùa Cô Đơn

Đoạn solo "Bước Qua Mùa Cô Đơn" được viết dựa trên câu giai điệu chính của phần điệp khúc, để tái hiện đúng tinh thần cao trào và da diết, các bạn cần cẩn chỉnh một chất âm Overdrive dày, nhiều gain, nhưng vẫn giữ được độ rõ nét ở từng nốt.

Gợi ý cách set sound:

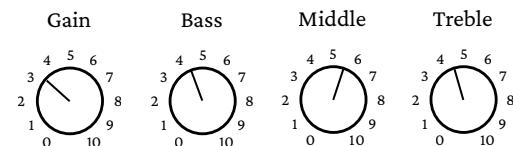
- Amp: Clean Amp như Fender, Roland, Vox,..

Bass: 11-12h

Mid: 12-13h

Treble: 11-12h

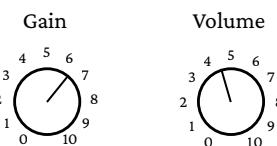
Gain/Drive: 10-11h



- Overdrive/Boost: Keeley Super Phat Mod, Fulltone OCD

Gain: 13-14h (từ trung bình đến cao để đảm bảo sustain tốt và dễ kiểm soát bending)

Volume: 11-12h

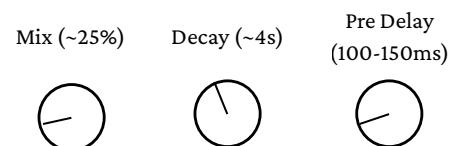


- Reverb: Plate, Hall, hoặc Chamber

Mix: 20-25%

Decay: ~4s

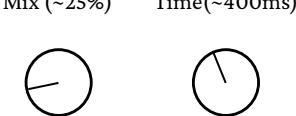
Pre Delay: 100-150ms



- Delay: Digital hoặc Analog

Time: ~400–500ms

Mix: 20–30%

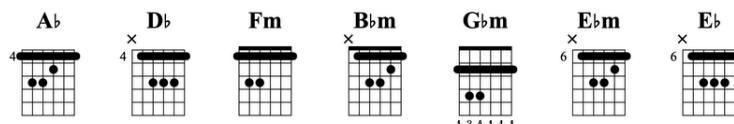


→ Kết quả là một tiếng guitar đầy lực để thể hiện cảm xúc, có độ nén và sustain hỗ trợ cho kỹ thuật Bending, Vibrato, nhưng vẫn giữ được tinh thần Ballad của bài hát

Tone: Db

Bước Qua Mùa Cô Đơn

Vu.



Standard tuning

| = 67

The image shows a musical score and its corresponding tablature for a guitar solo. The score is in A♭ major (two flats) and F major (one flat). The tablature is in standard notation with a 4/4 time signature. The music includes various techniques such as slurs, grace notes, and hammer-ons (H). The tablature below shows the fret positions and strumming patterns. The first measure starts at the 13th fret, the second at the 14th, and so on. The 'full' label indicates a sustained note or a full bar rest.

A♭

10 11 12

D♭

sl. H 11 12

Fm

13 14

TAB

full full
16 16 16 16 14
13 14 14 16 (16) 14 16 16 14
13 13 11 9 13 14

B♭m

13 sl. H ~~~~~

G♭m

14 full ½ ~~~~~

T A B

14 / 16 14 - 16 (16) 14 - 16 14 - 16 14 - 16 14 - 16 (16) 18 18 - 16 14 - 16

E♭m

15 sl. ~~~~~

B♭m

16 H P ~~~~~

E♭

17 H P ~~~~~

T A B

16 / 18 18 18 18 18 16 - 14 16 14 16 14 13 / 13 14 - 13 14 - 13 11 - (11)

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Phép Màu

Đoạn solo "Phép Màu" được xây dựng dựa trên âm giai – G Major/E minor, kết hợp các kĩ thuật Bending, Vibrato tạo sự nhấn nhá, đi kèm với các câu Lick Legato tốc độ cao mang đến cảm giác dồn dập, đầy cảm xúc đặc trưng của dòng nhạc Rock Ballad.

Về phần sound, Tone Guitar được set theo hướng Overdrive với Gain ở mức trung bình, đủ mạnh mẽ để thể hiện phần cảm xúc cao trào nhất của bài hát. Các bạn có thể tham khảo cách set sound sau:

Gợi ý cách set sound:

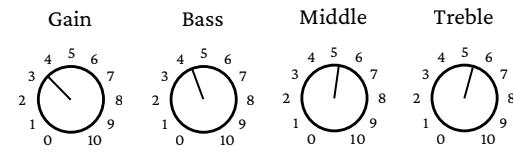
- Amp: Clean Amp như: Fender, Dumble, Two-Rock,...

Bass: 11-12h

Mid: 12-13h

Treble: 12-13h

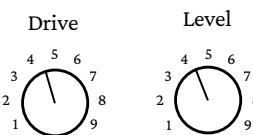
Gain/Drive: 10-11h (giữ tiếng rõ ràng nhưng có chút grit khi chơi mạnh)



- Overdrive/Boost: Keeley Super Phat Mod, Klon Centaur, Boss SD-1

Drive: 11-12h

Level: 11-12h (đủ để đẩy nhẹ signal, cân bằng với tín hiệu Clean)

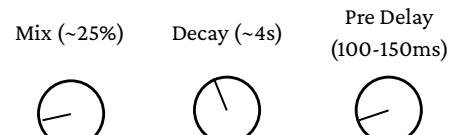


- Reverb: Plate hoặc Hall

Mix: 20-25%

Decay: ~4s

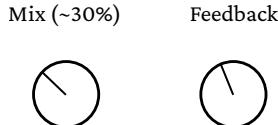
Pre Delay: 100-150ms



- Delay: Digital, Analog

Feedback: 11-12h

Mix: 30-40% (10-11h)



Tone: G

Phép Màu

Mounter x MAYDAYs, Minh Tốc

Standard tuning

• = 72

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

Crying

"Crying" là một bản Instrumental Ballad nổi bật trong sự nghiệp của Joe Satriani, nơi ông khai thác triệt để khả năng biểu cảm của guitar điện thông qua kỹ thuật Legato, Bending, Vibrato và cách xử lý Sustain cực kỳ tinh tế. Để thể hiện đúng màu sắc và cảm xúc của bài hát, các bạn cần một chất âm Overdrive dày, mượt, có độ gain vừa đủ, nhiều Delay và Reverb để tạo không gian vang xa, bay bổng.

Gợi ý cách set sound:

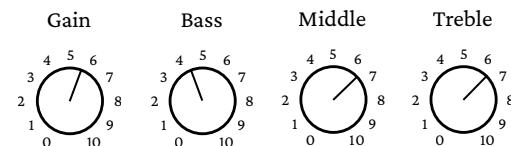
- Amp: Marshall hoặc Mesa Boogie với Clean Boost Pedal ở trước

Bass: 11-12h

Mid: 13-14h

Treble: 13-14h

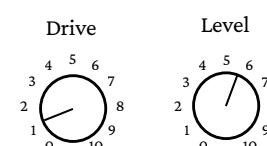
Gain/Drive: 13-14h



- Overdrive/Boost: Boss DS-1, Suhr Riot, JHS Angry Charlie

Drive: 7-8h

Level: 13-14h

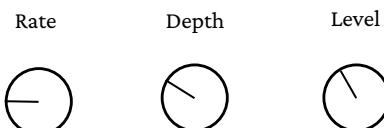


- Chorus: Boss CH-1 Super Chorus

Rate: 9-10h

Depth: 10-11h

Level: 11-12h

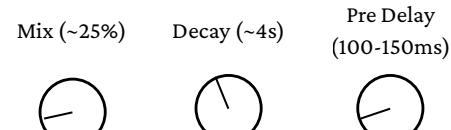


- Reverb: Plate hoặc Hall

Mix: 20-25%

Decay: ~4s

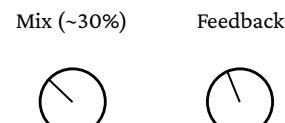
Pre Delay: 100-150ms



- Delay: Digital, Analog hoặc Ping Pong

Feedback: 11-12h

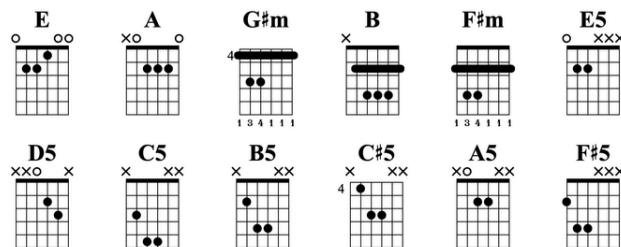
Mix: 30-40% (10-11h)



Tone: E

Crying

Joe Satriani



Standard tuning

86

A Verse

A musical score for 'The Star-Spangled Banner' featuring piano and bassoon parts. The piano part is in treble clef with a key signature of F# major (one sharp). It includes dynamic markings like **p**, **sl.**, and various grace note patterns. The bassoon part is in bass clef with a key signature of C major (no sharps or flats). It includes tablature with fingerings such as (7) and (4).

Musical score and tablature for guitar part 2, measures 10-19. The score shows a six-string guitar with various techniques like hammer-ons, pull-offs, and slides. The tablature below provides a staff-by-staff transcription with specific fingerings and performance instructions such as 'P.M.' (Pizzicato Mute), 'f' (fortissimo), and dynamic markings like 'p' (pianissimo). Measure 10 starts with a hammer-on from the 12th fret of the 6th string to the 14th fret of the 5th string. Measure 11 follows with a series of eighth-note patterns. Measures 12-13 show more complex patterns with slides and hammer-ons. Measure 14 begins with a muted eighth note followed by a sustained note. Measure 15 concludes with a sustained note and a melodic line starting at measure 16.

E

(19) 14-12 full (14)-(14)-12 P.M. - - - | 14-12-14 12 P.M. - | 14-16 16-12 12-14

A

14-12 full (14)-(14)-12 P.M. - - - | 14-12-14 12 P.M. - | 14-16 16-12 12-14

G#m

14-16 16-12 12-14

B Chorus

A

14-17~14

A

17 17 17-(17) 16 17-(17) 17

G#m

17-(17) 16 17-(17) 17

F#m

16 16

G#m

17-(17) 17-(17)

A

17 17 17

G#m

(17) 16 17-(17) 17

F#m

19 19 16

B

17-(17) 17-(17)

A Verse

E

(17)

P.M. - - - | P.M. - - |

A

X 2 4 2 (2) 4 2 2 4 (4) 2 X 4 2 4 2 4 2 2

P.M. - - - | P.M. - - |

G#m

1/2

E

28 29 30

P.M. -1 P.M. -1 full P sl. sl. sl. P.M. -1 P.M. -1 full

T A B
2 - 4 2 - (2) - 4 - 2 2 - 4 (4) - 2 X - 2 - 4 - (4) - 7 (7) - 2 (2) X - 2 - 4 2 - (2) - 4 - X - X - 4

A **G#m** **B**

31 32 33

P P.M. -1 P.M. sl. full 9 12 9 full 11 (11) 9 12 full

T A B
(4) - (4) - 2 X - 4 - 2 - 4 - 2 2 - 4 2 - 4 - 2 - 6 4 - 4 11 - 9 11 - (11) 9 12

B Chorus

A **G#m** **F#m**

34 35 36 37 38 39

full 17 17 (17) 16 17 (17) 17 16 16 17 17 full 17 full

T A B
(12) - 17 17 (17) (17) 16 17 (17) 17 16 16 17 17

G#m **A** **G#m**

37 38 39 40

full 17 (17) (17) 17 17 (17) 16 17 (17) 17 16 17 (17) 17

T A B
(17) 17 (17) (17) 17 17 (17) 16 17 (17) 17 16 17 (17) 17

F#m **B**

40 41 42 43

full 19 19 16 17 (17) (17) (17) 19 - 17 15 sl. P

T A B
19 - 19 16 17 (17) (17) (17) 19 - 17 15

Bridge

E5 43 **D5** 44 **C5** 45

full

T A B

17 (17)

3 2 0 (3)
(2)
(0)

X X X X
X X X X

5 5 3 X X X X

Musical score for guitar showing three measures of chords A5, B5, and C#5. The score includes a treble clef, a key signature of five sharps, and a time signature of common time. Measure 49 shows an A5 chord (E, G#, C#) with a bass note E. Measure 50 shows a B5 chord (D, G#, B, E) with a bass note D. Measure 51 shows a C#5 chord (A, C#, E, G#) with a bass note A. The tablature below shows the fingerings for each chord: measure 49 (2, 0), measure 50 (X, X, X, X), measure 51 (4, 4, 2).

F#5 A5 B5

52 53 54 55

TAB

4	X X	2	X X	4
4	X X	0	X X	4
2	X X			2

GIỚI THIỆU BÀI HÁT

I Miss You

"I Miss You" - bản ballad nhẹ nhàng, sâu lắng. Giai điệu bài hát được viết dựa trên âm giai F major, có vài nốt được chơi ngoài âm giai F – kết hợp cùng hoà âm tạo nên màu sắc day dứt, mãnh liệt - đây là điều đặc trưng của dòng nhạc Ballad Hàn Quốc.

Kỹ thuật chủ đạo bao gồm: Slide và Vibrato nhẹ để tạo độ ngân và chiều sâu cho từng nốt. Các bạn cần đặc biệt chú ý đến lực đánh, kiểm soát biểu cảm qua tay phải, không nên phô diễn quá nhiều kỹ thuật, mà hãy đặt cảm xúc, hơi thở của mình trong lúc thể hiện bài hát.

Gợi ý cách điều chỉnh âm thanh:

Để thể hiện được sự tinh tế và đầy cảm xúc của bài, bạn nên điều chỉnh âm thanh Crunch ở Verse và Overdrive ở phân đoạn Chorus :

- Sử dụng pedal Overdrive - Gain mức 12h
- Reverb rộng

Gợi ý cách set sound:

- Amp: Clean Amp (Fender, ToneKing, Two-Rock,...)

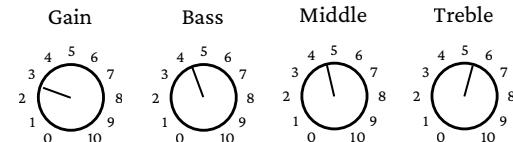
Giữ các dải tần ở trạng thái trung tính, cân bằng

Bass: 11-12h

Mid: 12-13h

Treble: 12-13h

Gain/Drive: 9-10h (thấp, giữ tín hiệu ở dạng nguyên bản)

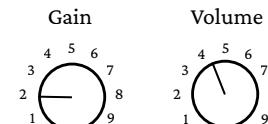


- Clean Boost: Xotic RC Booster, EP Booster

Mục tiêu là đẩy nhẹ tín hiệu để tiếng dày và nổi bật hơn

Gain: thấp (~9h)

Volume: 10-11h

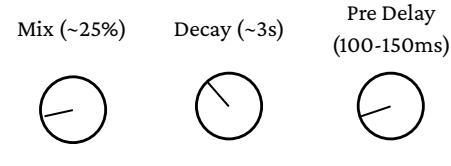


- Reverb: Plate hoặc Hall

Mix: 20-25%

Decay: ~3s

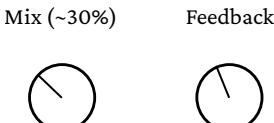
Pre Delay: 100-150ms



- Delay: Digital, Analog

Feedback: 11-12h

Mix: 30-40% (10-11h)

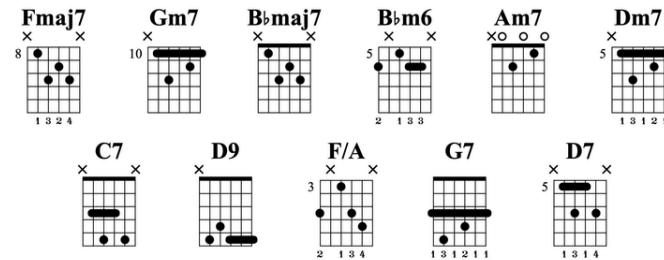


→ Đây là một bản ballad Hàn Quốc điển hình, đề cao sự mộc mạc, tinh tế. Hãy chơi theo cảm xúc mãnh liệt, day dứt, chú trọng vào sắc thái hơn là kỹ thuật phức tạp.

Tone: F

I Miss You

Kim Bum Soo



Standard tuning

 $\text{♩} = 65$

[A] Verse

Fmaj7 Gm7 Bbmaj7 Bbm6

This section starts with a rest. It then moves through four measures of chords: Fmaj7, Gm7, Bbmaj7, and Bbm6. The Bbmaj7 and Bbm6 chords are sustained with slurs. The tab includes a T-A-B string indicator below the staff.

Am7 Dm7 Gm7 C7 Fmaj7 Gm7

This section continues with a measure of Am7 followed by Dm7, Gm7, C7, Fmaj7, and Gm7. The tab includes a T-A-B string indicator below the staff.

Bbmaj7 Bbm6 Am7 D9 Gm7 C7

This section begins with a measure of Bbmaj7 followed by Bbm6, Am7, D9, Gm7, and C7. The tab includes a T-A-B string indicator below the staff.

[B] Pre Chorus

Bbmaj7 F/A Gm7 C7

This section starts with a measure of Bbmaj7 followed by F/A, Gm7, and C7. The tab includes a T-A-B string indicator below the staff.

Fmaj7

B♭m6

Am7

D9

Gm7

G7

C7

Fmaj7

B♭maj7

B♭m6

Am7

Dm7

Gm7

C7

Fmaj7

D7

Gm7

C7

B♭maj7

Am7

D7

Gm7

C7

B♭maj7